

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ QUỐC PHÒNG - AN NINH



Tài liệu môn học
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 3
(Quân sự chung)

Lưu hành nội bộ

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 8 năm 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Các em sinh viên thân mến

Giáo dục Quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) cho sinh viên là nhiệm vụ quan trọng, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, rèn luyện năng lực, sẵn sàng tham gia Xây dựng và Bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

Chính vì vậy, công tác GDQP&AN cho thế hệ trẻ được Đảng, Nhà nước ta rất quan tâm, đã ban hành: Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị (Khóa X) “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GDQP&AN trong tình hình mới”; Luật GDQP&AN năm 2013; Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 “Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật GDQP&AN”; Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình GDQP&AN trong cơ sở giáo dục đại học.

*Quán triệt quan điểm của Đảng, luật pháp Nhà nước, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo toàn diện của nhà trường; Bộ môn GDQP&AN, Khoa GD Thể chất và QP.AN, Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh đã nghiên cứu, biên soạn “**Tài liệu môn học GDQP&AN 3**” (lưu hành nội bộ).*

Quá trình biên soạn đã bám sát thực tiễn, mục tiêu, yêu cầu của môn học, cô đọng nội dung; cập nhật các văn bản luật và tài liệu tập huấn hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, song khó tránh khỏi thiếu sót.

*Bộ môn GDQP&AN rất mong nhận được ý kiến đóng góp của cán bộ, giảng viên và sinh viên nhà trường để **Tài liệu môn học** được hoàn thiện, bổ ích, thiết thực xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân thời kỳ mới.*

Mọi góp ý xin gửi về email: thuanbm@huit.edu.vn.

Xin chân thành cảm ơn.

MỤC LỤC VÀ QUY ĐỊNH SỐ TIẾT

Bài	Tên bài	Trang số	Tổng số tiết	Phân chia	
				Lý thuyết	Thực hành
Bài 1	Các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần trong Quân đội	3	2	2	
Bài 2	Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại	11	2	2	
Bài 3	Hiểu biết chung về các các quân chủng, binh chủng trong quân đội	18	4	4	
Bài 4	Điều lệnh đội ngũ từng người có súng	36	4		4
Bài 5	Điều lệnh đội ngũ đơn vị	48	4		4
Bài 6	Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	65	4	2	2
Bài 7	Phòng, chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao	86	4	2	2
Bài 8	Ba môn quân sự phối hợp	95	6	2	4
	Cộng		30	14	16

Bài 1

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT, HỌC TẬP, CÔNG TÁC TRONG NGÀY, TRONG TUẦN TRONG QUÂN ĐỘI

Nội dung bài này trang bị một số nội dung của Điều lệnh quản lý bộ đội về các chế độ trong ngày, chế độ trong tuần; giúp sinh viên hiểu biết về các hoạt động của người chiến sĩ trong môi trường quân đội và liên hệ vận dụng vào thực tiễn trong thời gian tập trung học tập giáo dục quốc phòng và an ninh.

Quy định về thời gian làm việc trong ngày, trong tuần:

- Trong điều kiện bình thường, khi đóng quân trong doanh trại, thời gian làm việc, sinh hoạt và nghỉ ngơi trong tuần, trong ngày được phân chia như sau: Mỗi tuần làm việc 5 ngày và nghỉ 2 ngày vào thứ bảy và chủ nhật; nếu nghỉ vào ngày khác trong tuần phải do Tư lệnh Quân khu, Quân chủng, Quân đoàn và tương đương trở lên quy định thống nhất cho đơn vị thuộc quyền. Ngày lễ, ngày Tết được nghỉ theo quy định của Nhà nước.

- Quân nhân làm việc vào ngày nghỉ thì được nghỉ bù. Thời gian và quyền hạn cho quân nhân nghỉ bù do người chỉ huy cấp Đại đội và tương đương trở lên quyết định. Ngày nghỉ được tổ chức vui chơi giải trí, hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ, vệ sinh môi trường, nhưng phải dành một thời gian nhất định để quân nhân có điều kiện giải quyết việc riêng. Mỗi ngày làm việc 8 giờ, còn lại là thời gian ngủ, nghỉ, sinh hoạt và phải được phân chia cụ thể theo thời gian biểu trong ngày. Trong điều kiện đặc biệt, thời gian làm việc và nghỉ sẽ có quy định riêng.

- Sử dụng các buổi tối trong tuần: Tất cả các buổi tối trong tuần (trừ các buổi tối trước và trong ngày nghỉ) phải tổ chức học tập hoặc sinh hoạt. Thời gian học tập, sinh hoạt mỗi buổi tối không quá 2 giờ. Những đêm trước ngày nghỉ có thể ngủ muộn hơn, nhưng không quá 23 giờ và sáng hôm sau thức dậy không quá 7 giờ.

- Thời gian làm việc theo 2 mùa quy định như sau: Mùa nóng từ ngày 01 tháng 4 đến 31 tháng 10. Mùa lạnh từ ngày 01 tháng 11 đến 31 tháng 3 năm sau. Thời gian biểu làm việc hàng ngày theo từng mùa do Tư lệnh Quân khu, Quân chủng, Quân đoàn và tương đương trở lên quy định.

1. Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày

1.1. Treo quốc kỳ

Các đơn vị từ cấp Trung đoàn và tương đương trở lên, khi đóng quân cùng trong một doanh trại phải tổ chức treo Quốc kỳ hàng ngày ở một vị trí trang trọng nhất.

Các Đại đội, Tiểu đoàn và tương đương khi đóng quân độc lập thì tổ chức treo Quốc kỳ trên sân chào cờ, duyệt đội ngũ của đơn vị. Thời gian treo Quốc kỳ lúc 6 giờ, thời gian hạ Quốc kỳ lúc 18 giờ hàng ngày.

1.2. Thức dậy

Trực chỉ huy và trực ban phải thức dậy trước 10 phút để trực tiếp ra hiệu lệnh báo thức và đi kiểm tra đôn đốc mọi quân nhân trong đơn vị dậy đúng giờ.

Khi có hiệu lệnh báo thức mọi quân nhân phải dậy ngay, rời khỏi phòng ngủ để ra sân tập thể dục hoặc chuẩn bị sẵn sàng công tác.

1.3. Thể dục sáng

Đúng giờ quy định mọi quân nhân trong đơn vị phải tập thể dục sáng, trừ người làm nhiệm vụ, đầu ồm được chỉ huy trực tiếp cho phép.

Thời gian tập thể dục 20 phút. Trang phục tập thể dục do người chỉ huy đơn vị quy định thống nhất, theo điều kiện thời tiết cụ thể.

Nội dung tập thể dục theo hướng dẫn của ngành thể dục, thể thao quân đội.

Trung đội hoặc Đại đội và tương đương là đơn vị tổ chức tập thể dục. Tập thể dục có súng phải khám súng trước và sau khi tập.

1.4. Kiểm tra sáng

Kiểm tra sáng được tiến hành hàng ngày (trừ ngày nghỉ và ngày chào cờ). Tổ chức kiểm tra ở Tiểu đội, Trung đội và tương đương. Nội dung kiểm tra theo lịch thống nhất trong tuần của Đại đội và tương đương. Kiểm tra ở cấp nào do người chỉ huy cấp đó điều hành. Khi kiểm tra, phát hiện sai sót phải sửa ngay. Thời gian kiểm tra sáng 10 phút.

1.5. Học tập

1.5.1. Học tập trong hội trường

Người phụ trách hoặc trực ban lớp học phải kiểm tra quân số, trang phục, chỉ huy bộ đội vào vị trí, hô "Nghiêm" và báo cáo giảng viên.

Nếu đơn vị có mang theo vũ khí phải tổ chức khám súng trước và quy định nơi giá (đặt) súng.

Quân nhân ngồi trong hội trường phải đúng vị trí quy định, tập trung tư tưởng theo dõi nội dung học tập.

Khi ra hoặc vào lớp phải đứng nghiêm báo cáo xin phép giảng viên. Được phép mới ra hoặc vào lớp.

Sau mỗi tiết hoặc giờ học tập được nghỉ 5 đến 10 phút. Hết giờ nghỉ nhanh chóng vào lớp, tiếp tục nghe giảng. Giảng viên phải chấp hành đúng thời gian. Nếu giảng quá giờ quy định, phải báo cho người phụ trách lớp học và người học biết.

Hết giờ học, người phụ trách hoặc trực ban lớp hô "Đứng dậy" và hô "Nghiêm", báo cáo giảng viên cho xuống lớp, sau đó chỉ huy bộ đội ra về.

1.5.2. Học tập ngoài thao trường

Đi và về phải thành đội ngũ. Thời gian đi và về không tính vào thời gian học tập. Nếu một lần đi (về) trên một giờ được tính một nửa vào thời gian học tập;

Trước khi học tập, người phụ trách hoặc trực ban lớp học phải tập hợp bộ đội, kiểm tra quân số, trang phục, vũ khí, học cụ, khám súng, sau đó báo cáo với giảng viên.

Phải chấp hành nghiêm kỷ luật thao trường, tập luyện nơi gần địch phải có kế hoạch sẵn sàng chiến đấu. Súng đạn, trang bị chưa dùng trong luyện tập phải có người canh gác. Hết giờ luyện tập người phụ trách hoặc trực ban lớp phải tập hợp bộ đội, khám súng, kiểm tra quân số, vũ khí, học cụ và các trang bị khác, chỉnh đốn hàng ngũ, báo cáo giảng viên cho bộ đội nghỉ, sau đó chỉ huy bộ đội về doanh trại hoặc nghỉ tại thao trường.

Trường hợp có cấp trên của giảng viên ở đó thì giảng viên phải báo cáo cấp trên trước khi lên, xuống lớp.

1.6. Ăn uống

Người chỉ huy đơn vị có tổ chức bếp ăn phải quản lý nhà ăn, nhà bếp; bảo đảm tiêu chuẩn định lượng; ăn sạch, ăn nóng và ăn đúng giờ quy định.

Hàng ngày chỉ đạo trực ban, tổ kinh tế, quân y kiểm tra số người ăn; số lượng, chất lượng lương thực, thực phẩm sử dụng theo tiêu chuẩn được hưởng; vệ sinh nhà ăn, nhà bếp sạch sẽ.

Thực hiện kinh tế công khai trong ngày, tháng; giải quyết mọi thắc mắc, đề nghị về ăn uống của quân nhân.

Cán bộ, chiến sĩ phục vụ nhà ăn phải nêu cao ý thức trách nhiệm phục vụ, có kế hoạch tổ chức tiếp phẩm, cải tiến kỹ thuật nấu ăn; giữ vệ sinh, chăm lo bữa ăn, bảo đảm sức khỏe cho bộ đội.

Bảo quản lương thực, thực phẩm, chất đốt; cân đong, đo, đếm chính xác; có sổ ghi chép xuất, nhập đầy đủ, tránh để hao hụt, lãng phí tham ô. Hàng ngày, tuần, tháng cùng với hội đồng kinh tế của đơn vị tiến hành kiểm kho, báo cáo kinh tế công khai trước các quân nhân.

Khi làm việc phải mặc quần áo công tác. Người đang mắc bệnh truyền nhiễm hoặc bệnh ngoài da không trực tiếp nấu ăn và chia cơm, thức ăn. Đối với người ốm tại trại, nếu không đến được nhà ăn, trực nhật và quân y phải mang cơm về cho người ốm.

Những suất chưa ăn, nhân viên nhà ăn phải đẩy lại cẩn thận.

Cấm sử dụng thức ăn nấu chưa chín, ôi thiu; thịt súc vật bị bệnh, đồ hộp hỏng; các loại lương thực, thực phẩm của địch bỏ lại chưa được quân y kiểm tra.

Cấm để chất độc, vật bẩn, hôi hám vào khu thực phẩm, nhà bếp, nhà ăn. Nếu dùng thuốc diệt muỗi, chuột, mối phải có biện pháp quản lý chặt chẽ. Nước ăn, uống phải trong, sạch. Nước uống, nước nhúng bát đĩa phải đun sôi.

Mỗi bữa ăn phải để lại 1 phần suất ăn làm lưu nghiệm do quân y quản lý. Sau 24 giờ không có việc gì xảy ra mới bỏ đi.

Khi đến nhà ăn phải đúng giờ, đi ăn trước hay sau giờ quy định phải được chỉ huy hoặc trực ban đơn vị đồng ý và báo trước cho nhà bếp.

Hạ sĩ quan, binh sĩ, học viên chưa phải là sĩ quan đến nhà ăn phải tập hợp đi thành đội ngũ.

Trước khi ăn phải nhúng bát đũa qua nước sôi. Ăn xong xếp gọn bát, đĩa trên mặt bàn, xếp ghế vào gầm bàn trước khi rời nhà ăn.

1.7. Bảo quản vũ khí, khí tài, trang bị

Khi quân nhân được giao vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật phải chấp hành nghiêm chế độ bảo quản hàng ngày, hàng tuần.

Hàng ngày: Vũ khí bộ binh bảo quản 15 phút, vũ khí, trang bị kỹ thuật, khí tài phức tạp bảo quản 30 phút, thời gian bảo quản vào giờ thứ 8.

Hàng tuần: Vũ khí bộ binh bảo quản 40 phút, vũ khí, trang bị, khí tài phức tạp bảo quản từ 3 đến 5 giờ, thời gian bảo quản vào ngày làm việc cuối tuần.

Sau khi bắn đạn thật phải bảo quản vũ khí theo đúng quy trình kỹ thuật.

Lau chùi, bảo quản vũ khí, trang bị kỹ thuật hàng ngày, hàng tuần do chỉ huy trực tiếp tổ chức tiến hành có sự hướng dẫn của nhân viên chuyên môn kỹ thuật.

Vị trí lau chùi vũ khí, trang bị kỹ thuật phải sạch sẽ. Có đủ bàn, bạt, dụng cụ và các điều kiện để tháo, lắp, bảo quản. Trước khi lau chùi phải khám súng.

Tuân thủ đúng quy tắc, quy trình tháo lắp, mức độ tháo, lau chùi hàng ngày, hàng tuần theo quy định đối với từng loại vũ khí, khí tài. Khi lau xong phải khám súng.

Người chỉ huy phải phân công quân nhân lau chùi, bảo quản vũ khí, trang bị kỹ thuật của những người vắng mặt.

1.8. Thể thao, tăng gia sản xuất

Hàng ngày sau giờ lau vũ khí, trang bị, các đơn vị phải tổ chức tập thể thao và tăng gia sản xuất cải thiện đời sống. Thời gian từ 40 đến 45 phút. Người chỉ huy cấp Đại đội, Trung đội và tương đương căn cứ vào tình hình cụ thể để phân chia lực lượng cho hợp lý và bố trí luân phiên trong tuần để bảo đảm mọi quân nhân đều được tập thể thao và tăng gia sản xuất.

Tổ chức tập thể thao buổi chiều phải căn cứ vào tình hình sân bãi và dụng cụ hiện có để sắp xếp, bảo đảm mọi quân nhân đều được tập luyện. Nội dung luyện tập theo hướng dẫn của ngành thể thao quân đội.

Người chỉ huy phải trực tiếp tổ chức, hướng dẫn tập luyện. Các môn tập luyện dễ xảy ra tai nạn phải tổ chức bảo đảm an toàn. Tổ chức tăng gia sản xuất để cải thiện đời sống phải chặt chẽ, có kế hoạch thống nhất trong từng đơn vị.

Người chỉ huy phải căn cứ vào tình hình cụ thể của nơi đóng quân để xác định kế hoạch, chỉ tiêu tăng gia sản xuất cho đơn vị được phù hợp. Quân nhân được phân công tăng gia sản xuất phải tích cực, tự giác thực hiện, không được làm việc khác trong giờ tăng gia sản xuất.

1.9. Đọc báo, nghe tin

Hàng ngày trước giờ học tập sinh hoạt tối 15 phút quân nhân đều được đọc báo, nghe tin. Việc đọc báo, nghe tin tập trung chỉ tổ chức trong các ngày sinh hoạt tối, còn các ngày khác tự cá nhân nghiên cứu.

Đọc báo, nghe tin tập trung tổ chức ở cấp Trung đội hoặc Đại đội và tương đương. Đến giờ quy định, mọi quân nhân phải có mặt ở vị trí quy định và giữ trật tự để nghe.

Người được phân công phụ trách đọc báo phải chuẩn bị trước để đọc lưu loát dễ nghe.

Người phụ trách hệ thống truyền tin, trước giờ truyền tin phải kiểm tra máy móc bảo đảm nghe tốt.

1.10. Điềm danh, điểm quân số

Hàng ngày trước giờ ngủ, phải tiến hành điềm danh, điểm quân số, nhằm quản lý chặt chẽ quân số, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu.

Trung đội và tương đương 1 tuần điềm danh 2 lần. Các tối khác điểm quân số.

Đại đội và tương đương 1 tuần điềm danh một lần.

Chỉ huy Tiểu đoàn và tương đương mỗi tuần dự điềm danh của 1 Đại đội. Thời gian điềm danh hoặc điểm quân số không quá 30 phút. Điềm danh, điểm quân số ở cấp nào do chỉ huy cấp đó trực tiếp tiến hành.

Đến giờ điềm danh, điểm quân số, mọi quân nhân có mặt tại đơn vị phải tập hợp thành đội ngũ, trang phục đúng quy định;

Chỉ huy đơn vị đọc danh sách các quân nhân ở từng phân đội theo quân số đơn vị quản lý (cấp bậc, họ tên từng quân nhân). Quân nhân nghe đọc tên mình phải trả lời “Có”. Quân nhân vắng mặt, người chỉ huy trực tiếp của quân nhân đó trả lời “Vắng mặt” kèm theo lý do.

Điềm danh xong, người chỉ huy nhận xét và phổ biến công tác ngày hôm sau.

Khi điểm quân số cũng tiến hành như điềm danh, nhưng không phải gọi tên. Người chỉ huy trực tiếp kiểm tra quân số thuộc quyền, sau đó báo cáo theo hệ thống tổ chức lên người chỉ huy điểm quân số.

Nhận báo cáo xong, người chỉ huy điểm quân số có thể kiểm tra lại toàn bộ hoặc một số phân đội.

1.11. Ngủ nghỉ

Trước giờ ngủ, trực ban, cán bộ chỉ huy trực tiếp các phân đội phải đôn đốc mọi người chuẩn bị chăn, chiếu, mắc màn để ngủ được đúng giờ. Đến giờ ngủ, kiểm tra việc sử dụng ánh sáng và quần áo, giày dép, trang bị để đúng nơi quy định.

Quân nhân khi lên giường ngủ phải để quần áo, giày dép đúng vị trí, gọn gàng, phải trật tự, yên tĩnh. Những người có việc làm quá giờ đi ngủ phải báo cáo người chỉ huy hoặc trực ban và phải làm việc ở nơi quy định. Những người làm nhiệm vụ về muộn phải nhẹ nhàng vào giường ngủ, không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ người khác.

2. Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong tuần

2.1. Chào cờ, duyệt đội ngũ

Cấp Đại đội, Tiểu đoàn và tương đương ở các đơn vị, các học viện, nhà trường đào tạo sĩ quan, hạ sĩ quan, nhân viên chuyên môn phải tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ vào sáng thứ 2 hàng tuần.

Cơ quan Trung đoàn, Lữ đoàn và các đơn vị trực thuộc của Trung, Lữ đoàn trong điều kiện đóng quân tập trung phải tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ chung vào sáng thứ 2 hàng tuần, do phó Trung đoàn, Lữ đoàn trưởng kiêm Tham mưu trưởng hoặc phó Trung, Lữ đoàn trưởng quân sự chỉ huy. Nếu các đơn vị trực thuộc đóng quân xa cơ quan Trung, Lữ đoàn thì phải tổ chức chào cờ theo quy định.

Cấp Trung đoàn và tương đương, học viện, trường; cơ quan cấp Sư đoàn; cơ quan quân sự, Biên phòng tỉnh (thành) khi đóng quân trong doanh trại tập trung tổ chức chào cờ duyệt đội ngũ 1 lần vào sáng thứ 2 tuần đầu tháng.

Cơ quan Quân khu, Quân chủng, Binh chủng, Quân đoàn, Bộ đội Biên phòng và tương đương, khi đóng quân trong doanh trại tập trung tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ toàn cơ quan một lần vào sáng thứ hai tuần đầu, tháng đầu quý, do một thủ trưởng BTL chỉ huy, các tháng khác do từng Cục tự tổ chức 1 lần vào sáng thứ 2 tuần đầu tháng.

Học viện, Trường có quân số nhiều hơn đơn vị cấp Trung đoàn trước khi tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ, người chỉ huy phải nắm quân số, quy định vị trí tập hợp của từng cơ quan, đơn vị và thứ tự duyệt đội ngũ trong điều hành; khi chỉnh đốn hàng ngũ, người chỉ huy đứng tại vị trí chỉ huy (chính giữa phía trước đội hình) chỉ huy đơn vị, không phải về bên phải đội hình chỉnh đốn hàng ngũ.

Cơ quan Quân sự huyện (quận), đồn Biên phòng tổ chức chào cờ một lần vào sáng thứ 2 tuần đầu tháng.

Trong tuần cấp trên tổ chức chào cờ thì cấp dưới không tổ chức chào cờ. Các đơn vị đóng quân gần địch do Tư lệnh Quân khu, Quân đoàn và tương đương được quyền cho phép đơn vị thuộc quyền không tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ nếu xét thấy không bảo đảm an toàn, sẵn sàng chiến đấu của đơn vị.

Tất cả quân nhân có mặt trong đơn vị phải tham gia chào cờ, trừ người làm nhiệm vụ hoặc đau ốm được người chỉ huy trực tiếp cho phép vắng mặt; quân nhân phải tham gia duyệt đội ngũ.

Chào cờ, duyệt đội ngũ ở cấp nào, do người chỉ huy cấp đó chủ trì và điều hành.

Chào cờ cơ quan từ cấp Trung đoàn và tương đương trở lên, do Phó chỉ huy kiêm Tham mưu trưởng hoặc Phó Chỉ huy quân sự chỉ huy.

Đội hình chào cờ, duyệt đội ngũ thực hiện theo quy định của Điều lệnh đội ngũ.

Thời gian chào cờ, duyệt đội ngũ được lấy vào giờ hành chính; cấp Đại đội, Tiểu đoàn và cơ quan có số quân tương đương không quá 30 phút; cấp Trung đoàn, nhà trường và cơ quan có quân số tương đương không quá 40 phút. Đến 18 giờ trong ngày, trực ban nội vụ hạ cờ xuống.

2.2. Thông báo chính trị

Đối với cấp Tiểu đoàn, Đại đội độc lập và tương đương, mỗi tuần quân nhân có 30 phút chính thức để nghe thông báo chính trị vào sáng thứ hai ngay sau khi kết thúc chào cờ và nhận xét tuần, trước khi duyệt đội ngũ.

Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân viên quốc phòng một tháng được nghe thông báo chính trị một lần 2 giờ (không tính vào thời gian làm việc chính thức) do cấp Trung đoàn và tương đương trở lên tổ chức. Nội dung do cán bộ chính trị phụ trách.

2.3. Tổng vệ sinh doanh trại

Mỗi tuần các đơn vị phải tổ chức và bố trí thời gian thống nhất để làm tổng vệ sinh doanh trại, đảm bảo môi trường sạch đẹp.

3. Trách nhiệm của sinh viên học GDQP&AN

Nắm chắc các chế độ sinh hoạt học tập, công tác trong ngày, trong tuần để thực hiện đầy đủ với ý thức tự giác, tích cực. Chấp hành nghiêm chỉnh những nội quy, quy định của Trung tâm trong lĩnh vực học tập, sinh hoạt tập thể.

Phát huy tinh thần trách nhiệm “mình vì mọi người”, xây dựng ý thức tập thể, tinh thần đồng đội. Khắc phục thói quen và những điểm còn hạn chế của bản thân khi thực hiện các chế độ quy định. Tự giác ghép mình vào kỷ luật, rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, khẩn trương.

Gương mẫu trong mọi hoạt động, không có những việc làm gây ảnh hưởng đến cá nhân và tập thể khi thực hiện các chế độ trong ngày, đặc biệt đối với chế độ học tập và chế độ ngủ, nghỉ.

Có tinh thần đấu tranh phê bình và tự phê bình để xây dựng tập thể, tích cực tham gia đóng góp ý kiến khi phát hiện sinh viên trong tiểu đội, trung đội chấp hành các chế độ quy định chưa nghiêm để có biện pháp động viên, giúp đỡ bạn khắc phục khuyết điểm.

Có thái độ học tập, rèn luyện nghiêm túc. Tích cực tham gia các hoạt động phong trào của đơn vị.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Nêu các chế độ học tập, công tác trong ngày và trong tuần. Trình bày chế độ học tập. Liên hệ việc thực hiện của bản thân.

Câu 2. Nêu các chế độ học tập, công tác trong ngày và trong tuần. Trình bày chế độ thức dậy và chế độ thể dục sáng. Liên hệ việc thực hiện của bản thân.

Câu 3. Nêu các chế độ học tập, công tác trong ngày và trong tuần. Trình bày chế độ ngủ nghỉ. Liên hệ việc thực hiện của bản thân.

Câu 4. Trách nhiệm của sinh viên học GDQP&AN trong việc thực hiện các chế độ học tập, công tác trong ngày và trong tuần.

Bài 2

CÁC CHẾ ĐỘ NỀN NẾP CHÍNH QUY, BỐ TRÍ TRẬT TỰ NỘI VỤ TRONG DOANH TRẠI

2.1. Các chế độ nền nếp chính quy

2.1.1. Hội họp

Hội họp được tổ chức theo từng cấp ở đơn vị. Tuỳ tính chất nhiệm vụ của đơn vị để tổ chức họp toàn thể quân nhân trong đơn vị hoặc chỉ họp riêng cán bộ.

Người chủ trì hội họp: Khi hội họp, giao ban chỉ có một người chủ trì. Hội họp, giao ban ở cấp nào do người chỉ huy hoặc chính uỷ, chính trị viên cấp đó chuẩn bị nội dung, xác định thành phần và chủ trì điều khiển hội họp, giao ban.

Hội họp, giao ban thuộc lĩnh vực, công tác nào thì người chủ trì lĩnh vực công tác đó hoặc người được uỷ quyền chủ trì điều khiển. Người làm công tác tổ chức hội họp, giao ban báo cáo người chủ trì, nếu có cấp trên đến dự thì báo cáo cấp trên.

Nội dung họp phải chuẩn bị trước, ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ. Người điều khiển họp phải lắng nghe ý kiến tham gia và kết luận rõ ràng. Người dự họp phải căn cứ vào mục đích yêu cầu, nội dung, thời gian để phát biểu, trong khi họp phải nghe ý kiến của nhau và nắm chắc kết luận của người điều khiển họp.

2.1.2. Trục ban, trục nhật

2.1.2.1. Trục ban nội vụ

Trục ban nội vụ được tổ chức trong từng cơ quan, đơn vị, để giúp người chỉ huy duy trì kỷ luật, trật tự nội vụ, vệ sinh và duy trì thời gian làm việc trong đơn vị.

- Tổ chức trục ban nội vụ:

Đơn vị từ cấp Đại đội, Tiểu đoàn và tương đương; các cơ quan từ cấp Trung đoàn, Lữ đoàn, Sư đoàn, Quân đoàn, Binh chủng, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, cơ quan bộ chỉ huy quân sự, cơ quan Quân khu, học viện, trường, bệnh viện, xí nghiệp và tương đương phải tổ chức trục ban nội vụ.

- Trách nhiệm của chỉ huy và thời gian trục ban nội vụ:

+ Người chỉ huy từng cấp có trách nhiệm chỉ định quân nhân làm trục ban nội vụ và phải thông báo đến từng người thực hiện trước một tuần.

+ Thời gian làm trục ban nội vụ là một ngày đêm. Trục ban vào ngày nghỉ được nghỉ bù.

- Yêu cầu trục ban nội vụ:

+ Quân nhân làm trục ban nội vụ phải nắm được chức trách và chuẩn bị cá nhân đầy đủ để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được liên tục trong suốt phiên trục.

Quân nhân làm nhiệm vụ trục ban trang phục phải chỉnh tề, đeo biển trục ban. Sau khi hết nhiệm vụ phải bàn giao cho trục ban mới trước người chỉ huy hoặc người được ủy quyền.

- Trục ban nội vụ đơn vị:

+ Trục ban nội vụ Tiểu đoàn do sĩ quan trong Tiểu đoàn từ Trung đội trưởng đến phó Đại đội trưởng và chính trị viên phó Đại đội luân phiên đảm nhiệm.

+ Trục ban nội vụ Đại đội do phó Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng và quân nhân chuyên nghiệp trong đại đội luân phiên đảm nhiệm.

- Chức trách của trục ban nội vụ ở đơn vị:

+ Nắm vững lịch công tác hàng ngày của các phân đội kịp thời chuyển đến các phân đội những mệnh lệnh và chỉ thị của người chỉ huy.

+ Phát hiệu lệnh về thời gian làm việc, đôn đốc các đơn vị hoạt động theo thời gian biểu đã quy định.

+ Duy trì trật tự nội vụ trong đơn vị, nhắc nhở mọi người chấp hành các quy định về trang phục, lễ tiết, tác phong, quy định về vệ sinh trong doanh trại, các quy định về phòng gian giữ bí mật, bảo đảm an toàn. Kiểm tra việc chấp hành nhiệm vụ của trục ban khu trang bị kỹ thuật (nếu có), trục ban nghiệp vụ, phân đội canh phòng.

+ Nắm tình hình quân số, vũ khí trang bị của các phân đội, báo cáo chỉ huy và trục ban nội vụ cấp trên. Tiếp đón, hướng dẫn khách đến đơn vị công tác.

+ Trường hợp xảy ra cháy nổ, thiên tai, thảm họa, tai nạn hoặc có việc bất trắc, phải nhanh chóng phát lệnh báo động, đồng thời báo cáo ngay với chỉ huy và trực ban nội vụ cấp trên để xử trí.

+ Kiểm tra việc bảo đảm ăn uống trong ngày của đơn vị, đôn đốc quân y chăm sóc bữa ăn cho người đau ốm tại trại.

+ Ghi nhật ký trực ban về tình hình đơn vị theo mẫu quy định để bàn giao trực ban mới.

- Trực ban nội vụ cơ quan:

Trực ban nội vụ cơ quan do người chỉ huy cơ quan chỉ định sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp thuộc quyền luân phiên đảm nhiệm.

- Chức trách trực ban cơ quan:

+ Đôn đốc nhắc nhở mọi người chấp hành các quy định về trật tự nội vụ, lễ tiết tác phong, thời gian làm việc, phòng gian, giữ bí mật, bảo đảm an toàn cơ quan.

+ Tiếp nhận và chuyển giao những công điện thông báo đến các đơn vị và cơ quan. Làm xong báo cáo người chỉ huy.

+ Nắm tình hình quân số, các việc đột xuất trong ngày báo cáo chỉ huy cơ quan.

Kiểm tra việc canh phòng bảo vệ cơ quan (nếu cơ quan đóng quân riêng lẻ).

+ Trường hợp xảy ra cháy nổ, thiên tai, thảm họa, tai nạn, có việc bất trắc xảy ra phải báo cáo ngay cho người chỉ huy cơ quan và áp dụng mọi biện pháp để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tổn thất tài liệu, tài sản của cơ quan.

+ Tổng hợp tình hình cơ quan theo mẫu quy định để bàn giao trực ban mới.

2.1.2.2. Trực nhật

Trực nhật được tổ chức ở cấp Trung đội hoặc Tiểu đội và tương đương, nhằm giúp người chỉ huy duy trì trật tự nội vụ, vệ sinh trong phạm vi Trung đội, Tiểu đội của mình. Trực nhật do các chiến sĩ trong Trung đội, Tiểu đội luân phiên đảm nhiệm theo sự phân công của chỉ huy Trung đội, Tiểu đội, dưới quyền của trực ban nội vụ Đại đội. Thời gian làm nhiệm vụ trực nhật là một ngày đêm. Trong thời gian làm trực nhật phải tham gia học tập, công tác.

- Chức trách trực nhật:

+ Hàng ngày vào giờ thể dục, thể thao, làm vệ sinh nơi công cộng, lấy nước uống, chăm sóc người ốm đau trong Trung đội, Tiểu đội.

+ Nhắc nhở mọi người trong Trung đội, Tiểu đội, chấp hành các quy định về trật tự nội vụ, vệ sinh, trang phục, râu, tóc đúng quy định, giữ gìn vũ khí trang bị và các tài sản khác, chấp hành thời gian sinh hoạt, học tập công tác theo thời gian biểu.

2.1.3. Báo động luyện tập

Các đơn vị phải tổ chức báo động luyện tập nhằm rèn luyện bộ đội tinh thần sẵn sàng chiến đấu, luôn ở tư thế chủ động, kịp thời giải quyết các tình huống xảy ra.

Hình thức báo động: Báo động luyện tập tiến hành ở từng cấp, từng bộ phận hoặc toàn cơ quan, đơn vị và được chia thành các loại như sau:

- + Báo động luyện tập chiến đấu tại chỗ theo các phương án tác chiến của đơn vị
- + Báo động luyện tập di chuyển đến các vị trí để nhận nhiệm vụ chiến đấu được giao.
- + Báo động luyện tập làm nhiệm vụ phòng chống cháy nổ, bão lụt, thảm họa môi trường, cứu hộ, cứu nạn.
- + Báo động luyện tập chuyển trạng thái theo Chỉ lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về sẵn sàng chiến đấu.
- + Quyền hạn báo động luyện tập và kết thúc báo động do người chỉ huy từng cấp quyết định.
- + Người chỉ huy cấp trên hoặc người được cấp trên ủy quyền kiểm tra báo động luyện tập phải căn cứ vào mục đích, yêu cầu việc rèn luyện của đơn vị, căn cứ vào kế hoạch, nội dung báo động mà cấp trên đã phê duyệt để tiến hành.

Trường hợp báo động luyện tập vượt cấp hoặc đột xuất cần thông báo trước một thời gian nhất định đến người chỉ huy đơn vị mà cấp trên có ý định đến kiểm tra.

- + Chế độ báo động; báo động luyện tập tiến hành theo định kỳ tuần, tháng hoặc bất thường.
- + Báo động luyện tập có liên quan đến nhân dân địa phương nơi đóng quân, người chỉ huy phải thông báo cho chính quyền địa phương biết.

2.1.4. Phòng gian, giữ bí mật

- Trách nhiệm của quân nhân: Mọi quân nhân đều có trách nhiệm phòng gian, giữ bí mật; tuyệt đối không được làm lộ bí mật của cơ quan, đơn vị, của QĐ và Nhà nước.

- Trách nhiệm của người chỉ huy và chính uỷ, chính trị viên:

Người chỉ huy và chính uỷ, chính trị viên các cấp phải gương mẫu chấp hành kỷ luật phòng gian, giữ bí mật, có trách nhiệm thường xuyên giáo dục, kiểm tra cấp dưới thuộc quyền triệt để chấp hành các quy định về phòng gian, giữ bí mật trong mọi lĩnh vực công tác, học tập, sinh hoạt, chiến đấu. Phải quy định cụ thể việc quản lý kiểm tra công văn, tài liệu trong phạm vi thuộc quyền.

- Trách nhiệm của quân nhân văn thư, lưu trữ: Quân nhân khi giữ gìn, sao lục, lưu trữ, giao nhận, đăng ký, thống kê công văn, tài liệu phải đúng quy tắc bảo mật, không được để lộ bí mật làm mất công văn, tài liệu, con dấu. Khi để thất lạc hay mất tài liệu, sổ công văn hoặc phát hiện các vấn đề lộ bí mật phải báo cáo ngay cho cấp trên trực tiếp và cơ quan bảo mật, bảo vệ để tiến hành điều tra xác minh kịp thời báo cáo lên cấp trên xử trí.

- Nghiêm cấm quân nhân:

- + Tìm hiểu những điều bí mật không thuộc phạm vi chức trách.

+ Quan hệ với tổ chức và phần tử phản cách mạng, không để người khác lợi dụng làm việc có hại đến lợi ích của Nhà nước, của quân đội, của nhân dân.

+ Xem tài liệu, sách báo, truyền đơn của địch, truyền tin đồn nhảm.

2.2. Bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại

2.2.1. Qui định đóng quân trong doanh trại

- Tổ chức đóng quân:

+ Tổ chức đóng quân trong doanh trại phải đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu, thuận tiện công tác, huấn luyện, sinh hoạt, bảo vệ sức khỏe. Phải bảo đảm cho mọi quân nhân được ăn, ở, sinh hoạt trong doanh trại theo đúng tiêu chuẩn quy định của Nhà nước, Quân đội.

Trong điều kiện bình thường thời bình, người chỉ huy từ cấp Sư đoàn hoặc tương đương trở lên được quyền cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng và công nhân viên quốc phòng thuộc quyền được ăn, nghỉ tại gia đình ngoài doanh trại trong ngày nghỉ, giờ nghỉ. Những người được phép ăn, nghỉ tại gia đình phải đăng ký họ tên, địa chỉ gia đình, số máy điện thoại (nếu có) vào sổ của đơn vị. Khi thay đổi phải báo cáo ngay.

- Yêu cầu đóng quân

+ Quân nhân không được ăn, ở tại nơi cất giữ tài liệu mật; nơi để lương thực, thực phẩm, nhà kho; nơi để trang thiết bị kỹ thuật; nơi để xe pháo, phòng thí nghiệm.

+ Khu vực gia đình sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân viên quốc phòng, trạm đón tiếp gia đình quân nhân phải ở ngoài doanh trại hoặc ngăn thành khu riêng biệt.

+ Trong doanh trại phải có phòng ngủ, nhà tắm, nơi vệ sinh riêng cho nữ quân nhân. Không để người ngoài quân đội ăn, ở, sinh hoạt trong doanh trại.

- Thành phần doanh trại đóng quân: Tổ chức đóng quân của đơn vị phải có.

+ Nhà ngủ của cán bộ, chiến sĩ.

+ Nhà làm việc, học tập, phòng trực ban, bột gác.

+ Nhà ăn, nhà bếp, nhà kho; nhà để xe.

+ Hội trường, phòng Hồ Chí Minh.

+ Nơi để vũ khí, dụng cụ, phương tiện, khí tài huấn luyện.

+ Nơi lau vũ khí, trang bị.

+ Sân tập hợp chào cờ, tập đội ngũ, thể dục thể thao.

+ Nhà tắm, nhà vệ sinh.

+ Đơn vị từ cấp Trung đoàn trở lên phải có sở chỉ huy, bệnh xá, trạm khách, phòng tạm giữ quân nhân vi phạm kỷ luật.

2.2.2. Bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại

- Hệ thống biển, bảng.

+ Doanh trại đóng quân phải có các loại biển tên, các loại bảng thống nhất từ công doanh trại đến từng loại nhà (nhà ở, nhà làm việc, nhà học tập, nhà ăn...).

+ Bộ Tổng Tham mưu quy định thống nhất kích thước, quy cách, vị trí treo của các loại biển, bảng.

- Nhà ngủ.

+ Nhà ngủ là nơi ở và sinh hoạt hàng ngày ngoài giờ làm việc, huấn luyện của quân nhân trong thời gian tại ngũ. Nhà ngủ phải thoáng mát, hợp vệ sinh, có biện pháp chống nóng, chống rét, chống đột. Sắp xếp nhà ngủ cho phân đội, phòng ngủ cho từng quân nhân phải theo tiêu chuẩn thống nhất quy định cho từng đối tượng.

+ Trong phòng ngủ của hạ sĩ quan phải có đủ giường nằm và đồ dùng, tiện nghi sinh hoạt. Việc sắp xếp trong phòng ngủ phải căn cứ tình hình thực tế để quy định thống nhất, gọn gàng, thuận tiện.

+ Bố trí nhà ở của bộ đội phải có dây phơi quần áo, dây phơi khăn mặt, dây mắc màn, giá để ba lô, mũ, giá để giày, dép, giá (tủ) súng...

+ Các loại bảng, biển theo quy định của Bộ Tổng tham mưu và phải thống nhất cho từng loại nhà.

+ Giường phải kê thẳng hàng, có biển tên quân nhân, có lối ra vào thuận tiện. Vũ khí, trang bị cá nhân phải để trên giá súng hoặc trong tủ súng, đặt ở nơi quy định, thuận tiện cho bảo quản và sử dụng.

+ Tại vị trí để súng có biển tên và số súng của quân nhân giữ súng; vũ khí, khí tài mang vác tập thể phải để đúng nơi quy định. Nơi ngủ của sĩ quan được bố trí riêng, đồ dùng, tiện nghi sinh hoạt phải sắp xếp gọn gàng, trật tự.

+ Nhà học tập, làm việc; trong doanh trại phải có nhà làm việc của chỉ huy, của cơ quan và nhà học tập của từng đơn vị. Cơ quan từ cấp Trung đoàn trở lên phải có nhà làm việc riêng.

+ Nhà ăn, nhà bếp; phải bố trí nơi cao ráo, hợp vệ sinh, tiện nguồn nước. Phải sắp xếp trật tự, ngăn nắp, sạch sẽ, có biện pháp tích cực phòng chống ruồi, muỗi, côn trùng, dán, chuột, mối, mọt và các loại côn trùng khác gây bệnh.

+ Ánh sáng ban đêm: Trong doanh trại phải có ánh sáng ban đêm, bảo đảm cho sinh hoạt, học tập của quân nhân.

+ Phải có đủ đèn cho nhà ngủ, nhà làm việc, nơi sinh hoạt công cộng; nhà trực ban, nhà của đội canh phòng và những nơi cần thiết phải duy trì ánh sáng trong đêm.

+ Mọi quân nhân phải có trách nhiệm bảo vệ và sử dụng tiết kiệm phương tiện và nguồn ánh sáng trong doanh trại.

+ Cấm tự tiện móc nối lấy điện sử dụng riêng ngoài quy định chung của đơn vị.

- Tiếp khách.

+ Quân nhân có người nhà, bạn bè đến thăm phải báo cáo người chỉ huy trực tiếp và được đón tiếp ở nơi quy định, không được đưa vào doanh trại.

+ Không tiếp người nhà, bạn bè trong giờ làm việc. Trường hợp cần thiết phải được phép của người chỉ huy.

- Cấp trên trực tiếp của quân nhân có khách đến thăm phải:

+ Kịp thời thông báo cho quân nhân biết và tạo điều kiện cho quân nhân sớm được gặp khách.

+ Tự mình hoặc cử cán bộ ra thăm hỏi gia đình, người thân của quân nhân thuộc quyền.

+ Đảm bảo những nhu cầu sinh hoạt tối thiểu để quân nhân tiếp người nhà, bạn bè đến thăm chu đáo, thân tình.

+ Cán bộ, nhân viên ở trạm đón tiếp khách phải vui vẻ chu đáo, nhanh chóng thu xếp nơi ăn, ở, sinh hoạt cho khách; phổ biến tiêu chuẩn, chế độ, thủ tục, nội quy nhà khách và hướng dẫn khách thực hiện.

+ Khi khách rời khỏi trạm phải thanh toán đầy đủ, thu lại những đồ dùng sinh hoạt đã cho mượn, giải quyết chu đáo mọi việc cần thiết khác.

2.3. Trách nhiệm của sinh viên học GDQP&AN

- Mỗi sinh viên luôn tự giác, tích cực học tập, hiểu rõ vị trí tầm quan trọng việc thực hiện các chế độ nền nếp chính quy được vận dụng thực hiện ở Trung tâm GDQP&AN theo Điều lệnh quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Luôn đề cao trách nhiệm, ý thức tự giác, tinh thần làm chủ tập thể chấp hành nghiêm các chế độ quy định. Đây chính là tự rèn luyện cho bản thân về tính tổ chức, tính kỷ luật và tính khoa học.

- Tham gia học tập, sinh hoạt đầy đủ, đúng giờ. Khi được phân công thực hiện các nhiệm vụ trực ban, trực nhật hoặc các nhiệm vụ khác phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện đúng chức trách với tinh thần tự giác cao để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

- Gương mẫu trong việc sắp xếp trật tự nội vụ của bản thân và của phòng ở KTX. Nêu cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung để đảm bảo sức khỏe cho mình và mọi người.

- Nêu cao ý thức trách nhiệm trong thực hiện chế độ phòng gian, giữ bí mật. Không tùy tiện đăng tải hình ảnh, video, các thông tin về quân sự hoặc các thông tin không đúng liên quan đến các hoạt động GDQP&AN gây ảnh hưởng tới đơn vị.

- Kiên quyết đấu tranh với những nhận thức sai trái, tự do tùy tiện, không tự ghép mình vào kỷ luật; thiếu rèn luyện, thiếu cố gắng trong thực hiện các chế độ nền nếp chính quy, hiệu quả học tập và rèn luyện thấp.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Nêu các chế độ nền nếp chính quy trong quân đội. Trình bày nội dung chế độ trực ban, trực nhật. Liên hệ việc thực hiện của bản thân.

Câu 2. Nêu các chế độ nền nếp chính quy trong quân đội. Trình bày nội dung chế độ phòng gian, giữ bí mật. Liên hệ việc thực hiện của bản thân.

Câu 3. Trình bày nội dung bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Liên hệ việc thực hiện việc sắp xếp phòng ở ký túc xá của bản thân.

Câu 4. Trách nhiệm của sinh viên học GDQP&AN trong việc thực hiện các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại.

Bài 3

HIỂU BIẾT CHUNG VỀ CÁC QUÂN CHỦNG, BINH CHỦNG TRONG QUÂN ĐỘI

3.1. Tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam

3.1.1. Truyền thống lịch sử quân sự Việt Nam

Lịch sử hàng nghìn năm hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam kết tinh những truyền thống đặc sắc, quý báu về quốc phòng, quân sự. Lịch sử quân sự Việt Nam xuất hiện từ buổi đầu dựng nước và có quá trình phát triển liên tục. Suốt chiều dài lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn nêu cao tinh thần bất khuất, tự lực, tự cường, trí thông minh và tài thao lược; xây dựng nên truyền thống lịch sử quân sự độc đáo. Trong mỗi giai đoạn lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn nỗ lực sáng tạo và giành được những chiến công vang dội, lập nên những kỳ tích trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước.

Dân tộc Việt Nam luôn thực hiện “dựng nước đi đôi với giữ nước”, “giữ nước từ khi chưa nguy”, bảo vệ đất nước bằng sức mạnh vô địch của toàn dân; kết hợp chặt chẽ chính trị với kinh tế, văn hóa, quân sự, ngoại giao, tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để chiến thắng kẻ thù xâm lược. Kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo cách mạng, truyền thống lịch sử quân sự của dân tộc đã được kế thừa, phát triển lên một tầm cao mới, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

3.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của Quân đội nhân dân VN

Tại Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (tháng 11 năm 1939), lần thứ bảy (tháng

11 năm 1940), đặc biệt là Hội nghị Trung ương lần thứ tám (tháng 5 năm 1941) do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chỉ đạo, Đảng Cộng sản Việt Nam (lúc đó lấy tên là Đảng Cộng

sản Đông Dương) đã quyết định chuyển hướng cách mạng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, xúc tiến xây dựng căn cứ địa, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Thực hiện chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, trên cơ sở các đội vũ trang cách mạng ở Việt Bắc, ngày 22 tháng 12 năm 1944, tại huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, dưới sự chỉ huy của đồng chí Võ Nguyên Giáp, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập. Khi đó, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân chỉ có 34 cán bộ, chiến sĩ nhưng đã sớm phát huy truyền thống chống ngoại xâm và nghệ thuật quân sự của dân tộc. Thực hiện chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh “*Trận đầu phải thắng*”, chỉ hai ngày sau khi thành lập, với lối đánh bất ngờ, dũng cảm, mưu trí, đội đã đánh thắng hai trận đầu liên tiếp là Phai Khắt, Nà Ngần, mở đầu cho truyền thống đánh tiêu diệt, đánh chắc thắng, đánh thắng ngay trận đầu của Quân đội nhân dân Việt Nam. Ngày 15 tháng 5 năm 1945, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được sáp nhập với lực lượng Cứu quốc quân và đổi tên thành Việt Nam giải phóng quân, trở thành lực lượng quân sự chủ yếu của Mặt trận Việt Minh khi tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng 8 năm 1945.



Đồng chí Võ Nguyên Giáp đọc bản Quân lệnh số 1 thành lập “Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân” tại khu rừng Trần Hưng Đạo, Cao Bằng (22.12.1944)

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Quân đội nhân dân đã cùng toàn Đảng, toàn dân ra sức xây dựng và bảo vệ Nhà nước non trẻ, đập tan âm mưu bạo loạn của các thế lực phản động, giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ vững chắc chính quyền cách mạng vừa mới thành lập, đẩy mạnh xây dựng lực lượng, chuẩn bị trường kỳ kháng chiến. Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ. Trước một đội quân nhà nghề, được trang bị vũ khí hiện đại, quán triệt đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính, kế thừa và phát huy nghệ thuật quân sự của cha ông, dựa chắc vào nhân dân, tìm lối đánh thích hợp, Quân đội nhân dân Việt Nam đã làm phá sản chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp, buộc địch phải đánh lâu dài, khoét sâu thế yếu của chúng, làm cho mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán của địch ngày càng trầm trọng; quân số địch tăng bao nhiêu cũng không đủ, càng đánh càng lâm vào thế bị động, càng đánh càng thua. Từ một đội quân “đầu trần chân đất”, từ những đội Dân quân tự vệ, Quân đội nhân dân Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, từ du kích chiến tiến lên vận động chiến, công kiên chiến, vừa đánh vừa bổ sung, phát triển nghệ thuật quân sự, từ đánh nhỏ lên đánh lớn, từ đánh du kích lên đánh chính quy. Trải qua chín năm kháng chiến đầy gian khổ, hy sinh, lần lượt đánh bại các chiến lược quân sự của địch, với thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ, quân và dân Việt Nam đã buộc Chính phủ Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ, lập lại hòa bình ở Đông Dương, rút quân về nước, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nêu một tấm gương sáng cho phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Lần đầu tiên trên thế giới, ở một nước thuộc địa, một đội quân nhỏ bé, trang bị thô sơ đã đánh bại quân đội nhà nghề của một đế quốc thực dân. Sau ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc, việc “xây dựng Quân đội nhân dân hùng mạnh, tiến dần từng bước lên chính quy, hiện đại” được đẩy mạnh. Dự báo đúng ý đồ chiến lược của chủ nghĩa đế quốc, sớm muộn cũng phải trực tiếp đương đầu với quân đội Mỹ hùng mạnh nhất thế giới, Quân đội nhân dân Việt Nam đã từng bước được xây dựng ngày càng vững mạnh, có sức chiến đấu cao. Cùng với sự nỗ lực của toàn dân, toàn quân, sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, Quân đội nhân dân Việt Nam đã trưởng thành vượt bậc về mọi mặt, trở thành trụ cột vững chắc cho cuộc đấu tranh bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trong cuộc đọ đầu lịch sử này, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Việt Nam không chỉ dám đánh, quyết đánh mà còn biết đánh thắng. Quân đội nhân dân Việt Nam càng đánh càng mạnh, từng bước vô hiệu hóa sức mạnh của địch, làm cho chúng không phát huy được ưu thế của vũ khí, trang bị hiện đại, bị căng kéo khắp các chiến trường, càng kéo dài chiến tranh càng bị sa lầy vào “đường hầm không lối thoát”. Qua thực tiễn chiến đấu, chiến lược, chiến thuật, nghệ thuật tác chiến của Quân đội nhân dân Việt Nam ngày càng sắc bén, hoàn hảo, làm thất bại các chiến lược chiến tranh cùng với các hình thức chiến thuật như “trục thẳng vận”, “thiết xa vận” của địch. Cùng với quân, dân

miền Nam, quân và dân miền Bắc cũng liên tục đánh bại các đợt tiến công và những nỗ lực chiến tranh cao nhất của hải quân và không quân Mỹ. Lực lượng pháo binh, tên lửa, không quân Việt Nam chiến đấu đạt hiệu suất cao chưa từng có trong lịch sử chiến tranh, đã tiêu diệt nhiều loại máy bay, tàu chiến hiện đại của địch. Những chiến thắng to lớn của quân, dân hai miền Nam - Bắc, đặc biệt là thắng lợi của quân, dân miền Bắc trong việc đánh bại cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm bằng pháo đài bay B-52 trên bầu trời Hà Nội (tháng 12 năm 1972) đã buộc Chính phủ Mỹ phải ký Hiệp định Pari, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình; công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; tạo điều kiện cho quân và dân Việt Nam tiến hành chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, mở ra một kỷ nguyên mới của dân tộc. Quân đội nhân dân Việt Nam cũng đã sát cánh với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia chống kẻ thù chung, vì độc lập, tự do của mỗi nước. Thực hiện lời dạy của Bác Hồ *“giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự giúp mình”*, trong suốt 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và đế quốc Mỹ, Quân đội nhân dân Việt Nam đã cùng lực lượng cách mạng Lào và Campuchia chiến đấu khắp các chiến trường Đông Dương. Hình ảnh các chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam trong những năm kháng chiến gian khổ mãi mãi là tấm gương không phai mờ trong tâm trí hàng triệu người dân Lào và Campuchia. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Quân đội nhân dân Việt Nam lại bước vào cuộc trường chinh mới, chiến đấu giành thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc và làm nghĩa vụ quốc tế, giúp nhân dân Lào bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng, thực hiện công cuộc hồi sinh dân tộc. Bước vào thời kỳ đổi mới, trước những thay đổi phức tạp của tình hình trong nước, quốc tế, phát huy truyền thống trung thành tuyệt đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, Quân đội nhân dân Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, luôn kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn. Bản chất truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” được tôi luyện qua hai cuộc kháng chiến và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, mãi mãi tỏa sáng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam, Quân đội nhân dân tích cực tham gia xây dựng kinh tế, củng cố, tăng cường quốc phòng, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, góp phần cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Các doanh nghiệp quốc phòng vừa bảo đảm nhiệm vụ quốc phòng, vừa tham gia phát triển kinh tế - xã hội. Quân đội nhân dân tích cực, chủ động thực hiện các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, khắc phục hậu quả chiến tranh, phòng, chống bão lụt, thiên tai, cứu hộ, cứu nạn,... Trong hơn 75 năm qua, Quân đội nhân dân Việt Nam ngày càng lớn mạnh, trưởng thành, cùng toàn dân vượt qua mọi khó khăn, thử thách, lập nên những chiến công hiển hách, đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, góp phần to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xứng đáng với lời khen ngợi của Chủ tịch Hồ

Chí Minh: “*Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng*”. Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam là lịch sử chiến đấu oanh liệt và thắng lợi vẻ vang của một quân đội cách mạng, mang bản chất của giai cấp công nhân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu.

3.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của Quân đội nhân dân Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định: Quân đội nhân dân Việt Nam là quân đội cách mạng, “*đội quân chiến đấu, đội quân công tác và sản xuất*”, được khẳng định và phát huy trong hơn 80 năm qua.

Chức năng là đội quân chiến đấu, Quân đội được xây dựng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; tổ chức tinh, gọn, mạnh, cơ động, linh hoạt, hiệu quả cao; trang bị các loại vũ khí, khí tài hiện đại; đẩy mạnh nghiên cứu phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam; thường xuyên huấn luyện, diễn tập, nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu và khả năng sẵn sàng chiến đấu; làm nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân; xử lý thắng lợi các tình huống quốc phòng, sẵn sàng đánh thắng mọi hình thái chiến tranh xâm lược, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

Chức năng là đội quân công tác, Quân đội luôn giữ vững mối quan hệ máu thịt với nhân dân, là lực lượng nòng cốt tham gia công tác vận động quần chúng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, các đơn vị quân đội tích cực thực hiện công tác dân vận, đi đầu trong xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; tích cực tham gia phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa và bảo vệ tài nguyên, môi trường,...

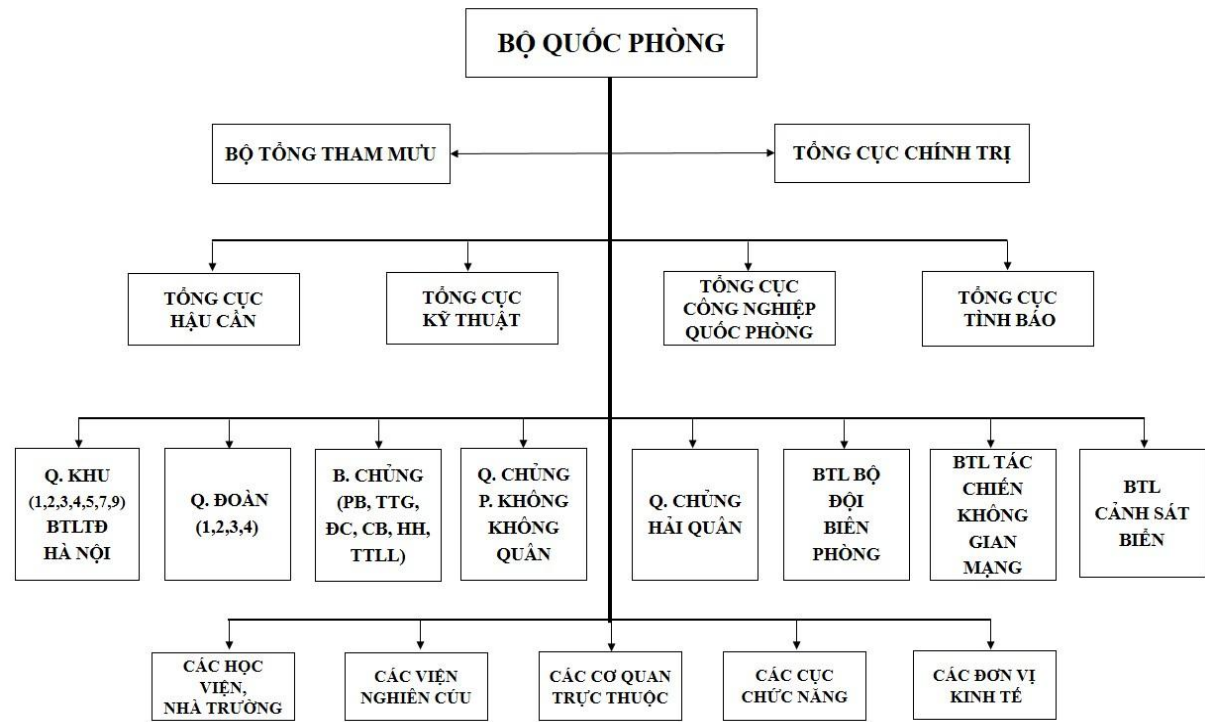
Phối hợp chặt chẽ với các địa phương trên địa bàn đóng quân, tích cực tham gia xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Công tác đối ngoại quốc phòng đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước, nâng cao uy tín, vị thế của đất nước và Quân đội nhân dân Việt Nam trên trường quốc tế, như tích cực tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; huấn luyện, diễn tập chung về hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa, tìm kiếm cứu nạn, hợp tác quốc tế trong khắc phục hậu quả chiến tranh,...

Chức năng là đội quân sản xuất, trong Quân đội các đơn vị kinh tế - quốc phòng luôn duy trì được nhịp độ phát triển ổn định, bảo đảm việc làm cho hàng trăm nghìn lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ ngân sách đối với Nhà nước, tạo ra nhiều sản phẩm lương thực, sản phẩm công

nghệ có giá trị cao, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế quốc dân, hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội.

3.1.4. Cơ cấu tổ chức của Quân đội nhân dân Việt Nam

Quân đội nhân dân Việt Nam bao gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương; các quân khu, quân chủng, bộ đội biên phòng, quân đoàn, binh chủng; hệ thống các đơn vị bảo đảm hậu cần, kỹ thuật; các học viện, nhà trường, viện nghiên cứu và các đơn vị KT-QP.



Hình 3.2. Sơ đồ khái quát cơ cấu tổ chức QĐND Việt Nam

- *Bộ Quốc phòng* là cơ quan tham mưu cho Đảng và Nhà nước về đường lối, nhiệm vụ quốc phòng, quân sự bảo vệ Tổ quốc; chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc thực hiện quản lý nhà nước về quốc phòng; tổ chức thực hiện việc xây dựng, quản lý và chỉ huy Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ; quản lý các dịch vụ công theo quy định của pháp luật. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng là người chỉ huy cao nhất của Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ; là Ủy viên Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Phó Bí thư

Quân ủy Trung ương; là thành viên Chính phủ chỉ đạo thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về quân sự, quốc phòng theo quy định của pháp luật; chủ trì hoạch định và tổ chức thực hiện chiến lược quốc phòng. Giúp việc cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có các Thứ trưởng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, 4 tổng cục, 7 quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, 4 quân đoàn, 2 quân chủng, 6 binh chủng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng và các cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng...

- *Bộ Tổng Tham mưu* là cơ quan chỉ huy, điều hành Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ; tổ chức, chỉ đạo sự phát triển của Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ, đồng thời chỉ huy các hoạt động quân sự. Bộ Tổng Tham mưu có Tổng Tham mưu trưởng, các Phó Tổng Tham mưu trưởng và các cục chức năng chịu trách nhiệm về tác chiến, huấn luyện chiến đấu, quân lực,... Tổng Tham mưu trưởng - Thứ trưởng Bộ Quốc phòng là người thay thế Bộ trưởng Bộ Quốc phòng điều hành các hoạt động của Bộ Quốc phòng khi Bộ trưởng vắng mặt. Tổng Tham mưu trưởng chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Tổng Tham mưu xây dựng chiến lược quân sự; quy hoạch, kế hoạch phòng thủ đất nước, chủ trì phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các bộ, các cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các quy định pháp luật về quốc phòng; kiểm tra đôn đốc các đơn vị chấp hành kỷ luật Quân đội, pháp luật của Nhà nước, mệnh lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- *Tổng cục Chính trị* đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư và trực tiếp, thường xuyên của Quân ủy Trung ương. Tổng cục Chính trị có Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm và các cục chức năng chịu trách nhiệm về công tác tổ chức, cán bộ, tuyên huấn, bảo vệ an ninh quân đội, chính sách, dân vận,...

Các cơ quan chức năng cấp tổng cục của Bộ Quốc phòng gồm Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng và Tổng cục Tình báo quốc phòng. Các tổng cục có Chủ nhiệm và các Phó Chủ nhiệm (riêng Tổng cục Tình báo quốc phòng có Tổng cục trưởng và các Phó Tổng cục trưởng); Chính ủy và Phó Chính ủy; cơ quan tham mưu, cục chính trị và các cục chức năng, các đơn vị trực thuộc.

- *Tổng cục Hậu cần* là cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng, có chức năng tham mưu, chỉ đạo, bảo đảm vật chất, sinh hoạt, quân y, vận tải,... cho Quân đội. Tổng cục Hậu cần gồm có các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm về công tác tham mưu hậu cần, quân nhu, quân y, doanh trại, xăng dầu, vận tải và một số cơ quan, đơn vị trực thuộc khác.

- *Tổng cục Kỹ thuật* là cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng, có chức năng tham mưu giúp Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo đảm kỹ thuật trong Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ; giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bảo đảm kỹ thuật; chỉ đạo ngành kỹ thuật toàn quân các nội dung công tác kỹ thuật trong Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ; quản lý, chỉ huy các cơ quan đơn vị thuộc quyền.

- *Tổng cục Công nghiệp quốc phòng* là cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng, cơ quan đầu ngành về công nghiệp quốc phòng, chịu trách nhiệm tham mưu giúp Quân ủy Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp quốc phòng trên phạm vi cả nước; chỉ huy, quản lý các cơ quan, đơn vị thuộc quyền gồm các cục, phòng, ban chức năng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổng cục; quản lý, chỉ

đạo các công ty sản xuất, sửa chữa vũ khí, trang bị, các viện nghiên cứu, trường dạy nghề và các đơn vị trực thuộc khác.

- *Tổng cục Tình báo quốc phòng* giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác tình báo. Tổng cục Tình báo quốc phòng là lực lượng trực tiếp thực hiện công tác tình báo ở cấp chiến lược; là cơ quan tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam về tổ chức lực lượng và hoạt động tình báo; đồng thời, là cơ quan đầu ngành trực tiếp chỉ đạo nghiệp vụ tình báo đối với hệ thống quân báo - trinh sát toàn quân.

- *Các Quân khu (1,2,3,4,5,7,9 và BTL Thủ đô Hà Nội)* được tổ chức trên các hướng chiến lược và theo địa bàn (thường gồm một số tỉnh, thành phố giáp nhau, có liên quan với nhau về quân sự, quốc phòng; trừ BTL Thủ đô Hà Nội chỉ một thành phố Hà Nội), gồm có các sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn và các đơn vị trực thuộc. Quân khu chỉ huy các đơn vị thuộc quyền, các đơn vị bộ đội địa phương cấp tỉnh và Dân quân tự vệ trên địa bàn của quân khu.

- *Các Quân đoàn (1, 2, 3, 4)* là đơn vị cơ động lớn nhất của Lục quân, có nhiệm vụ bảo vệ các địa bàn chiến lược trọng yếu của quốc gia. Quân đoàn có các sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn và các đơn vị trực thuộc. **Ngày nay, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, Quân ủy Trung ương chủ trương sáp nhập Quân đoàn 1 với Quân đoàn 2 thành Quân đoàn 12; Quân đoàn 3 với Quân đoàn 4 thành Quân đoàn 34.**

- *Bộ đội Biên phòng (thành lập ngày 03/3/1959)* là LLVT nhân dân của Đảng, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; một thành phần của Quân đội nhân dân Việt Nam, làm nòng cốt, chuyên trách quản lý, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh, trật tự biên giới quốc gia trên đất liền, các hải đảo, vùng biển và các cửa khẩu theo phạm vi nhiệm vụ do pháp luật quy định và là một lực lượng thành viên trong khu vực phòng thủ tỉnh, huyện biên giới. Bộ đội Biên phòng hoạt động theo pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam và theo các điều ước quốc tế có liên quan đến chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia trên đất liền, các hải đảo, vùng biển và các cửa khẩu mà nước CHXHCN Việt Nam ký kết tham gia. Bộ đội Biên phòng có nhiệm vụ quản lý, bảo vệ đường biên giới quốc gia, hệ thống dấu hiệu mốc quốc giới; đấu tranh ngăn chặn các hành vi xâm phạm lãnh thổ biên giới, vượt biên, vượt biển, nhập cư, cư trú bất hợp pháp, khai thác trái phép tài nguyên và những hành vi khác xâm phạm đến chủ quyền, lợi ích quốc gia, an ninh, trật tự, gây hại đến môi trường ở khu vực biên giới; chủ trì phối hợp với các ngành, địa phương trong hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới trên đất liền, các hải đảo, vùng biển và các cửa khẩu.

- *Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng (thành lập ngày 15/8/2017)* là lực lượng chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam, đóng vai trò nòng cốt trong bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, phòng, chống chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng và bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng; là lực lượng quan trọng tham gia bảo vệ các hệ thống thông tin quan trọng của quốc gia, bảo đảm an toàn thông tin mạng; bảo vệ an ninh mạng quốc gia và

phòng, chống “diễn biến hòa bình” trên không gian mạng; góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

- *Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam (thành lập ngày 28/8/1998)* là bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân, lực lượng chuyên trách của Nhà nước, là nòng cốt thực thi pháp luật và bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn trên biển; tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất với Đảng, Nhà nước về chính sách, pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn trên biển; bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trong vùng biển của Việt Nam; quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và việc bảo đảm chấp hành pháp luật Việt

Nam, điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên. Cảnh sát biển Việt Nam được tổ chức thành 4 vùng Cảnh sát biển (1, 2, 3, 4), trong mỗi vùng có Bộ Tư lệnh và các đơn vị trực thuộc. Cảnh sát biển Việt Nam được trang bị tàu, thuyền, máy bay, các phương tiện khác, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trên các vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, vùng biển ở ngoài vùng biển của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam, các thỏa thuận và điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- *Các học viện, nhà trường* trong Quân đội nhân dân Việt Nam có hệ thống nhà trường hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu đào tạo sĩ quan, hạ sĩ quan, nhân viên kỹ thuật cho Quân đội; đào tạo sau đại học, nhân viên kỹ thuật dân sự. Các học viện, nhà trường đồng thời là cơ sở nghiên cứu khoa học trong Quân đội; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng; đào tạo và hoàn chỉnh kiến thức cao cấp lý luận chính trị. Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý Học viện Quốc phòng, Học viện Lục quân, Học viện Chính trị, Học viện Hậu cần, Học viện Kỹ thuật quân sự, Học viện Quân y và Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Lục quân 2, Trường Sĩ quan Chính trị.

Các học viện, nhà trường còn lại thuộc quyền quản lý của các tổng cục, quân chủng, binh chủng, có nhiệm vụ đào tạo sĩ quan chỉ huy cấp phân đội bậc đại học; sĩ quan chỉ huy tham mưu cấp chiến thuật, chiến dịch; đào tạo sau đại học; tham gia nghiên cứu khoa học quân sự.

- *Các viện nghiên cứu chủ yếu*

Viện Chiến lược quốc phòng là cơ quan nghiên cứu về quân sự, quốc phòng; đặt dưới sự lãnh đạo của Quân ủy Trung ương và chỉ huy của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có chức năng nghiên cứu, tham mưu, tư vấn những vấn đề về quốc phòng, quân sự và đối ngoại quốc phòng.

Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự có chức năng nghiên cứu, phát triển, ứng dụng những kiến thức xã hội nhân văn vào lĩnh vực quân sự; có nhiệm vụ nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng LLVT nhân dân Việt Nam,...

Viện Khoa học và Công nghệ quân sự là cơ quan nghiên cứu khoa học kỹ thuật quân sự; nghiên cứu, phát triển các trang bị, vũ khí của Quân đội để đáp ứng yêu cầu của chiến tranh hiện đại, đồng thời nghiên cứu khoa học kỹ thuật, công nghệ phục vụ dân sinh.

Viện Lịch sử quân sự Việt Nam là cơ quan nghiên cứu lịch sử của Quân đội, có nhiệm vụ nghiên cứu lịch sử quân sự Việt Nam và thế giới nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm phục vụ nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay cũng như trong tương lai.

Viện Quan hệ quốc tế về quốc phòng là cơ quan nghiên cứu chiến lược trực thuộc Bộ Quốc phòng; có chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu chính sách quan hệ quốc phòng của các nước, tham mưu và trực tiếp tham gia các hoạt động đối ngoại quốc phòng, an ninh đa phương cũng như đối thoại an ninh song phương, xây dựng, củng cố và phát triển quan hệ với các tổ chức, viện nghiên cứu trong và ngoài nước để trao đổi học thuật và các vấn đề cùng quan tâm.

- *Các đơn vị kinh tế - quốc phòng* của QĐND Việt Nam là lực lượng đi đầu trong kết hợp kinh tế với quốc phòng. Các tập đoàn, tổng công ty, các đoàn kinh tế - quốc phòng đã góp phần đáng kể vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đồng thời là lực lượng chủ yếu ở những khu vực khó khăn nhất, tham gia phát triển kinh tế - xã hội địa phương, tạo thế trận quốc phòng vững chắc tại các địa bàn trọng yếu của Tổ quốc. Các đoàn kinh tế - quốc phòng đã thực hiện tốt mục tiêu cơ bản về kết hợp củng cố quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng “thế trận lòng dân”, thế trận quốc phòng toàn dân trên các địa bàn trọng điểm của đất nước.

3.2. Hiểu biết chung về các Quân chủng, Binh chủng

3.2.1. Quân chủng Hải quân

**Ngày thành lập*

Thành lập ngày 07/5/1955, sau khi kiểm soát hoàn toàn miền Bắc Việt Nam, ngày 26 tháng 4 năm 1955, Bộ Quốc phòng đã thành lập Trường Huấn luyện bờ biển để đào tạo nhân sự cho việc quản lý trên 800km dải bờ biển miền Bắc từ

Móng Cái đến vĩ tuyến 17 (Quảng Trị). Chưa đầy 2 tuần sau, ngày 7/5/1955, Bộ Quốc phòng - Tổng tư lệnh ra Nghị định số 284/NĐ-A thành lập Cục Phòng thủ bờ biển. Nhiệm vụ của Cục là giúp Bộ Tổng tư lệnh chỉ đạo bộ đội phòng thủ bờ biển; đào tạo cán bộ, nhân viên, thủy thủ; sản xuất các dụng cụ, phương tiện về thủy quân; xây dựng các thủy đội phòng thủ bờ biển rồi chuyển giao cho các liên khu (sau này là quân khu). Ông Nguyễn Bá Phát được cử làm phụ trách Cục. Về sau, ngày 7 tháng 5 được chọn làm ngày thành lập của Hải quân nhân dân Việt Nam.

**Vị trí, nhiệm vụ*

- Quân chủng Hải quân là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ trên các vùng biển, đảo của Việt Nam và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân trên biển.

- Nhiệm vụ của lực lượng Hải quân là quản lý, bảo vệ vững chắc vùng biển, đảo thuộc chủ quyền quốc gia, sẵn sàng chiến đấu, độc lập hoặc hiệp đồng tác chiến, đánh bại cuộc tiến công xâm lược trên hướng biển; giữ vững an ninh trật tự, đấu tranh với mọi hành vi vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia của Việt Nam trên biển; tham gia phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; bảo vệ hoạt động kinh tế biển và các hoạt động khác trên các vùng biển, đảo theo quy định của pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế.

** Tổ chức, biên chế*

Tổ chức Quân chủng Hải quân bao gồm Bộ Tư lệnh và các đơn vị trực thuộc.

Bộ Tư lệnh có Tư lệnh, các Phó Tư lệnh; Chính ủy, Phó Chính ủy và các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật. Các đơn vị trực thuộc gồm các Bộ Tư lệnh Vùng Hải quân (Bộ Tư lệnh Vùng 1, 2, 3, 4, 5), một số lữ đoàn, học viện, nhà trường, đơn vị kinh tế - quốc phòng, viện kỹ thuật. Ở mỗi vùng, Hải quân tổ chức thành BTL Vùng và các đơn vị trực thuộc là các trung tâm, lữ đoàn và các đơn vị bảo đảm, phục vụ.

Quân chủng Hải quân được xây dựng và phát triển cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại với thành phần gồm 5 binh chủng: Tàu mặt nước, Tàu ngầm; Không quân Hải quân; Pháo binh - Tên lửa bờ; Hải quân đánh bộ; Đặc công Hải quân; ngoài ra còn có các đơn vị bảo đảm, phục vụ như Thông tin, Rađa, Tác chiến điện tử, Công binh, Hóa học,... Các lực lượng trên đã được tăng cường, đưa vào biên chế nhiều loại vũ khí, khí tài hiện đại như tàu ngầm Kilo 636, tàu hộ vệ tên lửa GEPARD 3.9, tàu tên lửa 12418, tàu pháo TT-400TP, tàu tuần tiễu pháo 10412; tên lửa bờ BASTION; máy bay EC-225, DHC-6; rađa cảnh giới SCORE-3000; bộ đội được huấn luyện làm chủ vũ khí, trang bị kỹ thuật, qua đó nâng cao sức mạnh, khả năng sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Trải qua quá trình chiến đấu, xây dựng và trưởng thành, Quân chủng Hải quân đã hai lần được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và nhiều danh hiệu cao quý khác.

3.2.2. Quân chủng Phòng không - Không quân

**Ngày thành lập*

Thành lập ngày 22/10/1963 trên cơ sở sáp nhập Bộ Tư lệnh Phòng không và Cục Không quân. Trong thời gian từ 16/5/1977 đến 3/3/1999, Quân chủng Phòng không - Không quân tách ra thành hai Quân chủng là Phòng không và Không quân riêng biệt. Việc chia tách này do được áp dụng theo mô hình tổ chức lực lượng của Liên Xô, một quốc gia vốn có lãnh thổ rộng lớn và tiềm lực quân sự mạnh, nên bộc lộ không phù hợp với đặc thù Việt Nam, vốn có lãnh thổ nhỏ hẹp và tiềm lực quân sự còn nhỏ. Chính vì vậy, sau khi Liên Xô tan rã, mô hình 2 quân chủng cũng không còn phù hợp, cần tinh giản và gọn nhẹ trong bộ máy quản lý, điều hành. Từ tháng 3/1999, hai Quân chủng lại được sáp nhập trở về Quân chủng Phòng không - Không quân như trước tháng 5 năm 1977.

**Vị trí, nhiệm vụ*

- Quân chủng Phòng không - Không quân đảm nhiệm nhiệm vụ phòng không quốc gia và không quân; là lực lượng nòng cốt quản lý, bảo vệ vùng trời của Tổ quốc, bảo vệ các mục tiêu trọng điểm quốc gia, bảo vệ nhân dân và tham gia bảo vệ các vùng biển, đảo của Tổ quốc; tham mưu cho Bộ Quốc phòng chỉ đạo xây dựng lực lượng phòng không lục quân và không quân thuộc các quân chủng, binh chủng, ngành,...

- Nhiệm vụ của lực lượng Phòng không - Không quân có thể độc lập thực hiện nhiệm vụ hoặc tham gia tác chiến trong đội hình quân, binh chủng hợp thành. Lực lượng Không quân vận tải ngoài nhiệm vụ vận chuyển phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, còn tham gia các hoạt động tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ thiên tai và phát triển kinh tế.

Nhiệm vụ cụ thể của lực lượng Phòng không là kết hợp với các lực lượng của các quân, binh chủng khác, có nhiệm vụ tiêu diệt các loại máy bay chiến đấu, máy bay vận tải, máy bay trinh sát, quân nhảy dù, đổ bộ đường không,... của địch. Ngoài ra còn đảm nhận nhiệm vụ bảo vệ các cơ sở kinh tế, các mục tiêu quan trọng (cầu cống, kho tàng,...), bảo vệ các sở chỉ huy cấp chiến dịch, các cơ quan lãnh đạo trong thời bình cũng như thời chiến, bảo vệ đội hình chiến đấu của bộ đội binh chủng hợp thành.

Lực lượng Không quân tham gia cùng với các lực lượng của các quân, binh chủng khác, tiêu diệt các loại máy bay địch ở tầng cao mà pháo xạ không kiểm soát được. Tham gia hỏa lực chuẩn bị và chi viện cho các chiến dịch tiến công, chiến dịch phòng ngự,... Ngoài ra còn đảm nhận nhiệm vụ tập kích vào các mục tiêu trọng yếu của địch như sân bay, bến cảng, kho tàng, các vị trí trận địa tập kết xuất phát tiến công của địch, bảo vệ vùng trời của ta,...

** Tổ chức, biên chế*

Tổ chức Quân chủng Phòng không - Không quân bao gồm Bộ Tư lệnh Quân chủng, các đơn vị chiến đấu và bảo đảm; các học viện, nhà trường..., các đơn vị kinh tế - quốc phòng. Bộ Tư lệnh Quân chủng có Tư lệnh, các Phó Tư lệnh; Chính ủy, Phó Chính ủy, các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, phòng không nhân dân và các đơn vị trực thuộc.

Quân chủng có biên chế các sư đoàn phòng không (361, 363, 365, 367, 375, 377); sư đoàn không quân (370, 371, 372, Lữ đoàn không quân 918), và một số đơn vị không quân trực thuộc là các đơn vị chiến đấu chủ yếu. Quân chủng Phòng không - Không quân được trang bị các loại máy bay Su-30 MK2, Su-27, Su-22, máy bay vận tải tầm trung C-295, máy bay chiến đấu tiêm kích hạng nhẹ MiG-21; Tổ hợp tên lửa tầm xa S-300PMU1, tên lửa Spyder; radar tầm xa 36D6M1-2; pháo cao xạ các loại...; đang nghiên cứu, sản xuất một số loại vũ khí, trang bị kỹ thuật mới, hiện đại hóa một số loại radar; cải tiến, hiện đại hóa tổ hợp tên lửa phòng không... Trong các cuộc chiến tranh giải phóng, lực lượng Phòng không - Không quân đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của không

quân và hải quân Mỹ, bảo vệ các tuyến giao thông vận tải chi viện cho miền Nam, góp phần bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Lực lượng Phòng không - Không quân đã được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và nhiều danh hiệu cao quý khác...

3.2.3. Binh chủng Pháo Binh

** Ngày thành lập*

Thành lập ngày 29/6/1946 tại sân Vệ quốc đoàn Trung ương (40 Hàng Bài, Hà Nội) đồng chí Hoàng Văn Thái Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam đọc quyết định thành lập Đoàn pháo binh Thủ đô gồm 3 trung đội: Trung đội Pháo đài Láng gồm 44 người, chia làm 3 khẩu đội, trang bị 4 khẩu pháo cao xạ 75mm của Đức là loại pháo hiện đại nhất lúc bấy giờ được đặt trên bệ bê tông và có 500 viên đạn. Trung đội Pháo đài Xuân Canh, trang bị 1 khẩu pháo cao xạ 75mm và 200 viên đạn. Trung đội Pháo đài Xuân Tảo, trang bị 2 khẩu pháo cao xạ 75mm và 400 viên đạn.

Để đáp ứng với nhiệm vụ ngày 7/9/1954 Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Bộ chỉ huy Pháo binh, sau đó đến 28/5/1956 đổi tên thành BTL Pháo binh, có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng pháo binh dự bị và làm tham mưu giúp Bộ chỉ đạo lực lượng pháo binh toàn quân. Lực lượng pháo binh từ đó đã chuyển sang giai đoạn thống nhất về biên chế, trang bị, huấn luyện, đào tạo và tác chiến trong cơ cấu của một Binh chủng chiến đấu.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng binh chủng Pháo binh 8 chữ “*Chân đồng, vai sắt, đánh giỏi, bắn trúng*” ngày 13/4/1967.

Lực lượng Pháo binh đã được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và nhiều danh hiệu cao quý khác...

** Vị trí, nhiệm vụ*

- Binh chủng Pháo binh là một binh chủng chiến đấu, hỏa lực chính của Lục quân, đồng thời là hỏa lực chính ở mặt đất của Quân đội nhân dân Việt Nam được trang bị các loại pháo, tên lửa, súng cối.

- Nhiệm vụ của lực lượng Pháo binh là dùng hỏa lực chi viện cho bộ binh, xe tăng và các binh chủng hoàn thành nhiệm vụ (trong các hình thức chiến đấu cấp chiến dịch, chiến thuật khi hiệp đồng quân, binh chủng). Dùng hỏa lực đánh các mục tiêu được phân công riêng cho pháo binh để thực hiện được ý định chiến đấu nào đó nằm trong kế hoạch chung của binh chủng hợp thành. Nhiệm vụ cụ thể là chế áp và tiêu diệt các trận địa pháo, cối, trận địa tên lửa của địch. Diệt xe tăng, xe cơ giới, các phương tiện đổ bộ đường biển, đường không. Chế áp và sát thương sinh lực, hỏa lực địch tập trung, chú trọng các hỏa điểm chống tăng và phá hủy có trọng điểm công trình phòng ngự của địch. Chi viện kịp thời liên tục, có hiệu quả cho bộ binh và xe tăng của ta trong chiến đấu phòng ngự, chiến đấu tiến công và phản công. Đánh phá vào hậu phương, các con đường giao thông tiếp tế, các căn cứ hậu cần, các mục tiêu trong hậu phương của địch.

Ngoài các mục tiêu trên mặt đất, Binh chủng Pháo binh còn đảm nhận nhiệm vụ sử dụng các loại pháo, tên lửa và súng cối để chế áp, tiêu diệt các mục tiêu trên mặt nước.

** Tổ chức, biên chế*

Tổ chức Binh chủng Pháo binh bao gồm Bộ Tư lệnh Binh chủng, các đơn vị chiến đấu và bảo đảm; các nhà trường.... Bộ Tư lệnh Binh chủng có Tư lệnh, các Phó Tư lệnh; Chính ủy, Phó Chính ủy, các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, và các đơn vị trực thuộc.

Binh chủng Pháo binh biên chế các lữ đoàn pháo binh (45, 204, 675, 96), lữ đoàn tên lửa (490) và một số đơn vị trực thuộc...Ngoài ra lực lượng pháo binh còn được biên chế ở các quân khu, quân đoàn.

3.2.4. Binh chủng Tăng thiết giáp

**Ngày thành lập*

Thành lập ngày 05/10/1959. Trước đó vào ngày 2 tháng 9 năm 1959, Thiếu tướng Trần Văn Quang, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam sang Trung Quốc thăm đoàn học viên và thay mặt Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng ra Nghị định số 449/NĐ, quyết định thành lập trung đoàn xe tăng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam mang phiên hiệu 202. Tuy nhiên, mãi 3 ngày sau, ngày 5 tháng 10 năm 1959, Bộ Quốc phòng mới ký quyết định thành lập một đơn vị thiết giáp cấp trung đoàn trực thuộc Bộ Tổng Tư lệnh, lấy phiên hiệu là Trung đoàn 202, mang mật danh H02, do Thiếu tá Đào Huy Vũ làm Trung đoàn trưởng, Thiếu tá Đặng Quang Long làm Chính ủy. Ngày 5 tháng 10 về sau trở thành ngày truyền thống của Binh chủng Tăng thiết giáp Quân đội nhân dân Việt Nam.

Lực lượng Tăng thiết giáp đã được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và nhiều danh hiệu cao quý khác...

**Vị trí, nhiệm vụ*

- Binh chủng Tăng thiết giáp là một binh chủng chiến đấu, là lực lượng đột kích quan trọng của Lục quân và Hải quân đánh bộ, được trang bị xe tăng, xe thiết giáp là loại trang bị kỹ thuật hiện đại, hỏa lực mạnh, sức cơ động cao, khả năng tự vệ tốt.

- Nhiệm vụ của lực lượng Tăng thiết giáp kết hợp cùng các binh chủng khác tạo thành sức mạnh tổng hợp kết thúc trận chiến đấu. Nhiệm vụ cụ thể là sử dụng hỏa lực, sức cơ động cao, khả năng tự vệ tốt để nhanh chóng tiêu diệt quân địch. Đột phá và đánh chiếm địa hình, phần đất đai có giá trị chiến thuật, thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu chủ yếu bên trong (Ví dụ: sở chỉ huy, trận địa cối, trận địa pháo, tên lửa của địch,..). Tham gia phối hợp với các lực lượng khác ngấm bắn trực tiếp. Một xe tăng thực hiện theo nhiệm vụ của trung đội xe tăng (có thể thực hiện đồng thời các nhiệm vụ hoặc một nhiệm vụ). Ngoài ra các loại xe thiết giáp có nhiệm vụ chở bộ đội và chở các phương tiện, vũ khí hành quân, làm nhiệm vụ theo kế hoạch chiến đấu.

** Tổ chức, biên chế*

- Tổ chức Binh chủng Tăng thiết giáp bao gồm Bộ Tư lệnh Binh chủng, các đơn vị chiến đấu và bảo đảm; các nhà trường.... Bộ Tư lệnh Binh chủng có Tư lệnh, các Phó Tư lệnh; Chính ủy, Phó Chính ủy, các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, và các đơn vị trực thuộc.

- Binh chủng Tăng thiết giáp biên chế các lữ đoàn xe tăng (201, 215) và một số đơn vị trực thuộc...Ngoài ra lực lượng Tăng - Thiết giáp còn được biên chế ở các quân khu, quân đoàn.

3.2.5. Binh chủng Đặc công

**Ngày thành lập*

Thành lập ngày 19/3/1967. Tổ chức lực lượng lúc mới thành lập: 9 Tiểu đoàn Đặc công; Trường bồi dưỡng cán bộ và 3 cơ quan. Tuy ngày thành lập chính thức là năm 1967, nhưng từ những năm kháng chiến chống Pháp, cách đánh “công đồn đặc biệt” ở chiến trường Nam Bộ, cách đánh và tổ chức đặc công đã phát triển nhanh chóng, hình thành ba lực lượng: Đặc công bộ; Đặc công nước; Đặc công biệt động.

Lực lượng Đặc công đã được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và nhiều danh hiệu cao quý khác...

**Vị trí, nhiệm vụ*

- Vị trí: là một binh chủng chiến đấu trong Quân đội nhân dân Việt Nam được tổ chức trang bị và huấn luyện đặc biệt, trở thành lực lượng đặc biệt tinh nhuệ của Lục quân. Có 2 loại đặc công (đặc công bộ và đặc công nước).

- Nhiệm vụ của lực lượng Đặc công sử dụng các phương pháp tác chiến đặc biệt, để tiến công những mục tiêu hiểm yếu, sâu trong hậu phương và trong đội hình đối phương.

** Tổ chức, biên chế*

Tổ chức Binh chủng Đặc công bao gồm Bộ Tư lệnh Binh chủng, các đơn vị chiến đấu và bảo đảm; các nhà trường.... Bộ Tư lệnh Binh chủng có Tư lệnh, các Phó Tư lệnh; Chính ủy, Phó Chính ủy, các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, và các đơn vị trực thuộc.

Binh chủng Đặc công biên chế các lữ đoàn đặc công (1, 5, 113, 198, 429) và một số đơn vị trực thuộc...Ngoài ra lực lượng Đặc công còn được biên chế ở các quân khu, quân đoàn.

3.2.6. Binh chủng Công binh

** Ngày thành lập*

Thành lập ngày 25/3/1946, ngày Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 34-SL về việc thành lập Công chính Giao thông Cục thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam. Đến ngày 02/12/1946, Công chính Giao thông Cục đổi tên thành Giao thông Công binh Cục và ngày 5 tháng 2 năm 1949 mang tên mới là Cục Công binh. Ngày 1 tháng 1 năm 1951, thành lập Trung đoàn Công binh 151 trên cơ sở Cục Công binh và một số đơn vị công binh trực thuộc Bộ Quốc phòng. Ngày 17/8/1951, thành lập Phòng Công binh Bộ Tổng Tham mưu, đến ngày 3/11/1955 phát triển thành Cục Công binh (tái lập). Năm 1952 được Chủ

tịch Hồ Chí Minh tặng cờ “Mở đường thắng lợi”. Bộ Tư lệnh Công binh được đổi tên ngày 28 tháng 6 năm 1965 theo Quyết định 102/QP của Bộ Quốc phòng.

Lực lượng Công binh đã được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và nhiều danh hiệu cao quý khác...

** Vị trí, nhiệm vụ*

- Là binh chủng bảo đảm chiến đấu trong tiến công và trong phòng ngự, binh chủng chuyên môn của Quân đội nhân dân Việt Nam được trang bị phương tiện công binh và có thể trực tiếp chiến đấu.

- Nhiệm vụ của lực lượng Công binh là bảo đảm công trình trong tác chiến và xây dựng công trình quốc phòng. Nhiệm vụ cụ thể là bảo đảm chiến đấu cho các binh chủng khác như: Binh chủng Tăng - Thiết giáp, Binh chủng Pháo binh,... kết hợp cùng với lực lượng địa phương làm kho, đường, sở chỉ huy phục vụ chiến đấu. Trước, trong và sau trận đánh phải khắc phục hậu quả chiến đấu. Khi tham gia chiến đấu, lực lượng công binh dùng thuốc nổ đánh phá một số mục tiêu được phân công, phá bom nổ chậm. Các công trình đảm bảo trong chiến đấu là: hầm hào các loại, trận địa pháo, ngụy trang, nghi binh trong trận đánh. Trong chiến đấu hiệp đồng binh chủng, các lực lượng công binh dùng thuốc nổ phá mục tiêu, mở cửa làm đường xuất kích, đảm bảo cho bộ đội cơ động.

** Tổ chức, biên chế*

Tổ chức Binh chủng Công binh gồm Bộ Tư lệnh Binh chủng, các đơn vị chiến đấu và bảo đảm; các nhà trường.... Bộ Tư lệnh Binh chủng có Tư lệnh, các Phó Tư lệnh; Chính ủy, Phó Chính ủy, các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, và các đơn vị trực thuộc.

Binh chủng Công binh biên chế các lữ đoàn Công binh (229, 239, 249, 279, 72, 293) và một số đơn vị trực thuộc...Ngoài ra lực lượng Công binh còn được biên chế ở các quân khu, quân đoàn.

3.2.7. Binh chủng Hóa học

** Ngày thành lập*

Thành ngày 19/4/1958. Vào ngày này năm 1958, Tiểu đoàn hóa học đầu tiên được thành lập, mang tên Tiểu đoàn hóa học 6, trực thuộc Trường Sĩ quan Lục quân (đến 30 tháng 1 năm 1962 đổi phiên hiệu thành Tiểu đoàn hóa học 901). Ngoài ra còn có 2 đại đội hóa học thuộc các Sư đoàn 308 và 320.

Trước đó không lâu, ngày 13/3/1958, Bộ Tổng Tham mưu đã ban hành Công văn 173/BTM về việc thành lập Phòng Hóa học - Nguyên tử thuộc Cục Huấn luyện chiến đấu, Tổng cục Quân huấn (sau này khi giải thể Tổng cục Quân huấn thì chuyển sang thuộc Bộ Tổng Tham mưu). Tháng 6 năm 1961, thành lập Ban hóa học của các Sư đoàn và Phòng hóa học của các Quân khu.

Theo Quyết định số 34/QĐ-QP ngày 9 tháng 5 năm 1966, Phòng Hóa học - Nguyên tử chuyển thành Cục Hóa học thuộc Bộ Tổng Tham mưu.

Bộ Tư lệnh Hóa học được thành lập theo Quyết định số 224/QĐ-QP ngày 17 tháng 7 năm 1976 trên cơ sở Cục Hóa học.

Lực lượng Hóa học đã được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng

Lực lượng vũ trang nhân dân và nhiều danh hiệu cao quý khác...

**Vị trí, nhiệm vụ*

- Binh chủng Hoá học là binh chủng bảo đảm chiến đấu, binh chủng chuyên môn của Quân đội nhân dân Việt Nam và có thể trực tiếp chiến đấu.

- Nhiệm vụ của lực lượng Hoá học là đảm bảo hoá học cho hoạt động tác chiến. Làm nòng cốt trong việc phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn (vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí lửa,...). Có thể trực tiếp chiến đấu bằng vũ khí bộ binh và súng phun lửa.

Ngụy trang bảo vệ các mục tiêu quan trọng và nghi binh đánh lừa địch bằng màn khói.

** Tổ chức, biên chế*

Tổ chức Binh chủng Hoá học gồm Bộ Tư lệnh Binh chủng, các đơn vị bảo đảm; các nhà trường.... Bộ Tư lệnh Binh chủng có Tư lệnh, các Phó Tư lệnh; Chính ủy, Phó Chính ủy, các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, và các đơn vị trực thuộc.

Binh chủng Hoá học biên chế các lữ đoàn phòng hóa (86, 87) và một số đơn vị trực thuộc...Ngoài ra lực lượng Hoá học còn được biên chế ở các quân khu, quân đoàn.

3.2.8. Binh chủng Thông tin liên lạc

** Ngày thành lập*

Thành lập ngày 9 tháng 9 năm 1945. Vào ngày 7 tháng 9, Phòng Thông tin Liên lạc quân sự được thành lập, do Hoàng Đạo Thúy làm Trưởng phòng. Cục Thông tin Liên lạc được thành lập ngày 31 tháng 7 năm 1949 trên cơ sở Phòng Thông tin Liên lạc quân sự. Bộ Tư lệnh Thông tin Liên lạc được thành lập ngày 31 tháng 1 năm 1968 trên cơ sở Cục Thông tin Liên lạc.

Lực lượng Thông tin Liên lạc đã được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và nhiều danh hiệu cao quý khác...

**Vị trí, nhiệm vụ*

- Binh chủng Thông tin liên lạc là binh chủng bảo đảm chiến đấu, binh chủng chuyên môn của Quân đội nhân dân Việt Nam, được trang bị các phương tiện liên lạc, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ.

- Nhiệm vụ của lực lượng Thông tin liên lạc là bảo đảm thông tin liên lạc cho chỉ huy quân đội trong mọi tình huống. Nhiệm vụ cụ thể là bảo đảm chỉ huy tác chiến và hợp đồng tác chiến. Thông tin liên lạc bảo đảm hiệp đồng quân, binh chủng. Thông tin liên lạc bảo đảm hậu cần và kỹ thuật. Bảo đảm thông báo, báo động. Bảo đảm quân bưu và dẫn đường. Bảo đảm đối

phó thông tin với thông tin địch (chống các thủ đoạn phá hoại của địch, phá rối không cho địch làm việc).

** Tổ chức, biên chế*

Tổ chức Binh chủng Thông tin liên lạc gồm Bộ Tư lệnh Binh chủng, các đơn vị bảo đảm; các nhà trường.... Bộ Tư lệnh Binh chủng có Tư lệnh, các Phó Tư lệnh; Chính ủy, Phó Chính ủy, các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, và các đơn vị trực thuộc.

Binh chủng Thông tin liên lạc biên chế các lữ đoàn (132, 134, 139, 205, 596) và một số đơn vị trực thuộc...Ngoài ra lực lượng Thông tin liên lạc còn được biên chế ở các quân khu, quân đoàn.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Trình bày khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Câu 2. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Câu 3. Vị trí, nhiệm vụ, tổ chức biên chế của Quân chủng Hải quân.

Câu 4. Vị trí, nhiệm vụ, tổ chức biên chế của Quân chủng Phòng không - Không quân.

Câu 5. Vị trí, nhiệm vụ, tổ chức biên chế của Binh chủng Pháo binh

Câu 6. Vị trí, nhiệm vụ, tổ chức biên chế của Binh chủng Tăng thiết giáp.

Câu 7. Vị trí, nhiệm vụ, tổ chức biên chế của Binh chủng Đặc công.

Câu 8. Vị trí, nhiệm vụ, tổ chức biên chế của Binh chủng Công binh.

Câu 9. Vị trí, nhiệm vụ, tổ chức biên chế của Binh chủng Hóa học.

Câu 10. Vị trí, nhiệm vụ, tổ chức biên chế của Binh chủng Thông tin liên lạc.

.....

Bài 4

ĐIỀU LỆNH ĐỘI NGŨ TỪNG NGƯỜI CÓ SÚNG

4.1. Động tác Nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ có súng

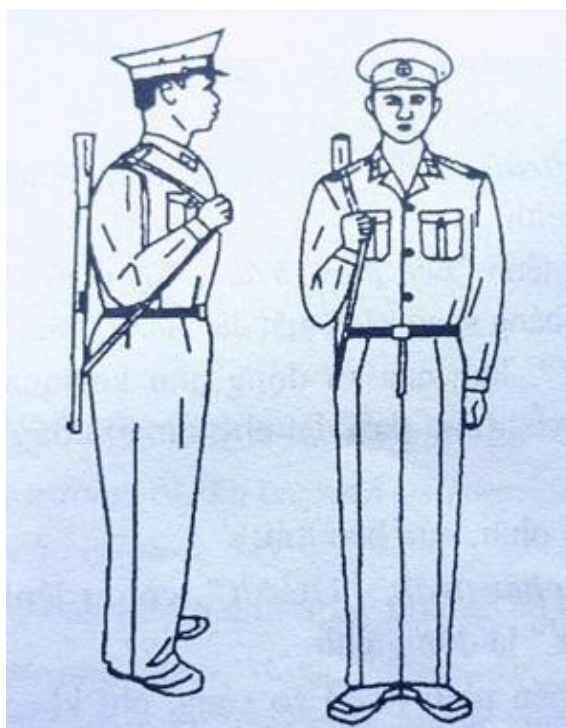
Ý nghĩa: Rèn luyện cho quân nhân có tác phong nghiêm túc, tư thế hùng mạnh, khả năng trương và đức tính bình tĩnh nhẫn nại. Đồng thời rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, thống nhất, tập trung, sẵn sàng chấp hành mệnh lệnh.

Động tác nghỉ để quân nhân khi đứng trong hàng đỡ mỏi và vẫn giữ được tư thế, hàng ngũ nghiêm chỉnh, tập trung sức chú ý.

4.1.1. Động tác nghiêm, nghỉ có súng tiểu liên AK

- Động tác nghiêm, nghỉ khi mang súng tiểu liên:

Cơ bản giống như động tác nghiêm, nghỉ không có súng, chỉ khác: Khi đứng nghiêm, nghỉ vẫn giữ tư thế mang súng. Súng mang ở vai phải, tay phải nắm chắc dây súng (*ngón tay cái ở bên trong dọc theo dây súng, bốn ngón còn lại khép lại nằm ở bên ngoài dây súng*), nắm tay phải cao ngang nắp túi áo ngực bên phải, ngón tay trở cao ngang mép trên nắp túi áo ngực, cánh tay phải khép lại giữ cho súng nằm dọc theo thân người phía sau bên phải. Súng tiểu liên đầu nòng súng hướng xuống dưới, mặt súng quay sang phải.



Hình 4.1. Đứng nghiêm có súng tiểu liên AK

- Động tác nghiêm, nghỉ khi giữ súng tiểu liên:

+ Động tác nghiêm: Cơ bản giống như động tác nghiêm không có súng. Chỉ khác, tay phải giữ súng, ngón tay cái bên trái, bốn ngón con khép lại nằm bên phải súng, bàn tay giữ chắc nòng súng, cánh tay duỗi thẳng tự nhiên; súng thẳng đứng, hộp tiếp đạn hướng ra trước, đế báng súng đặt sát mép ngoài bàn chân phải (*đế bằng và sát mặt đất*), mũi đế báng súng ngang với mũi bàn chân phải (*ngang với mũi giày*).

+ Động tác nghỉ: Cơ bản giống như động tác nghỉ không có súng. Chỉ khác, tay phải vẫn giữ súng như khi đứng nghiêm.

- Động tác nghiêm nghỉ khi kẹp súng tiểu liên:

+ Động tác nghiêm: Cơ bản giống như động tác nghiêm không có súng. Chỉ khác, tay phải nắm tay cầm, hõ khẩu tay ở bên trên hướng ra ngoài, bằng mặt cắt tay cầm, kẹp chặt súng. Súng nằm dọc bên phải thân người, cuối hộp khóa nòng sát thân bên phải, hộp tiếp đạn hướng về phía trước, miệng nòng súng cao ngang cằm.

+ Động tác nghỉ: Cơ bản giống động tác nghỉ không có súng. Chỉ khác, tay phải vẫn kẹp súng như khi đứng nghiêm.

4.1.2. Động tác quay tại chỗ có súng tiểu liên AK

Ý nghĩa: Dùng để đổi hướng được nhanh chóng, chính xác, thống nhất, giữ vững được đội ngũ.

Khẩu lệnh, động tác như quay tại chỗ không có súng, chỉ khác: Súng vẫn mang trên vai. Khi kẹp súng: Súng vẫn kẹp bên sườn phải.

Những điểm chú ý:

- Nghe dự lệnh: Tay phải xách súng lên đúng vị trí, nghe dứt động lệnh mới làm động tác quay, không được vừa quay vừa xách súng.

- Khi quay phải giữ chắc súng, không lắc súng, không nghiêng người, tay trái vẫn để như khi đứng nghiêm.

4.2. Khám súng

Ý nghĩa: Khám súng là để chấp hành quy tắc bảo đảm an toàn tuyệt đối trong việc giữ gìn vũ khí, trang bị đối với mọi trường hợp trong huấn luyện, công tác, sinh hoạt, hành quân, trú quân, trước và sau khi dùng súng.

Khám súng là một động tác cần thiết của mỗi quân nhân, nhằm bảo đảm an toàn cho người giữ súng và những người xung quanh.

4.2.1. Động tác khám súng, khám súng xong của súng tiểu liên AK (ở tư thế mang súng)

4.2.1.1. Động tác khám súng

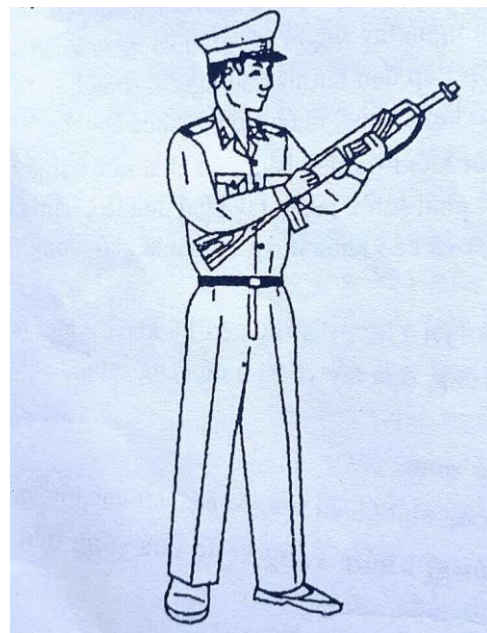
- Khẩu lệnh: “KHÁM SÚNG” không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh; “KHÁM SÚNG”, làm 3 cử động:

+ *Cử động 1*: Tay phải vuốt nhẹ theo dây súng đưa về nắm ốp lót tay, đồng thời chân trái bước lên $\frac{1}{2}$ bước theo hướng trước mặt, mũi bàn chân chệch sang phải khoảng 15° . Lấy mũi bàn chân phải làm trụ, xoay gót lên, người chệch về bên phải 45° , đồng thời tay phải đưa súng lên cánh tay cong tự nhiên (nắm cả dây súng). Nòng súng chệch lên 45° , báng súng sát hông bên phải.

+ *Cử động 2*: Tay phải rời khỏi ốp lót

tay đưa về nắm hộp tiếp đạn, lòng bàn tay quay về trước, hồ khẩu tay nắm sau sống hộp tiếp đạn, bốn ngón con khép lại nắm bên phải hộp tiếp đạn, dùng ngón tay cái (hoặc hồ khẩu tay phải) ấn lấy giữ hộp tiếp đạn, rồi tháo hộp tiếp đạn ra chuyển sang tay trái giữ hộp tiếp đạn. Tay trái vẫn giữ ốp lót tay, dùng ngón tay giữa và ngón tay thứ tư (cạnh ngón út) choàng giữ ở bên phải hộp tiếp đạn, miệng hộp tiếp đạn hướng vào người, sống hộp tiếp đạn hướng xuống dưới. Tay phải gạt cần điều khiển về vị trí bắn rồi đưa về nắm tay cầm của súng.



Hình 4.2. Khám súng tiểu liên AK

+ *Cử động 3*: Khi người kiểm tra đến bên phải phía sau, kết hợp 2 tay đưa súng lên, tỳ để báng súng vào bên phải trước bụng, tay phải nắm tay kéo khóa nòng (ngón tay cái hơi co lại tỳ vào tay kéo khóa nòng, bốn ngón con khép lại nằm dọc bên phải thân súng), kéo khóa nòng về sau hết cỡ, đồng thời hơi nghiêng mặt súng sang trái (hình 4.2). Khi nghe người kiểm tra hô “ĐƯỢC”, tay phải thả khóa nòng về trước rồi bóp chết cò, gạt cần điều khiển bắn về vị trí an toàn, lấy hộp tiếp đạn lắp vào súng rồi đưa về nắm tay cầm, phối hợp 2 tay đưa báng súng về sát hông bên phải.

4.2.1.2. Động tác khám súng xong về tư thế mang súng

- Khẩu lệnh: “KHÁM SÚNG XONG” không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “KHÁM SÚNG XONG” làm 3 cử động.

+ *Cử động 1*: Lấy mũi bàn chân phải làm trụ, xoay gót về vị trí cũ, chân trái đưa về sát với chân phải, đồng thời hai tay, xoay mũi súng xuống dưới (khi xoay tay trái hơi lỏng ra để quay hồ khẩu tay hướng lên trên), tiếp tục nắm chắc ốp lót tay, súng dọc thân người cách thân người 20cm.

+ *Cử động 2*: Tay phải rời khỏi tay cầm về nắm dây súng, nắm tay cách khâu đeo dây ở báng súng 30cm (ngón tay cái hướng lên trên về ở bên trong, bốn ngón con khép lại ở bên ngoài của dây súng) kéo căng dây súng vào người, nắm tay cách thân người 10cm.

+ *Cử động 3*: Dùng sức đẩy của tay trái và sức xoay của tay phải, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm mang súng.

4.2.2. Động tác khám súng, khám súng xong của súng AK (khi kẹp súng)

4.2.2.1. Động tác khám súng

- Khẩu lệnh: “KHÁM SÚNG” không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “KHÁM SÚNG”, làm 3 cử động.

+ *Cử động 1*: Tay phải đưa súng ra, cánh tay thẳng, súng nằm dọc thân người, cách thân người 15cm. Đồng thời tay trái đưa lên nắm ốp lót tay, chân trái bước lên $\frac{1}{2}$ bước, đặt mũi bàn chân chệch sang bên phải 15° . Lấy mũi bàn chân phải làm trụ, xoay gót lên, để cho thân người chệch sang bên phải 45° ; Hai tay đưa súng lên trước, tay phải xoay về sau nắm tay cầm, hồ khẩu tay hướng lên trên, nòng súng chệch lên 45° , báng súng sát hông bên phải.

+ *Cử động 2, 3*: Như động tác khám súng của súng tiểu liên AK khi mang súng.

4.2.2.2. Động tác khám súng xong về tư thế kẹp súng

- Khẩu lệnh: “KHÁM SÚNG XONG” không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “KHÁM SÚNG XONG” làm 2 cử động.

+ *Cử động 1*: Lấy mũi bàn chân phải làm trụ, xoay gót về vị trí cũ; chân trái đưa về sát chân phải. Kết hợp 2 bàn tay đưa súng về nằm dọc bên phải thân người, cách thân người 15cm, tay phải xoay hồ khẩu tay về trước nắm tay cầm, hồ khẩu tay bên trên, bằng mép ngoài tay cầm.

+ *Cử động 2*: Hai tay đưa súng vào sườn phải thành tư thế kẹp súng, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

4.3. Động tác sửa dây súng tiểu liên AK

4.3.1. Động tác sửa dây súng

- Khẩu lệnh: “SỬA DÂY SÚNG” không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “SỬA DÂY SÚNG”, làm 4 cử động.

+ *Cử động 1*: Tay phải vuốt nhẹ theo dây súng chuyển về nắm ốp lót tay, đưa súng ra khỏi vai thành tư thế xách súng.

+ *Cử động 2*: Chân trái bước lên $\frac{1}{2}$ bước theo hướng trước mặt, mũi bàn chân hướng chệch sang bên phải 15° , dùng mũi bàn chân phải làm trụ, xoay gót lên để thân người chệch về bên phải 45° .

+ *Cử động 3*: Dùng sức của tay phải hất báng súng từ dưới lên sang trái. Cánh tay dưới tay trái nhanh chóng đưa lên đỡ lấy thân súng, bàn tay trái nắm lấy thân súng ngang thước ngắm, nâng đầu nòng súng lên. Tay phải rời ốp lót tay dùng cánh tay dưới đỡ lấy đầu nòng súng, hai khuỷu tay co tự nhiên (*gần vuông góc*), súng nằm ngang trên hai cánh tay dưới, bụng súng quay ra ngoài.

+ *Cử động 4*: Phối hợp hai tay sửa dây súng cho thích hợp với tư thế sử dụng súng như sửa dây súng trường.

Đo độ dài của dây súng bằng cách: Tay phải nắm chính giữa dây súng, cánh tay dưới dựng thẳng treo ngang súng dưới cánh tay phải, bàn tay trái nắm lại úp lên thân súng, nắm tay chạm vào khuỷu tay là vừa.

4.3.2. Động tác sửa xong dây súng

- Khẩu lệnh: “THÔI”, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “THÔI”, làm 4 cử động.

+ *Cử động 1*: Tay trái nắm thân súng nâng đầu nòng súng lên, tay phải chuyển về nắm ốp lót tay.

+ *Cử động 2*: Dùng mũi bàn chân phải làm trụ, xoay gót về vị trí cũ, chân trái đưa về sát chân phải. Tay phải đưa súng về dọc chính giữa thân người cách thân người 20cm, mặt súng quay sang phải, tay trái đưa lên nắm ốp lót tay (dưới tay phải).

+ *Cử động 3*: Tay phải đưa về nắm cổ báng súng, phối hợp hai tay quay mũi súng xuống dưới, đồng thời tay trái đưa lỏng ra để xoay hồ khẩu tay hướng lên trên. Tay phải đưa về nắm dây súng, ngón trỏ cách khâu đeo dây súng 30cm kéo căng vào người.

+ *Cử động 4*: Dùng sức đẩy của tay trái và sức xoay của tay phải đưa súng ra phía sau, quàng dây súng vào vai, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

4.4. Động tác đặt súng, lấy súng tiểu liên AK

Ý nghĩa: Để bảo đảm trật tự, thống nhất khi nghỉ ở bãi tập, nơi công tác. Đồng thời bảo đảm sẵn sàng chiến đấu.

4.4.1. Động tác đặt súng, lấy súng (khi mang súng)

- Động tác đặt súng:

Khẩu lệnh: “ĐẶT SÚNG”, có động lệnh, không có dự lệnh.

Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “ĐẶT SÚNG”, làm 3 cử động.

+ *Cử động 1*: Tay phải vuốt nhẹ theo dây súng đưa xuống nắm ốp lót tay, đưa súng ra khỏi vai thành tư thế xách súng.

+ *Cử động 2*: Chân trái bước lên một bước thẳng hướng trước mặt, cúi người xuống, chân phải thẳng, chân trái chùng, tay phải đặt nhẹ súng xuống đất, súng thẳng hướng về phía trước, tay kéo bộ khóa nòng nằm ở phía dưới, mặt súng hướng sang phải, để báng súng ngang mũi bàn chân phải.

+ *Cử động 3*: Đứng thẳng người lên, chân trái đưa về sát chân phải thành tư thế đứng nghiêm.

- Động tác lấy súng (về mang súng).

Khẩu lệnh: “LẤY SÚNG” có động lệnh, không có dự lệnh. Khi nghe dứt động lệnh “LẤY SÚNG” làm 3 cử động.

+ *Cử động 1*: Chân trái bước lên một bước, cúi người xuống chân phải thẳng, chân trái chùng, tay phải cầm súng ở ốp lót tay.

+ *Cử động 2*: Nhấc súng đứng thẳng người lên, chân trái đưa về sát với chân phải, tay phải đưa súng lên dọc chính giữa thân người, cách thân người 20cm tính ở ngực), nòng súng hướng lên trên, mặt súng hướng sang phải, tay trái đưa lên nắm ốp lót tay phía dưới tay phải (hình 4.3a).

+ *Cử động 3*: Tay phải rời ốp lót tay đưa về nắm cổ báng súng, hồ khẩu tay hướng lên trên. Phối hợp hai tay xoay mũi súng xuống dưới, khi xoay tay trái hơi lỏng ra, chuyển hồ khẩu tay lên trên (hình 4.3b), tay phải đưa về nắm dây súng, ngón tay cái nằm dọc theo dây súng ở bên trong 4 ngón con khép lại ở bên ngoài, ngón tay trở cách khâu đeo dây ở báng súng 30cm (hình 4.3c).

Dùng sức đẩy của tay trái và sức xoay của tay phải đưa súng sang bên phải về đằng sau quàng dây súng vào vai phải, tay phải nắm dây súng (khớp xương thứ 2 ngón tay trở cao ngang mép trên nắp túi áo ngực) cánh tay trên khép lại giữ cho súng nằm dọc theo thân người phía sau bên phải, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm mang súng.

4.4.2. Động tác đặt súng, lấy súng (khi kẹp súng)

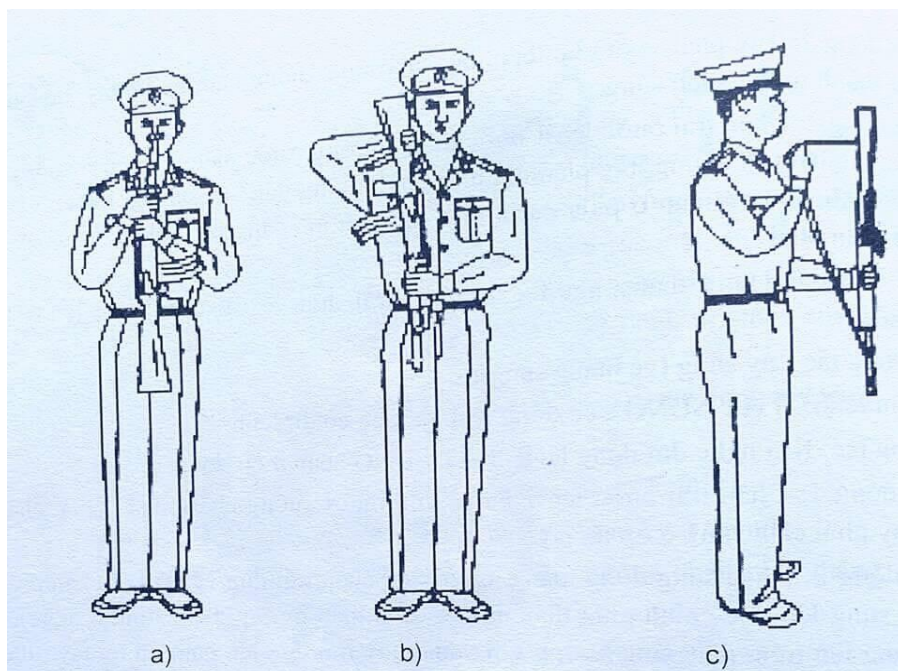
- Động tác đặt súng

Khẩu lệnh: “ĐẶT SÚNG”, có động lệnh, không có dự lệnh.

Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “ĐẶT SÚNG” làm 3 cử động:

+ *Cử động 1*: Tay phải đưa súng ra trước, cánh tay thẳng, súng nằm dọc bên phải thân người, cách thân người 15cm, đồng thời tay trái đưa lên nắm ốp lót tay, ngón tay cái sát khung thước ngắm. Tay phải rời tay cầm về nắm ốp lót tay trên tay trái.

+ *Cử động 2,3*: Như cử động 2,3 đặt súng trường.



Hình 4.3. Lấy súng tiểu liên AK

- a) Tay trái đưa lên nắm ốp lót tay; b) Kết hợp hai tay xoay mũi súng xuống dưới;
c) Tay phải nắm dây súng - Động tác lấy súng về kẹp súng:

Khẩu lệnh: “LẤY SÚNG”, có động lệnh, không có dự lệnh.

Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “LẤY SÚNG” làm 3 cử động:

+ *Cử động 1*: Như cử động 1 khi lấy súng trường. Chỉ khác, tay phải cầm súng ở ốp lót tay, hỏ khẩu tay trên mặt súng, mép ngón tay trở bằng mép trên ốp lót tay.

+ *Cử động 2*: Nhấc súng đứng thẳng người lên, chân trái đưa về sát với chân phải, tay phải đưa súng lên nằm dọc bên phải thân người, cách thân người 15cm (nòng súng hướng lên trên, hộp tiếp đạn hướng ra trước, tay trái đưa lên nắm ốp lót tay dưới tay phải, 4 ngón con khép lại nắm ốp lót tay dưới, ngón cái dọc phía bên trái thân súng). Tay phải rời ốp lót tay đưa xuống nắm tay cầm, hỏ khẩu tay bên trên hướng ra ngoài, bằng mặt cắt tay cầm.

+ *Cử động 3*: Kết hợp hai tay đưa súng vào sườn phải, thành tư thế kẹp súng.

Tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

4.5. Động tác trao súng, nhận súng tiểu liên AK

Ý nghĩa: Động tác trao súng, nhận súng thường dùng để trao đổi súng trong học tập hoặc công tác.

- Động tác trao súng:

Khẩu lệnh: “TRAO SÚNG”, có động lệnh, không có dự lệnh.

Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “TRAO SÚNG”, làm 2 cử động.

+ *Cử động 1*: Tay phải vuốt nhẹ theo dây súng đưa về nắm ốp lót tay, đưa súng ra trước chính giữa thân người cách người 20cm, khâu đeo dây súng cao ngang vai, mặt súng hướng sang phải đồng thời tay trái đưa lên nắm ốp lót tay (dưới tay phải).

+ *Cử động 2*: Tay trái đưa súng ra trước cánh tay thẳng, mặt súng hướng về người nhận súng, đồng thời tay phải đưa về hoặc làm động tác nhận súng, trao súng xong tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

- Động tác nhận súng:

Người nhận súng đứng đối diện cách người trao súng 2 bước (*tính từ gót chân 2 người*), làm 3 cử động:

+ *Cử động 1*: Tay phải đưa thẳng ra nhận súng, nắm ốp lót tay (*trên tay trái của người trao súng*). Đưa súng về dọc thẳng thân người, mặt súng hướng sang phải. Súng cách người 20cm, khâu đeo dây cao ngang vai, đồng thời tay trái đưa lên nắm ốp lót tay dưới tay phải.

+ *Cử động 2*: Tay phải rời ốp lót tay đưa về nắm cổ báng súng, hờ khẩu tay hướng lên trên. Phối hợp hai tay xoay mũi súng xuống dưới (*tay trái hơi lỏng ra*), chuyển hờ khẩu tay quay lên trên. Tay phải đưa về nắm dây súng, ngón tay cái nằm dọc theo dây súng ở bên trong, bốn ngón con khép lại ở bên ngoài, ngón tay trở cách khâu đeo dây ở báng súng 30cm.

+ *Cử động 3*: Dùng sức đẩy của tay trái và sức xoay của tay phải đưa súng sang bên phải về đằng sau quàng dây súng vào vai phải, tay phải nắm dây súng (khớp xương thứ 2 ngón tay trở cao ngang mép trên nắp túi áo ngực), cánh tay trên khép lại giữ cho súng nằm dọc theo thân người về phía bên phải, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm mang súng.

4.6. Ngồi xuống, đứng dậy; tiến, lùi; qua phải, qua trái có súng tiểu liên AK

4.6.1. Động tác ngồi xuống, đứng dậy

- *Ý nghĩa*: Để dùng khi nghe nói chuyện, học tập ở ngoài trời hoặc trong điều kiện không có ghế, để bảo đảm thống nhất trật tự.

- Động tác ngồi xuống:

Khẩu lệnh: “NGỒI XUỐNG”, không có dự lệnh.

Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “NGỒI XUỐNG”, làm 3 cử động.

+ *Cử động 1*: Tay phải vuốt nhẹ theo dây súng đưa về nắm ốp lót tay, đưa súng ra khỏi vai thành tư thế xách súng.

+ *Cử động 2*: Tay phải xách súng đưa về trước, đặt đế báng súng vào chính giữa phía trước 2 mũi bàn chân, cách gót chân 40cm, mặt súng hướng vào người, chân trái đứng nguyên, chân phải bắt chéo qua chân trái (*gót chân phải đặt ngang giữa bàn chân trái*).

Hình 4.4. Ngồi xuống có súng tiểu liên AK



+ *Cử động 3*: Ngồi xuống như động tác ngồi xuống không có súng, dựa súng vào vai phải, mặt súng hướng sang phải, hai khuỷu tay đặt trên 2 đầu gối, bàn tay trái nắm cổ tay phải, khi mỏi thì đổi tay (hình 4.4).

- Động tác đứng dậy:

Khẩu lệnh: “ĐỨNG DẬY”, không có dự lệnh.

Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “ĐỨNG DẬY”, làm 3 của động.

+ *Cử động 1*: Tay phải nắm ốp lót tay dựng súng thẳng lên, chân phải bắt chéo qua chân trái (*nếu hai chân mở rộng bằng vai*). Dùng sức của hai chân và tay trái nắm lại chống xuống đất (*bên trái người*) đẩy người đứng lên. Chân phải đưa về sát chân trái đồng thời tay phải đưa súng lên trước thân người, cách 20cm (*tính ở ngực*). Tay trái đưa lên bắt ốp lót tay, dưới tay phải, trên thước ngắm (*nắm cả dây súng*).

+ *Cử động 2*: Tay phải rời ốp lót tay về nắm cổ báng súng, hồ khẩu tay quay lên trên. Phối hợp hai tay quay mũi súng xuống dưới, khi xoay tay trái hơi lỏng ra chuyển hồ khẩu tay trái quay lên trên, tay phải đưa về nắm dây súng (*ngón cái nắm dọc theo dây súng, bốn ngón con khép lại nắm ở phía ngoài, ngón tay trở cách khâu đeo dây súng ở báng súng 30cm*) kéo căng vào người.

+ *Cử động 3*: Dùng sức đẩy của tay trái và sức xoay của tay phải đưa súng vào vai. Tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm mang súng.

4.6.2. Động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái có súng

Khẩu lệnh và động tác giống như khẩu lệnh, động tác từng người không có súng.

4.7. Đeo súng, xuống súng tiểu liên AK

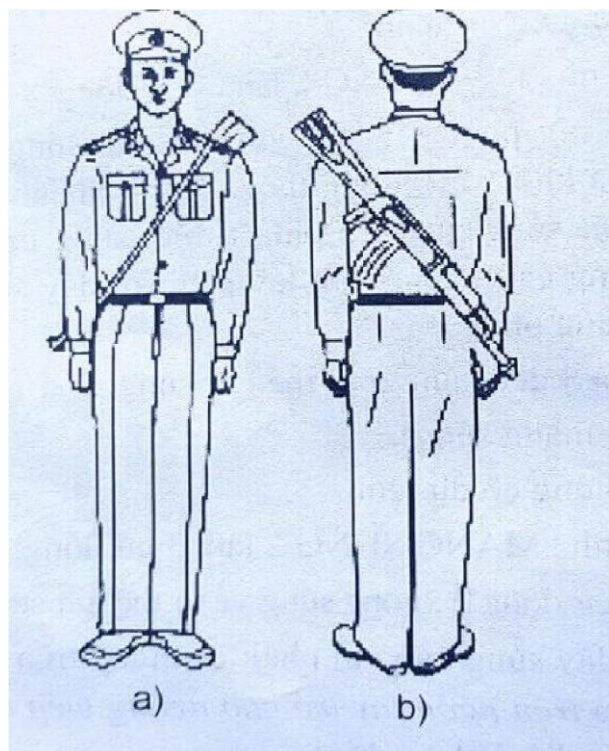
Ý nghĩa: Động tác đeo súng thường dùng trong khi tay bận hoặc để làm các việc khác như: leo, trèo, mang, vác...

4.7.1. Động tác đeo súng tiểu liên (ở tư thế mang súng)

- Khẩu lệnh: “ĐEO SÚNG”, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “ĐEO SÚNG”, làm 3 cử động.

+ *Cử động 1*: Tay phải vuốt nhẹ theo dây súng đưa về nắm ốp lót tay (*súng M79 nắm nòng súng và ốp lót tay, ngón tay trở sát bộ thước ngắm*), đưa súng lên phía trước, súng cách thân ngư



Hình 4.5. Đeo súng tiểu liên AK

ời 20cm, mũi súng hơi chệch sang trái, mặt súng quay sang phải (*súng M79 mặt súng quay xuống dưới*), khâu đeo dây súng phía trên cao ngang vai trái. Đồng thời tay trái nắm thân súng dưới thước ngắm, ngón út sát tay kéo khóa nòng.

+ *Cử động 2*: Tay phải rời ốp lót tay chuyển về nắm chính giữa dây súng (*ngón cái để dọc thẳng ở bên trong dây súng, bốn ngón con khép lại nắm phía ngoài dây súng*), kéo căng sang bên phải, súng nằm chệch người, vòng cò ở khoảng thắt lưng.

a) Nhìn phía trước; b) Nhìn phía sau.

Phối hợp 2 tay đưa dây súng qua đầu quàng vào cổ, tay phải luồn vào giữa súng và dây súng. Súng nằm chệch trước ngực từ trái sang phải, mặt súng quay lên trên. Tay phải chuyển về ốp lót tay trên (*súng M79 nắm nòng súng và ốp lót tay*), tay trái rời thân súng đưa về nắm dây súng trên vai trái.

+ *Cử động 3*: Phối hợp hai tay đưa súng sang phải về sau. Súng nằm chệch sau lưng từ trái sang phải, mũi súng hướng chệch xuống dưới (*súng M79 mặt súng quay về bên trái chệch xuống dưới*), hai tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

4.7.2. Động tác mang súng tiểu liên ở tư thế đeo súng

- Khẩu lệnh: “MANG SÚNG”, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “MANG SÚNG”, làm 3 cử động.

+ *Cử động 1*: Tay phải đưa về sau nắm lấy ốp lót tay trên (*súng M70 nắm nòng súng và ốp lót tay*), tay trái đưa lên nắm dây súng trên vai trái hơi nâng lên.

+ *Cử động 2*: Tay phải đưa súng từ sau lưng sang phải ra trước ngực, súng nằm chệch trước ngực từ trái sang phải. Phối hợp hai tay nhắc dây súng lên, đưa qua đầu, quàng dây súng vào vai phải thành tư thế mang súng.

4.7.3. Động tác đeo súng tiểu liên ở tư thế treo súng

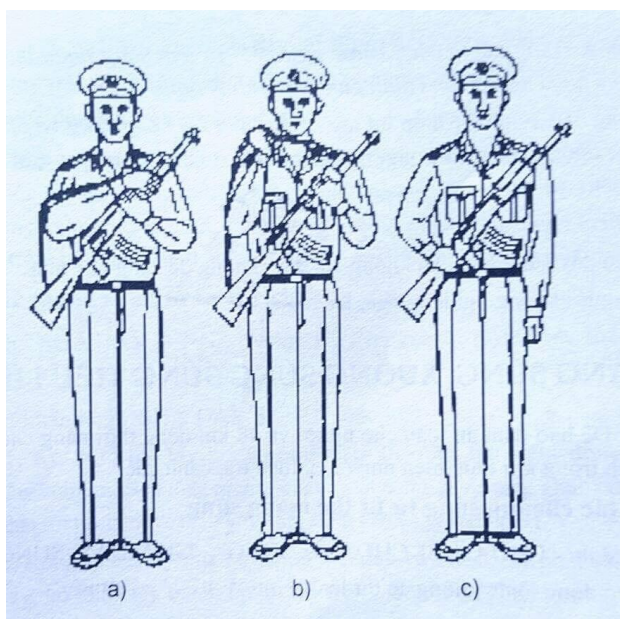
- Khẩu lệnh: “ĐEO SÚNG” có động lệnh không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “ĐEO SÚNG”, làm 2 cử động.

+ *Cử động 1*: Tay phải rời cổ báng súng đưa lên nắm ốp lót tay trên, tay trái

đưa lên nắm dây súng trên vai trái hơi nâng lên.

+ *Cử động 2*: Phối hợp hai tay đưa súng qua phải về sau lưng. Súng nằm chệch sau lưng từ trái sang phải, mũi súng hướng chệch xuống. Hai tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.



Hình 4.6. Treo súng tiểu liên AK

4.8. Treo súng, xuống súng tiểu liên AK

Ý nghĩa: Động tác treo súng thường dùng khi canh gác, làm nhiệm vụ đón tiếp, duyệt đội ngũ, duyệt binh, diễu binh.

4.8.1. Động tác treo súng tiểu liên ở tư thế mang súng

- Khẩu lệnh: “TREO SÚNG”, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “TREO SÚNG”, làm 3 cử động.

+ *Cử động 1:* Tay phải vuốt nhẹ theo dây súng, đưa về nắm ốp lót tay (*súng M79 nắm nòng súng và ốp lót tay, ngón tay trở sát bề thước ngắm*), đưa súng ra phía trước, súng cách thân người 20cm (*tính ở ngực*). Nòng súng chệch sang trái (*súng M79 mặt súng quay xuống dưới*), đồng thời tay trái nắm thân súng dưới thước ngắm, ngón út sát tay kéo bề khóa nòng (*súng M79 nắm nòng súng và ốp lót tay, dưới tay phải ngón út sát gờ chứa then hãm đuôi nòng*).

+ *Cử động 2:* Tay phải rời ốp lót tay, về nắm giữa dây súng, kéo căng sang phải, đồng thời dùng cùi tay phải đưa vào giữa súng và dây súng, súng nằm chệch trước người.

Hai tay đưa dây súng qua đầu quàng vào cổ; tay phải rời dây súng đưa về nắm cổ báng súng, ngón cái bên trong, bốn ngón con khép lại nằm bên ngoài; cánh tay phải mở tự nhiên, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm, súng nằm chệch trước ngực 45⁰ từ trái sang phải, mặt súng hướng lên trên, tay kéo khóa nòng nằm chính giữa hàng khuy áo, vòng ở giữa thắt lưng (*súng M79 mặt súng hướng xuống dưới, then hãm đuôi nòng nằm chính giữa đường khuy áo, sát mép trên thắt lưng*).

a) *Cử động 1;* b) *Cử động 2;* c) *Cử động 3.*

4.8.2. Động tác mang súng tiểu liên ở tư thế treo súng

- Khẩu lệnh: “MANG SÚNG”, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “MANG SÚNG”, làm 3 cử động.

+ *Cử động 1:* Tay phải đưa lên nắm ốp lót tay trên và ốp lót tay dưới (*súng M79 nắm nòng súng và ốp lót tay, ngón tay trở sát bề thước ngắm*), hồ khẩu tay hướng sang trái và nằm trên ốp lót tay trên (*súng M79 nằm trên nòng súng*), tay trái nắm dây súng trên vai trái.

+ *Cử động 2:* Phối hợp hai tay nhắc dây súng ra khỏi cổ qua đầu, quàng dây súng vào vai phải thành tư thế mang súng.

+ *Cử động 3:* Tay phải rời ốp lót tay (*súng M79 rời ốp lót tay và nòng súng*) về nắm dây súng. Tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

4.8.3. Động tác treo súng tiểu liên ở tư thế đeo súng

- Khẩu lệnh: “TREO SÚNG”, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “TREO SÚNG”, làm 3 cử động.

+ *Cử động 1*: Tay phải đưa về nắm ốp lót tay (*súng M79 nắm nòng súng và ốp lót tay, ngón tay trở sát bệ thước ngắm*), tay trái đưa lên nắm dây súng trên vai trái.

+ *Cử động 2*: Phối hợp hai tay đưa súng từ phía sau sang phải về trước ngực như tư thế treo súng (*súng nằm chếch trước ngực 45° từ trái sang phải, mặt súng quay lên trên, tay kéo bệ khóa nòng nằm chính giữa hàng khuy áo*).

Tay phải rời ốp lót tay (*súng M79 rời nòng súng và ốp lót tay*) về nắm cổ báng súng; ngón cái ở bên trong, bốn ngón con ở bên ngoài. Tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm treo súng.

Những điểm chú ý:

- Khi đưa dây súng qua đầu không cúi đầu, không để súng che mặt.
- Thân người không nghiêng ngả, lắc lư.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Thực hiện động tác nghiêm, nghỉ có súng tiểu liên.

Câu 2. Thực hiện động tác nghiêm, nghỉ khi giữ súng và kẹp súng tiểu liên.

Câu 3. Thực hiện động tác quay tại chỗ có súng tiểu liên AK.

Câu 4. Thực hiện động tác khám súng, khám súng xong của súng tiểu liên AK (ở tư thế mang súng).

Câu 5. Thực hiện động tác khám súng, khám súng xong của súng tiểu liên AK (khi kẹp súng).

Câu 6. Thực hiện động tác sửa dây súng và sửa xong dây súng tiểu liên AK.

Câu 7. Thực hiện động tác đặt súng, lấy súng tiểu liên AK.

Câu 8. Thực hiện động tác trao súng, nhận súng tiểu liên AK.

Câu 9. Thực hiện động tác ngồi xuống, đứng dậy súng tiểu liên AK.

Câu 10. Thực hiện động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái có súng tiểu liên AK.

Bài 5

ĐIỀU LỆNH ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

5.1. Đội hình Tiểu đội

5.1.1. Đội hình tiểu đội hàng ngang

* *Ý nghĩa*: Đội hình tiểu đội hàng ngang thường dùng trong học tập, hạ đạt mệnh lệnh, khi sinh hoạt, kiểm tra quân số, khám súng, giá súng.

- Đội hình tiểu đội hàng ngang gồm có:

+ Tiểu đội 1 hàng ngang.

+ Tiểu đội 2 hàng ngang.

- Vị trí của tiểu đội trưởng:

+ Ở đội hình tiểu đội hàng ngang, tiểu đội trưởng đứng bên phải đội hình.

+ Vị trí chỉ huy tại chỗ (*Như đồn đốc học tập, điểm số, chỉ huy tiểu đội luyện tập, nhận xét...*). Tiểu đội trưởng đứng ở chính giữa, phía trước đội hình tiểu đội cách từ 3 - 5 bước.

+ Vị trí chỉ huy tiểu đội khi hành tiến, tiểu đội trưởng đi ở bên trái đội hình của tiểu đội cách 2 - 3 bước.

+ Khi chỉnh đốn hàng ngũ về bên phải (hoặc trái) tiểu đội trưởng cách người làm chuẩn 2 - 3 bước. Khi chỉ định người giữa đội hình làm chuẩn, tiểu đội trưởng có thể đi về bên phải (trái) đội hình để kiểm tra gióng hàng.

5.1.1.1. Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang

Thứ tự thực hiện gồm 4 bước:

- Tập hợp.

- Điểm số.

- Chỉnh đốn hàng ngũ.

- Giải tán.

- *Bước 1*: Tập hợp:

+ Khẩu lệnh: “*Tiểu đội thành 1 hàng ngang - TẬP HỢP*”, có dự lệnh và động lệnh “*Tiểu đội thành 1 hàng ngang*” là dự lệnh, “*TẬP HỢP*” là động lệnh.

+ Động tác: Tiểu đội trưởng xác định vị trí và hướng tập hợp rồi quay về phía các chiến sĩ, đứng nghiêm hô khẩu lệnh “*Tiểu đội*” (nếu có tiểu đội khác cùng học tập ở bên cạnh thì phải hô rõ phiên hiệu của tiểu đội mình. Ví dụ: “*Tiểu đội 1*”, nếu không có tiểu đội khác ở bên cạnh thì chỉ hô “*Tiểu đội*”, khi nghe hô “*Tiểu đội*”, toàn tiểu đội quay về phía tiểu đội trưởng đứng nghiêm chờ lệnh.

Khi toàn tiểu đội đã sẵn sàng chờ lệnh, tiểu đội trưởng hô tiếp: “*Thành 1 hàng ngang - TẬP HỢP*”, rồi quay về phía hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn cho tiểu đội vào tập hợp.

Nghe dứt động lệnh “TẬP HỢP”, toàn tiểu đội nhanh chóng im lặng chạy vào tập hợp (Nếu có súng phải xách súng hoặc mang súng theo quy định đối với từng loại súng) đứng về phía bên trái của tiểu đội trưởng thành 1 hàng ngang, giãn cách 70cm (*tính từ giữa 2 gót chân của hai người đứng cạnh nhau*) hoặc cách nhau 20cm (*tính khoảng cách 2 cánh tay của 2 người đứng cạnh nhau*). Theo thứ tự từ phải sang trái: chiến sĩ số 1 (*trung liên*) số 2 (*súng trường hoặc tiểu liên*), số 3, số 4 (*tiểu liên*) số 5 (M79), số 6 (B40 hoặc B41), số 7, số 8 (*tiểu liên*).

Khi đã có từ 2 - 3 chiến sĩ đứng vào vị trí tập hợp, tiểu đội trưởng quay nửa bên trái, đi đều lên phía trước chính giữa đội hình cách 3 - 5 bước quay vào đội hình đôn đốc tiểu đội tập hợp.

Từng người khi đã đứng vào vị trí phải nhanh chóng tự động giống hàng đứng giãn cách, sau đó đứng nghỉ.

Chú ý: Muốn kiểm tra giãn cách, từng người tay phải nắm lại chống vào ngang thắt lưng (sườn bên phải) khi khuỷu tay sát với cánh tay trái người đứng bên phải là được.

- *Bước 2:* Điểm số

+ Khẩu lệnh: “ĐIỂM SỐ” không có dự lệnh.

+ Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “ĐIỂM SỐ” các chiến sĩ theo thứ tự từ phải sang trái lần lượt điểm số từ 1 cho đến hết tiểu đội. Khi điểm số của mình phải kết hợp quay mặt sang trái 45°, khi điểm số xong phải quay mặt trở lại. Người đứng cuối cùng không phải quay mặt, sau khi điểm số của mình xong thì hô “HẾT”.

Từng người trước khi điểm số của mình phải đứng nghiêm, nếu đang đứng nghỉ phải về tư thế đứng nghiêm rồi mới điểm số của mình, điểm số xong phải về tư thế đứng nghỉ.

Điểm số phải hô to, rõ, gọn, dứt khoát, liên tục.

- *Bước 3:* Chinh đồn hàng ngũ.

Trước khi chinh đồn hàng ngũ, tiểu đội trưởng phải hô cho tiểu đội đứng nghiêm.

+ Khẩu lệnh: “*Nhìn bên phải (trái) - THĂNG*”, có dự lệnh và động lệnh “*Nhìn bên phải (trái)*” là dự lệnh, “THĂNG” là động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “THĂNG” trừ chiến sĩ làm chuẩn (người đứng đầu bên phải hoặc bên trái đội hình) vẫn nhìn thẳng, còn các chiến sĩ khác phải quay mặt hết cỡ sang bên phải (trái), xê dịch lên, xuống để giống hàng và giữ giãn cách (*nếu có súng khi xê dịch vị trí phải xách súng, sau khi xê dịch xong đặt súng xuống đúng vị trí*).

Khi giống hàng ngang từng người phải nhìn được nắp túi áo ngực bên trái (phải) của người đứng thứ tư về bên phải (trái) của mình (*đối với quân nhân nữ nhìn ve cổ áo*).

Khi tiểu đội đã gióng hàng xong, tiểu đội trưởng hô “THÔI”. Nghe dứt động lệnh “THÔI” tất cả tiểu đội đều quay mặt trở lại, đứng nghiêm, không xô dịch vị trí.

Tiểu đội trưởng kiểm tra giãn cách giữa các chiến sĩ, sau đó quay nửa bên trái (phải) đi đều về phía người làm chuẩn cách 2 - 3 bước, quay vào đội hình để kiểm tra hàng ngang. Nếu thấy gót chân và ngực của các chiến sĩ nằm trên một đường thẳng là hàng ngang đã thẳng.

Nếu chiến sĩ nào đứng chưa thẳng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh “*Đồng chí X (hoặc số X) - LÊN (XUỐNG)*”, chiến sĩ nghe gọi tên hoặc số của mình phải quay mặt nhìn về hướng tiểu đội trưởng và làm theo lệnh của tiểu đội trưởng. Khi các chiến sĩ đã đứng thẳng hàng tiểu đội trưởng hô “ĐƯỢC” các chiến sĩ quay mặt trở về hướng cũ.

Thứ tự sửa cho người đứng gần người làm chuẩn trước, tiểu đội trưởng có thể qua phải (trái) 1 bước để kiểm tra hàng.

Cũng có thể sửa từ 3 - 4 chiến sĩ cùng một lúc. Ví dụ: “*Từ số 3 đến số 7 - LÊN (XUỐNG)*”, các chiến sĩ trong số được gọi làm động tác như khi sửa từng người.

Chỉnh đốn xong tiểu đội trưởng về vị trí chỉ huy.

Nếu lấy chiến sĩ đứng ở giữa hàng làm chuẩn để chỉnh đốn thì: Tiểu đội trưởng phải dùng khẩu lệnh để chỉ định người làm chuẩn: “*Đồng chí X (hoặc số X) làm chuẩn*”, chiến sĩ X nghe gọi, đứng nghiêm trả lời “CÓ” và giơ tay trái lên. Tiểu đội trưởng hô tiếp: “*Nhìn giữa - THẲNG*”, các chiến sĩ đứng hai bên lấy người làm chuẩn để gióng hàng. Chiến sĩ làm chuẩn sau khi nghe dứt động lệnh “THẲNG” khoảng 5 giây thì bỏ tay xuống vẫn đứng nghiêm.

Khi chỉnh đốn hàng, tiểu đội trưởng có thể về bên phải (trái) đội hình.

Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ làm như khi nhìn bên phải (trái) để chỉnh đốn hàng ngang.

- *Bước 4: Giải tán.*

+ Khẩu lệnh: “GIẢI TÁN” chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

+ Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “GIẢI TÁN” mọi người trong tiểu đội nhanh chóng tản ra, nếu đang đứng nghỉ phải trở về tư thế đứng nghiêm rồi tản ra.

5.1.1.2. *Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang*

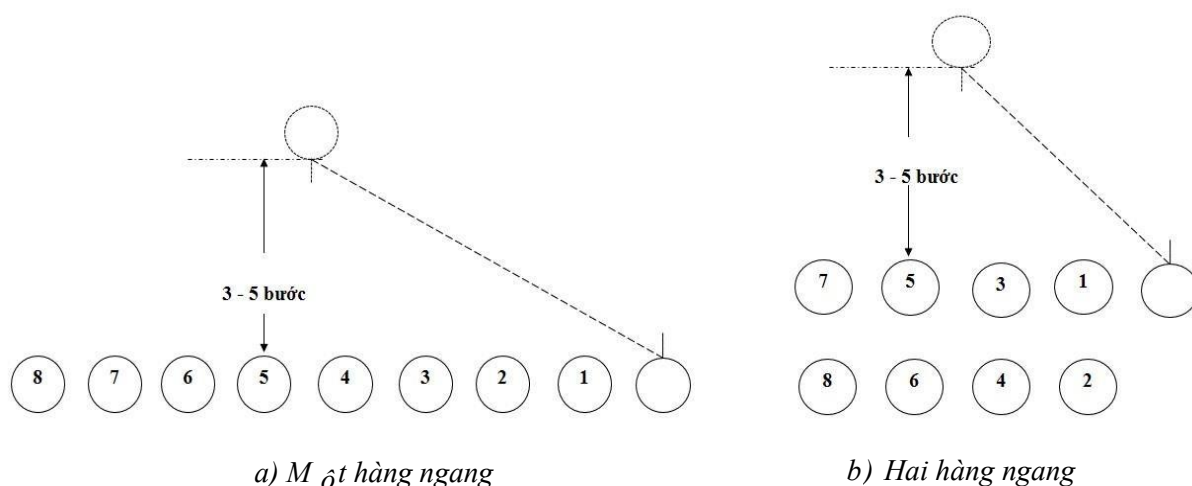
Các bước thực hiện cơ bản giống như đội hình tiểu đội 1 hàng ngang. Điểm khác:

- Khẩu lệnh: “*Tiểu đội thành 2 hàng ngang - TẬP HỢP*”.

- Vị trí khi đứng trong đội hình: Các số lẻ đứng hàng trên (số 1, 3, 5, 7) các số chẵn đứng hàng dưới (số 2, 4, 6, 8). Cự ly giữa hàng trên và hàng dưới là 1m.

- Đội hình 2 hàng ngang không điểm số.

Khi gióng hàng, các chiến sĩ đứng hàng thứ 2 vừa phải gióng hàng ngang và dùng ánh mắt gióng hàng dọc để đứng đúng cự ly và giãn cách.



Hình 5.1. Đội hình tiểu u độ i hàng ngang

5.1.2. Đội hình tiểu đội hàng dọc

* *Ý nghĩa*: Dùng trong hành quân, khi di chuyển đội hình, di chuyển vị trí, thể hiện tính thống nhất của quân đội chính quy.

- Đội hình tiểu đội hàng dọc gồm có:

+ Tiểu đội 1 hàng dọc.

+ Tiểu đội 2 hàng dọc.

- Vị trí của tiểu đội trưởng:

+ Ở đội hình tiểu đội hàng dọc, tiểu đội trưởng đứng trước cách số 1 là 1m.

+ Vị trí chỉ huy tại chỗ (*đón đốc tập hợp, điểm số, hạ đạt mệnh lệnh...*). Tiểu đội trưởng đứng phía trước chếch về bên trái đội hình cách 3 - 5 bước.

+ Vị trí chỉ huy tiểu đội khi hành tiến, tiểu đội trưởng đi ở 1/3 bên trái đội hình (*từ trên xuống*) cách từ 2 - 3 bước.

+ Khi cùng tiểu đội hành tiến (đi trong đội hình của tiểu đội) thì đi đầu tiểu đội, cách 1m. Nếu đội hình tiểu đội 2 hàng dọc thì vị trí tiểu đội trưởng đi đầu chính giữa 2 hàng của tiểu đội cách 1m.

+ Khi chỉ huy tiểu đội luyện tập tại chỗ, tiểu đội trưởng có thể đứng ở vị trí chỉ huy tại chỗ để chỉ huy chung.

5.1.2.1. Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc

Thực hiện thứ tự 4 bước:

- Tập hợp.

- Điểm số.

- Chỉnh đốn hàng ngũ.

- Giải tán.

- *Bước 1*: Tập hợp.

+ Khẩu lệnh: “*Tiểu đội thành 1 hàng dọc* - TẬP HỢP”. Có dự lệnh và động lệnh, “*Tiểu đội thành 1 hàng dọc*” là dự lệnh, “TẬP HỢP” là động lệnh.

+ Động tác:

Khi nghe dứt động lệnh “TẬP HỢP”, toàn tiểu đội im lặng, nhanh chóng chạy vào tập hợp (*nếu có súng phải xách hoặc mang súng theo quy định từng loại súng*), đứng sau tiểu đội trưởng thành 1 hàng dọc, cự ly giữa người đứng trước và người đứng sau là 1m (*tính từ 2 gót chân của 2 người*) theo thứ tự từ trên xuống dưới: Chiến sĩ số 1 (*trung liên*) số 2, số 3, số 4 (*tiểu liên*) số 5 (*M79*), số 6 (*B40 hoặc B41*), số 7, số 8 (*tiểu liên*).

Khi đã có từ 2 - 3 chiến sĩ đứng vào vị trí tập hợp, tiểu đội trưởng quay nửa bên trái, đi đều ra phía trước đội hình, chệch về bên trái cách đội hình từ 3 - 5 bước, quay vào đội hình đón đầu tiểu đội tập hợp.

Từng người khi đã vào vị trí phải nhanh chóng tự động gióng hàng, đứng đúng cự ly, sau đó đứng nghỉ.

- *Bước 2: Điểm số.*

+ Khẩu lệnh: “*ĐIỂM SỐ*”, không có dự lệnh.

+ Động tác: Giống như ở phần tiểu đội 1 hàng ngang, chỉ khác khi quay mặt phải quay hết cỡ sang bên trái và điểm số từ trên xuống dưới.

- *Bước 3: Chỉnh đốn hàng ngũ.*

Trước khi chỉnh đốn tiểu đội trưởng phải hô cho tiểu đội đứng nghiêm.

+ Khẩu lệnh: “*Nhìn trước* - THĂNG”, có dự lệnh và động lệnh; “*Nhìn trước*” là dự lệnh, “THĂNG” là động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “THĂNG”, trừ chiến sĩ số 1 làm chuẩn, còn các chiến sĩ khác gióng hàng dọc, nhìn thẳng giữa gáy người đứng trước mình (không nhìn thấy gáy người đứng thứ 2 trước mình), tự xê dịch sang phải, trái để thẳng hàng dọc và xê dịch lên, xuống để đúng cự ly (*nếu có súng khi xê dịch phải xách súng, sau khi xê dịch xong đặt súng xuống đúng vị trí*).

Khi tiểu đội đã gióng hàng xong, tiểu đội trưởng hô “THÔI” toàn tiểu đội đứng nghiêm. Tiểu đội trưởng quay nửa bên trái đi đều về trước, chính giữa đội hình cách đội hình từ 2 - 3 bước, nhìn vào đội hình để kiểm tra hàng dọc. Hàng dọc thẳng là cạnh mũ, cạnh vai của các chiến sĩ nằm trên 1 đường thẳng.

Nếu chiến sĩ nào đứng chưa thẳng hàng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh gọi tên

(hoặc số) để sửa: “*QUA PHẢI*”, “*QUA TRÁI*”. Chiến sĩ (số) được gọi tên làm theo lệnh của tiểu đội trưởng. Khi chiến sĩ đã đứng thẳng hàng, tiểu đội trưởng hô

“*ĐƯỢC*”, lần lượt sửa từ trên xuống dưới, cũng có thể sửa cho 2 - 3 chiến sĩ cùng một lúc. Sửa xong, tiểu đội trưởng về vị trí chỉ huy (*ở bên trái phía trước đội hình*).

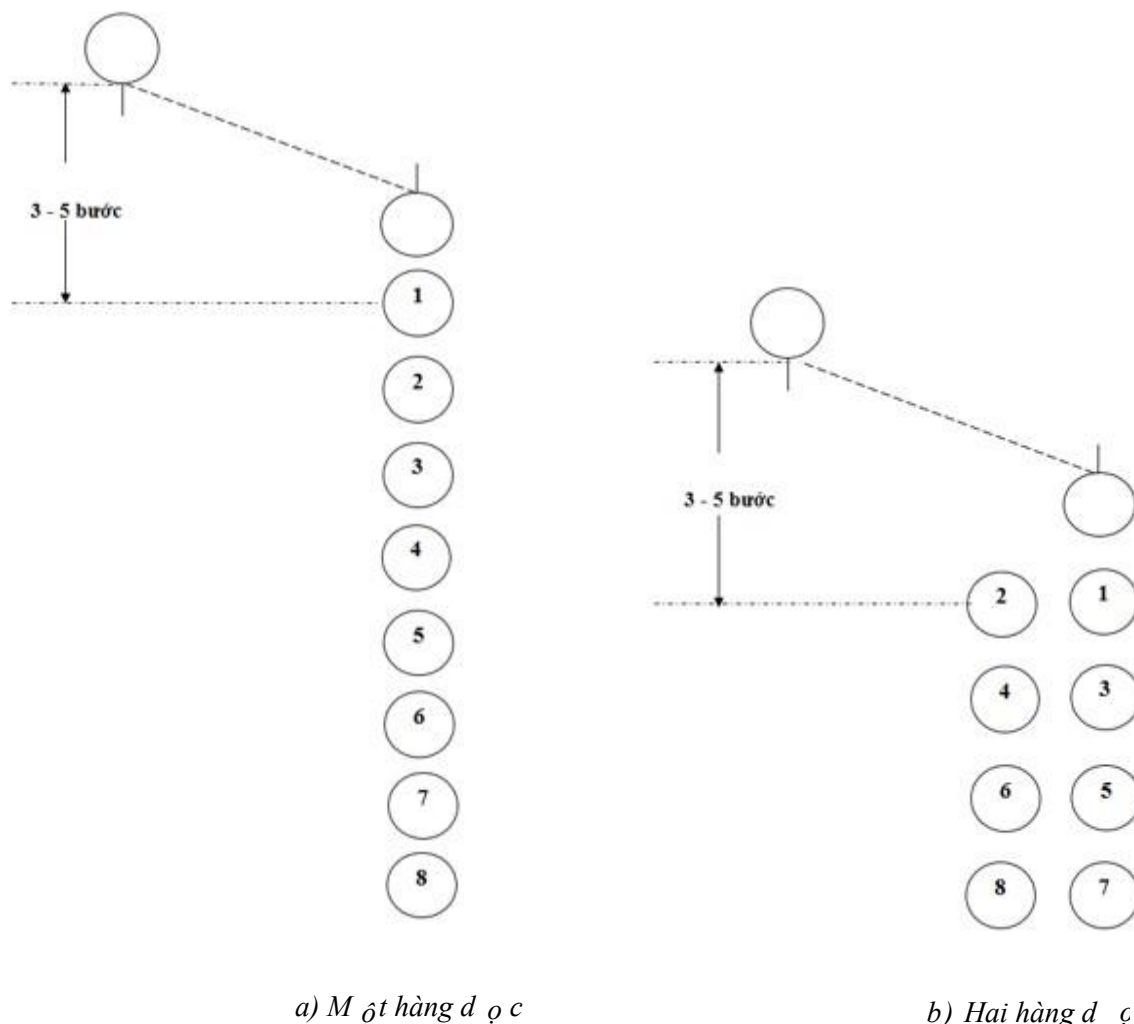
- *Bước 4: Giải tán*

Khẩu lệnh, động tác giống như ở đội hình 1 hàng.

5.1.2.2. Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc

Các bước thực hiện cơ bản giống như tiểu đội 1 hàng dọc. Những điểm khác: - Khẩu lệnh:

“Tiểu đội thành 2 hàng dọc - TẬP HỢP”.



Hình 5.2. Đội hình tiểu đội hàng dọc

- Các chiến sĩ số lẻ đứng thành 1 hàng dọc ở bên phải, các chiến sĩ số chẵn đứng thành 1 hàng dọc ở bên trái.

- Đội hình 2 hàng dọc không điểm số.

- Khi gióng hàng, các chiến sĩ đứng ở hàng bên trái (hàng số chẵn) vừa gióng hàng dọc, vừa dùng ánh mắt để gióng hàng ngang.

* Những điểm chú ý:

- Trước khi tập hợp, người chỉ huy phải căn cứ vào nhiệm vụ, nội dung công việc, địa hình, thời tiết và phương hướng để xác định đội hình tập hợp và hướng của đội hình. Khi tập hợp nên tránh hướng gió mùa, hướng mặt trời chiếu thẳng vào mắt chiến sĩ,

- Phải xác định được đội hình, vị trí tập hợp, hướng đội hình rồi đứng tại vị trí tập hợp hô khẩu lệnh tập hợp, sau đó làm chuẩn cho tiểu đội vào tập hợp. Nếu vị trí tập hợp xa nơi tiểu đội trưởng đứng (quá 20m) thì tiểu đội trưởng phải đôn đốc nhắc nhở tiểu đội về vị trí tập hợp. Tiểu đội trưởng không được hô dứt động lệnh “Tập hợp” rồi mới chạy đến vị trí tập hợp tiểu đội.

- Khẩu lệnh phải rõ ràng, dứt khoát, động tác phải khẩn trương, chuẩn xác, mẫu mực. Khi sửa sai cho chiến sĩ phải dùng khẩu lệnh và động tác mẫu để chỉ huy.

- Mỗi quân nhân khi đã vào tập hợp phải trật tự, động tác giống hàng đứng cự ly, giãn cách, tập trung nghe lệnh của tiểu đội trưởng.

5.2. Đội ngũ trung đội

5.2.1. Đội hình trung đội hàng ngang

* *Ý nghĩa*: Thường dùng trong huấn luyện, nói chuyện, điểm danh, kiểm tra, điểm nghiệm, khám súng, giá súng, đặt súng...

- Vị trí của trung đội trưởng và phó trung đội trưởng.

- Ở đội hình trung đội hàng ngang, trung đội trưởng đứng bên phải, ngang với hàng trên cùng, phó trung đội trưởng đứng sau trung đội trưởng.

- Vị trí chỉ huy tại chỗ (*như đôn đốc tập hợp, điểm số, chỉ huy trung đội luyện tập, nhận xét...*), trung đội trưởng đứng ở chính giữa đội hình, cách đội hình từ 5-8 bước; phó trung đội trưởng đứng bên phải, ngang với hàng trên cùng.

- Khi chỉ huy trung đội hành tiến, trung đội trưởng đi ở bên trái đội hình ngang với tiểu đội 1 cách 3 - 5 bước; phó trung đội trưởng đi trong đội hình ở phía trước chính giữa cách 1 m. Nếu trung đội trưởng đi trong đội hình thì vị trí ở phía trước chính giữa, cách phó trung đội trưởng 1m.

5.2.1.1. Đội hình trung đội 1 hàng ngang

Thực hiện thứ tự 4 bước:

- Tập hợp.

- Điểm số.

- Chỉnh đốn hàng ngũ.

- Giải tán.

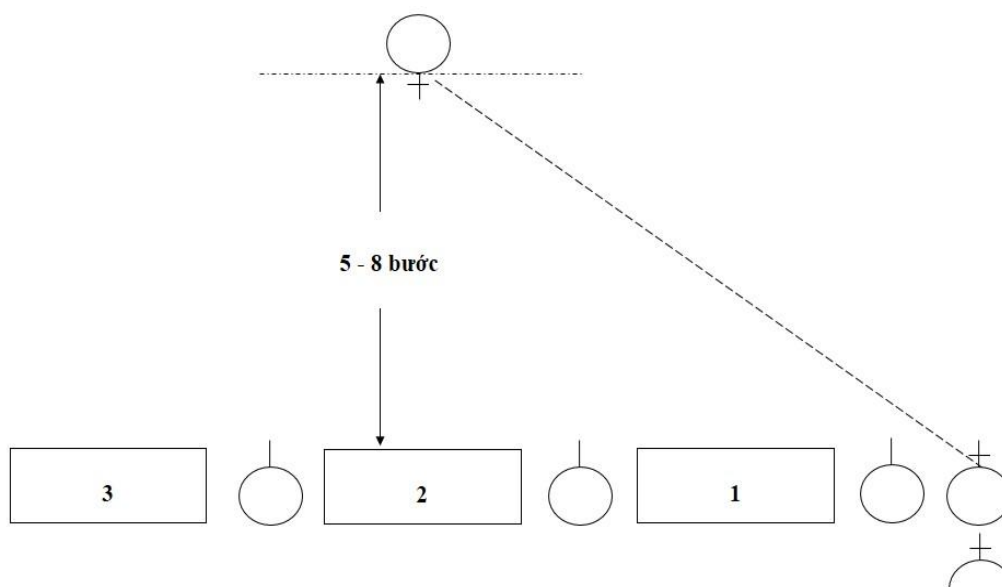
- *Bước 1*: Tập hợp

+ Khẩu lệnh: “*Trung đội X thành 1 hàng ngang - TẬP HỢP*”, có dự lệnh và động lệnh “*Trung đội X thành 1 hàng ngang*” là dự lệnh, “**TẬP HỢP**” là động lệnh.

+ Động tác: Cơ bản giống như phân tiểu đội 1 hàng ngang.

Khi nghe dứt động lệnh “**TẬP HỢP**”, toàn trung đội nhanh chóng im lặng chạy vào tập hợp đứng về phía bên trái của trung đội trưởng theo thứ tự: tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3 (*mỗi tiểu đội thành 1 hàng ngang*), phó trung đội trưởng đứng sau trung đội trưởng, trung đội thành 1 hàng ngang.

Khi phó trung đội trưởng và tiểu đội 1 đã vào vị trí tập hợp, trung đội trưởng quay nửa bên trái, chạy đều ra phía trước chính giữa đội hình cách 5 - 8 bước quay vào đội hình đơn đốc trung đội tập hợp, phó trung đội trưởng tiến một bước lên ngang bên phải tiểu đội 1.



Hình 5.3. Đội hình trung đội một hàng ngang

Các chiến sĩ vào vị trí phải nhanh chóng tự động giống hàng ngang, đứng giãn cách, sau đó đứng nghỉ.

Nếu trung đội ở nơi không có các phân đội khác ở bên cạnh thì chỉ hô khẩu lệnh "*Trung đội thành 1 hàng ngang - TẬP HỢP*" không phải hô phiên hiệu đơn vị.

Nếu trung đội đang vui chơi, trung đội trưởng trước khi hô khẩu lệnh tập hợp, phải thổi còi hoặc hô “CHÚ Ý” để mọi người ngừng hoạt động, chú ý nghe khẩu lệnh.

- *Bước 2: Điểm số*

+ Điểm số theo từng tiểu đội để đổi hình, đổi hướng.

Khẩu lệnh: “TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ”, không có dự lệnh.

Động tác: Nghe dứt động lệnh, từng tiểu đội điểm số theo thứ tự: Tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3. Các tiểu đội trưởng không điểm số. Người đứng cuối cùng của các tiểu đội điểm số xong thì hô “HẾT”, không phải quay mặt.

+ Điểm số toàn trung đội để nắm quân số.

Khẩu lệnh: “ĐIỂM SỐ”, không có dự lệnh.

Động tác: Khi nghe dứt động lệnh, toàn trung đội điểm số, phó trung đội trưởng và các tiểu đội trưởng cũng điểm số. Lần lượt điểm số theo thứ tự và nối tiếp nhau từ tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3. Người đứng cuối cùng của tiểu đội 3 điểm số xong thì hô “HẾT”, không phải đánh mặt.

Động tác điểm số của từng người giống như điểm số ở đội hình tiểu đội.

- *Bước 3: Chinh đồn hàng ngũ*

Trước khi chỉnh đốn trung đội trưởng phải hô cho toàn trung đội đứng nghiêm.

Khẩu lệnh, động tác cơ bản giống như chỉnh đốn hàng ngũ của phần tiểu đội 1 hàng ngang.

Chỉ khác: Trung đội trưởng quay nửa bên trái (phải) chạy đều về phía bên phải (trái) người làm chuẩn để chỉnh đốn đội hình, cách người làm chuẩn 3 - 5 bước quay vào đội hình để chỉnh đốn hàng ngũ. Động tác chỉnh đốn hàng ngũ của trung đội trưởng và của chiến sĩ giống như chỉnh đốn hàng ngũ ở đội hình tiểu đội hàng ngang.

- *Bước 4: Giải tán*

+ Khẩu lệnh: “GIẢI TÁN” không có dự lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “GIẢI TÁN” các chiến sĩ nhanh chóng tản ra.

Nếu đang ở tư thế nghỉ phải trở về tư thế đứng nghiêm rồi mới giải tán.

5.2.1.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang

Trên cơ sở đội hình tiểu đội 2 hàng ngang hợp thành. Thực hiện thứ tự 3 bước:

- Tập hợp.

- Chỉnh đốn hàng ngũ.

- Giải tán.

Bước 1: Tập hợp

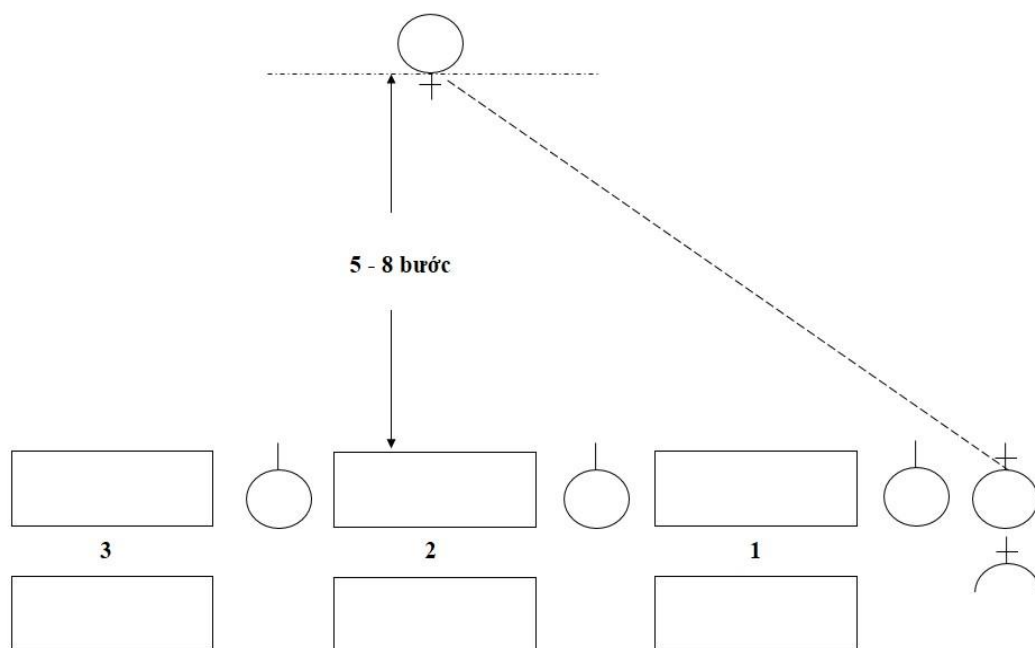
+ Khẩu lệnh: “*Trung đội thành 2 hàng ngang - TẬP HỢP*” có dự lệnh và động lệnh “*Trung đội thành 2 hàng ngang*” là dự lệnh, “TẬP HỢP” là động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “TẬP HỢP” toàn trung đội nhanh chóng im lặng vào vị trí tập hợp đứng bên trái trung đội trưởng theo thứ tự: Tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3 (*mỗi tiểu đội thành 2 hàng ngang*), số lẻ đứng trên, số chẵn đứng dưới, phó trung đội trưởng đứng sau trung đội trưởng, thành trung đội 2 hàng ngang. Khi thấy phó trung đội trưởng và tiểu đội 1 đã vào vị trí tập hợp 1, trung đội trưởng quay nửa bên trái, chạy đều lên vị trí chỉ huy, ở phía trước chính giữa đội hình cách 5 - 8 bước quay vào đội hình đôn đốc trung đội tập hợp, phó trung đội trưởng tiến một bước lên ngang bên phải hàng ngang thứ nhất.

- *Bước 2: Chỉnh đốn hàng ngũ.*

Khẩu lệnh, động tác của trung đội trưởng và của chiến sĩ giống như động tác chỉnh đốn hàng ngũ của đội hình trung đội một hàng ngang.

Chỉ khác: Nghe dứt động lệnh “THẰNG” cả 2 hàng đều phải quay mặt hết cỡ về bên làm chuẩn để giống hàng, 2 người làm chuẩn của 2 hàng nhìn thẳng và giữ đúng cự ly. Hàng thứ 2 vừa giống hàng ngang vừa phải dùng ánh mắt để giữ hàng dọc.



Hình 5.4. Đội hình trung đội hai hàng ngang

Trung đội trưởng kiểm tra hàng trên trước sau đó mới kiểm tra hàng dưới.

- *Bước 3:* Giải tán

Như ở đội hình tiểu đội hàng ngang.

5.2.1.3. *Đội hình trung đội ba hàng ngang*

Trên cơ sở đội hình tiểu đội 1 hàng ngang hợp thành. Thực hiện thứ tự 4 bước:

- Tập hợp.
- Điểm số.
- Chỉnh đốn hàng ngũ.
- Giải tán.

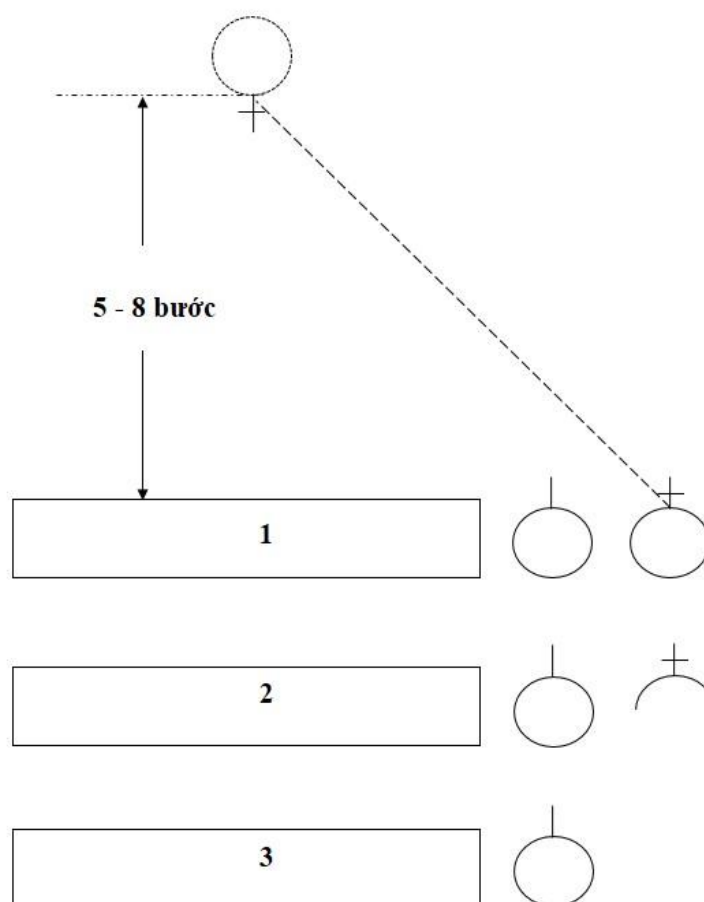
- *Bước 1:* Tập hợp.

+ Khẩu lệnh: “*Trung đội thành 3 hàng ngang - TẬP HỢP*”, có dự và động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “*TẬP HỢP*” toàn trung đội vào vị trí tập hợp theo thứ tự: Tiểu đội 1 đứng bên trái trung đội trưởng. Tiểu đội 2 đứng sau tiểu đội 1, tiểu đội 3 đứng sau tiểu đội 2 (*mỗi tiểu đội thành 1 hàng ngang*), phó trung đội trưởng đứng sau trung đội trưởng, thành trung đội 3 hàng ngang, vị trí chỉ huy của trung đội trưởng và các động tác giống như phần tập hợp trung đội 2 hàng ngang - *Bước 2:* Điểm số.

+ Khẩu lệnh: “*ĐIỂM SỐ*”, không có dự lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “*ĐIỂM SỐ*” chỉ có tiểu đội 1 điểm số (*động tác như phần tiểu đội 1 hàng ngang điểm số*), tiểu đội trưởng không điểm số. Tiểu đội 2, 3 không điểm số mà lấy số đã điểm của tiểu đội 1 mà tính số của mình.



Hình 5.5. Đội hình trung đội ba hàng ngang

Nếu tiểu đội 2 và 3 thừa hoặc thiếu quân số so với quân số đã điểm của tiểu đội

1 thì người đứng cuối hàng của tiểu đội 2 và 3 phải báo cáo cho trung đội trưởng biết, khi báo cáo phải đứng nghiêm, báo cáo xong đứng nghỉ.

Ví dụ:

- + Tiểu đội 1 có 7 đồng chí.
- + Tiểu đội 2 có 8 đồng chí.
- + Tiểu đội 3 có 6 đồng chí.

Khi báo cáo người đứng cuối hàng tiểu đội 2 báo: “TIỂU ĐỘI 2 THỪA 1”.

Người đứng cuối hàng tiểu đội 3 báo cáo “TIỂU ĐỘI 3 THIẾU 1”.

- *Bước 3:* Chỉnh đốn hàng ngũ

Trước khi chỉnh đốn hàng ngũ trung đội phải hô cho trung đội đứng nghiêm.

+ Khẩu lệnh: “*Nhìn bên phải (trái)* - THẰNG”, có dự lệnh và động lệnh. “*Nhìn bên phải (trái)*” là dự lệnh, “THẰNG” là động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “THẰNG” cả 3 hàng đều phải quay mặt hết cỡ về bên làm chuẩn để gióng hàng, 3 người làm chuẩn của 3 hàng nhìn thẳng và giữ đúng cự ly. Hàng thứ 2 và hàng thứ 3 phải dùng ánh mắt để giữ hàng dọc.

Khi kiểm tra hàng trung đội trưởng kiểm tra hàng trên trước.

Các động tác khác thực hiện như phần chỉnh đốn hàng ngũ ở đội hình trung đội 1 hàng ngang.

- *Bước 4:* Giải tán. Như ở đội hình trung đội 1 hàng ngang.

5.2.2. Đội hình trung đội hàng dọc

*Ý nghĩa: Đội hình hàng dọc thường dùng để hành quân, di chuyển ở ngoài bãi tập được nhanh chóng, thuận tiện.

**Vị trí của trung đội trưởng và phó trung đội trưởng:*

- Ở đội hình trung đội hàng dọc trung đội trưởng đứng phía trước chính giữa đội hình phó trung đội trưởng sau trung đội trưởng cách 1m.

- Vị trí chỉ huy tại chỗ (*chỉ huy trung đội luyện tập, nhận xét...*), trung đội trưởng đứng ở phía trước bên trái đội hình, cách đội hình từ 5 - 8 bước; phó trung đội trưởng đứng chính giữa phía trước đội hình cách đội hình 1m.

- Khi chỉ huy trung đội hành tiến, vị trí của trung đội trưởng đi ở bên trái đội hình cách 2 - 3 bước ở 1/3 đội hình tính từ đầu đội hình xuống; phó trung đội trưởng ở phía trước chính giữa đội hình cách 1m.

- Khi chỉnh đốn hàng ngũ, vị trí trung đội trưởng ở phía trước đội hình, cách 3 - 5 bước, phó trung đội trưởng ở phía trước chính giữa đội hình cách 1m.

- Khi đội hình trung đội hàng dọc nằm trong đội hình hàng ngang của cấp trên thì vị trí đứng của trung đội trưởng ở bên phải đội hình ngang với hàng thứ nhất; phó trung đội trưởng đứng phía sau trung đội trưởng.

5.2.2.1. *Đội hình trung đội 1 hàng dọc* Thực hiện thứ tự 4 bước:

- Tập hợp.

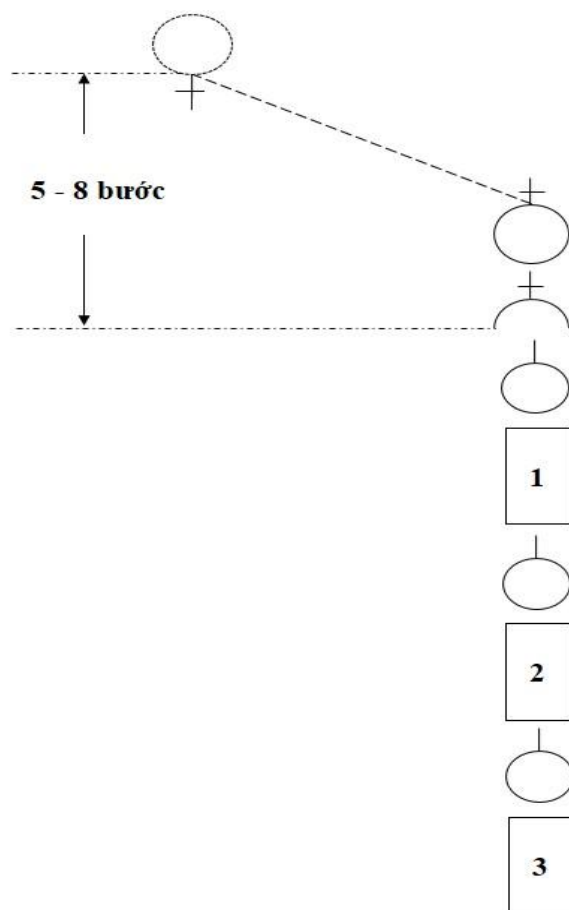
- Điểm số.

- Chỉnh đốn hàng ngũ. - Giải tán.

- *Bước 1:* Tập hợp.

+ Khẩu lệnh: “*Trung đội thành 1 hàng dọc - TẬP HỢP*”, có dự và động lệnh.

“*Trung đội thành 1 hàng dọc*” là dự lệnh, “*TẬP HỢP*” là động lệnh.



Hình 5.6. Đội hình trung đội một hàng dọc

Hô khẩu lệnh xong, trung đội trưởng quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “TẬP HỢP” toàn trung đội nhanh chóng, im lặng vào vị trí tập hợp, phó trung đội trưởng đứng sau trung đội trưởng cách 1m tiếp theo thứ tự: Tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3 (mỗi tiểu đội thành 1 hàng dọc) nối tiếp nhau thành trung đội 1 hàng dọc (*cự ly mỗi người cách nhau 1m*).

Khi thấy tiểu đội 1 đã vào vị trí, trung đội trưởng quay nửa bên trái, chạy đều lên phía trước chệch về bên trái đội hình cách 5 - 8 bước, quay vào đội hình để đôn đốc các tiểu đội tập hợp.

Các chiến sĩ vào vị trí phải nhanh chóng tự động giống hàng dọc, đứng cự ly, sau đó đứng nghiêm.

Nếu trung đội ở nơi không có các phân đội khác ở bên cạnh thì chỉ hô khẩu lệnh “*Trung đội thành 1 hàng dọc - TẬP HỢP*” không phải hô phiên hiệu đơn vị.

Nếu trung đội đang vui chơi, trung đội trưởng trước khi hô khẩu lệnh tập hợp, phải thổi còi (nếu có) hoặc phát tín hiệu để mọi người ngừng hoạt động, chú ý nghe khẩu lệnh.

- *Bước 2: Điểm số* (có 2 cách điểm số).

Giống như điểm số ở đội hình trung đội 1 hàng ngang.

Nếu nghe khẩu lệnh “TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ”, thì theo thứ tự tiểu đội 1, 2, 3 điểm số, phó trung đội trưởng và các tiểu đội trưởng không điểm số.

Nếu nghe khẩu lệnh “ĐIỂM SỐ”, thì toàn trung đội điểm số từ 1 đến hết, phó trung đội trưởng và các tiểu đội trưởng cũng phải điểm số. Động tác điểm số của từng người như phần điểm số ở đội hình tiểu đội hàng dọc.

- *Bước 3*: Chinh đồn hàng ngũ

Trước khi chinh đồn hàng ngũ phải hô cho trung đội đứng nghiêm.

+ Khẩu lệnh: “*Nhìn trước* - THĂNG”, có dự lệnh và động lệnh. “*Nhìn trước*” là dự lệnh, “THĂNG” là động lệnh.

+ Động tác: Giống như ở phần đội hình tiểu đội 1 hàng dọc chỉ khác: Trung đội trưởng đi về phía đầu đội hình, cách người đứng đầu từ 3 - 5 bước để kiểm tra hàng.

- *Bước 4*: Giải tán

Thực hiện như ở đội hình hàng ngang.

5.2.2.2. *Đội hình trung đội 2 hàng dọc*

Trên cơ sở đội hình tiểu đội 2 hàng dọc hợp thành. Thực hiện thứ tự 3 bước:

- Tập hợp;

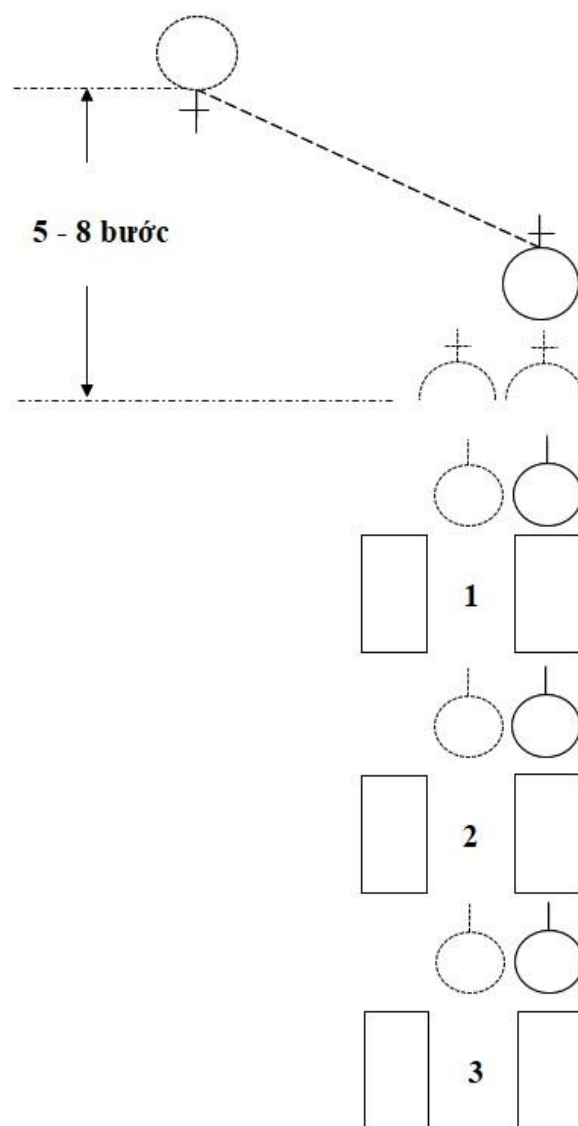
- Chinh đồn hàng ngũ; - Giải tán.

- *Bước 1*: Tập hợp.

+ Khẩu lệnh: “*Trung đội thành 2 hàng dọc* - TẬP HỢP”, có dự lệnh và động lệnh. “*Trung đội thành 2 hàng dọc*” là dự lệnh, “TẬP HỢP” là động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “TẬP HỢP”, toàn trung đội im lặng nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp đứng sau trung đội trưởng theo thứ tự: Phó trung đội trưởng, tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3, (*mỗi tiểu đội thành 2 hàng dọc, số lẻ đứng bên phải, số chẵn đứng bên trái*) thành trung đội 2 hàng dọc.

Động tác của trung đội trưởng thực hiện như tập hợp trung đội 1 hàng dọc.



Hình 5.7. Đội hình trung đội hai hàng dọc

- *Bước 2:* Chỉnh đốn hàng ngũ.

Khẩu lệnh và động tác của trung đội trưởng, động tác của chiến sĩ trong trung đội giống như chỉnh đốn hàng ngũ ở đội hình trung đội 1 hàng dọc.

Chỉ khác: Khi nghe dứt động lệnh “THẰNG”, phó trung đội trưởng và các tiểu đội trưởng qua trái 1/2 bước đứng trước chính giữa đội hình tiểu đội của mình. Tất cả nhìn thẳng để giống hàng và dùng ánh mắt để giống hàng ngang.

Khoảng cách của trung đội trưởng đến tiểu đội 1 khi kiểm tra hàng là 3 - 5 bước.

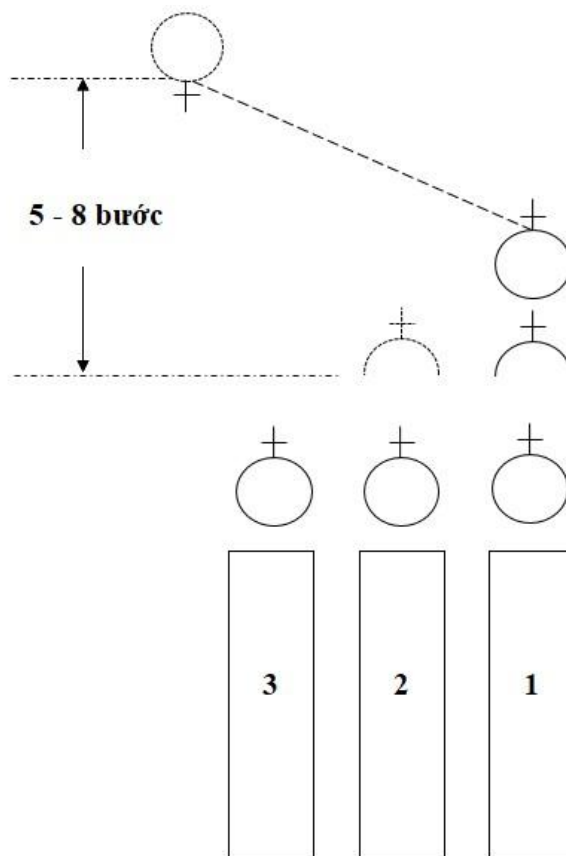
- *Bước 3:* Giải tán. Thực hiện giống như ở đội hình trung đội 1 hàng dọc.

5.2.2.3. Đội hình trung đội 3 hàng dọc

Thực hiện thứ tự 4 bước:

- Tập hợp.
- Điểm số.
- Chỉnh đốn hàng ngũ.

- Giải tán.



Hình 5.8. Đội hình trung đội ba hàng dọc

- *Bước 1:* Tập hợp.

+ Khẩu lệnh: “*Trung đội thành 3 hàng dọc - TẬP HỢP*”, có dự lệnh và động lệnh. “*Trung đội thành 3 hàng dọc*” là dự lệnh, “*TẬP HỢP*” là động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “*TẬP HỢP*” toàn trung đội nhanh chóng im lặng chạy vào vị trí tập hợp đứng sau trung đội trưởng theo thứ tự: Phó trung đội trưởng, tiểu đội 1 đứng sau phó trung đội trưởng, tiểu đội 2 đứng bên trái tiểu đội 1, tiểu đội 3 đứng bên trái tiểu đội 2. Mỗi tiểu đội thành 1 hàng dọc, thành trung đội 3 hàng dọc.

- *Bước 2:* Điểm số.

Khi điểm số, chỉ tiểu đội 1 điểm số, phó trung đội trưởng và tiểu đội trưởng tiểu đội 1 không điểm số. Tiểu đội 2, tiểu đội 3 không điểm số mà lấy số đã điểm của tiểu đội 1 để tính số của mình. Nếu tiểu đội 2 và tiểu đội 3 thừa hoặc thiếu so với quân số tiểu đội 1 thì báo cáo trung đội trưởng. Khi báo cáo phải đứng nghiêm, báo cáo xong đứng nghỉ.

Ví dụ:

- + Tiểu đội 1 có 7 đồng chí.
- + Tiểu đội 2 có 8 đồng chí.
- + Tiểu đội 3 có 6 đồng chí.

Khi báo cáo thì người đứng cuối hàng tiểu đội 2 báo cáo: “*TIỂU ĐỘI 2 THỪA 1*”; người đứng cuối của tiểu đội 3 báo cáo “*TIỂU ĐỘI 3 THIẾU 1*”.

- Bước 3: *Chỉnh đốn hàng ngũ.*

+ Khẩu lệnh: “*Nhìn trước - THĂNG*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Nhìn trước*” là dự lệnh, “*THĂNG*” là động lệnh.

+ Động tác: Nghe động lệnh “*THĂNG*”, trừ chiến sĩ làm chuẩn mọi người giống hàng, nhìn vào chính giữa gáy người đứng trước (không nhìn thấy gáy người đứng thứ hai phía trước) để xê dịch, qua phải, qua trái giống hàng cho thẳng, đứng cự ly, giãn cách; khi xê dịch, nếu các loại súng đang ở tư thế giữ, phải xách súng.

Nghe động lệnh “*THÔI*” thì không xê dịch nữa. Ở đội hình 3 hàng dọc những người đứng ở hàng bên trái giống cả hàng ngang, hàng dọc.

- *Bước 4: Giải tán.*

Như ở đội hình trung đội hai hàng ngang.

CÂU HỎI ÔN TẬP

A. Phần đội ngũ tiểu đội: Trên cương vị tiểu đội trưởng, thực hiện các nội dung:

Câu 1. Tập hợp đội hình tiểu đội một hàng ngang.

Câu 2. Tập hợp đội hình tiểu đội một hàng dọc.

Câu 3. Tập hợp đội hình tiểu đội hai hàng ngang.

Câu 4. Tập hợp đội hình tiểu đội hai hàng dọc.

Câu 5. Chỉ huy tiểu đội tiến, lùi, qua phải, qua trái.

Câu 6. Chỉ huy tiểu đội giãn đội hình, thu đội hình.

Câu 7. Chỉ huy tiểu đội ra khỏi hàng, về vị trí.

Câu 8. Chỉ huy tiểu đội khám súng, khám súng xong.

Câu 9. Chỉ huy tiểu đội giá súng, đặt súng.

Câu 10. Chỉ huy tiểu đội đặt súng, lấy súng.

B. Phần đội ngũ trung đội: Trên cương vị trung đội trưởng, thực hiện các nội dung:

Câu 1. Tập hợp đội hình trung đội một hàng ngang.

Câu 2. Tập hợp đội hình trung đội một hàng dọc.

Câu 3. Tập hợp đội hình trung đội hai hàng ngang.

Câu 4. Tập hợp đội hình trung đội hai hàng dọc Câu 5. Tập hợp đội hình trung đội ba hàng ngang.

Câu 6. Tập hợp đội hình trung đội ba hàng dọc Câu 7. Chỉ huy trung đội tiến, lùi, qua phải, qua trái

Câu 8. Chỉ huy trung đội giãn đội hình, thu đội hình; ra khỏi hàng, về vị trí.

Câu 9. Chỉ huy trung đội khám súng, khám súng xong.

Câu 10. Chỉ huy trung đội giá súng, đặt súng, đặt súng, lấy súng.

Bài 6

HIỂU BIẾT CHUNG VỀ BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH QUÂN SỰ

6.1. Bản đồ

6.1.1. Khái niệm, ý nghĩa

6.1.1.1. Khái niệm

Bản đồ là hình ảnh thu nhỏ và khái quát hoá một phần bề mặt trái đất lên mặt phẳng theo những quy luật toán học nhất định. Trên bản đồ các yếu tố về tự nhiên, kinh tế, văn hoá - xã hội được thể hiện bằng hệ thống các kí hiệu. Những yếu tố này được phân loại lựa chọn, tổng hợp tương ứng từng bản đồ và từng tỉ lệ.

Bản đồ địa hình là loại bản đồ chuyên đề có tỉ lệ từ 1: 1.000.000 và lớn hơn. Trên bản đồ, địa hình và địa vật một khu vực bề mặt trái đất được thể hiện 1 cách chính xác và chi tiết bằng hệ thống các kí hiệu qui ước thích hợp.

6.1.1.2. Ý nghĩa

Bản đồ địa hình trong đời sống xã hội có một ý nghĩa to lớn trong việc giải quyết các vấn đề khoa học và thực tiễn, những vấn đề có liên quan đến việc nghiên cứu địa hình, lợi dụng địa hình, tiến hành thiết kế, xây dựng các công trình trên thực địa...

Nghiên cứu địa hình trên bản đồ quân sự giúp cho người chỉ huy nắm chắc các yếu tố về địa hình để chỉ đạo tác chiến trên đất liền, trên biển, trên không và thực hiện các nhiệm vụ khác. Thực tế không phải lúc nào cũng ra ngoài thực địa được, hơn nữa việc nghiên cứu ngoài thực địa có thuận lợi là độ chính xác cao, xong tầm nhìn hạn chế bởi tính chất của địa hình, tình hình địch... nên thiếu tính tổng quát. Vì vậy, bản đồ địa hình là phương tiện không thể thiếu được trong hoạt động của người chỉ huy trong chiến đấu và công tác.

6.1.2. Cơ sở toán học bản đồ địa hình

6.1.2.1. Tỉ lệ bản đồ

- Khái niệm:

“Tỉ lệ bản đồ là yếu tố toán học quan trọng để xác định mức độ thu nhỏ độ dài khi chuyển từ bề mặt cong của trái đất lên mặt phẳng bản đồ”.

“Tỉ lệ bản đồ là tỉ số giữa độ dài trên bản đồ và độ dài ngoài thực địa”. Nếu nói tới cơ sở toán học bản đồ thì có định nghĩa đầy đủ sau:

+ “Tỉ lệ bản đồ là mức độ thu nhỏ chiều dài nằm ngang của các đường trên thực địa khi biểu thị chúng trên bản đồ”.

+ Tỉ lệ bản đồ được biểu diễn dưới dạng phân số: $\frac{1}{M}$

+ Tử số chỉ độ dài đo được trên bản đồ, mẫu số chỉ M lần đơn vị độ dài tương ứng trên thực địa.

- Tỉ lệ bản đồ được biểu diễn dưới 3 dạng sau:

+ Tỉ lệ số: Là tỉ lệ ở dạng phân số, biểu thị mức độ thu nhỏ các yếu tố địa hình, địa vật trên thực địa vẽ trên bản đồ. Để tiện tính toán, mẫu số tỉ lệ bản đồ thường được xác định bằng các số chẵn như 10.000; 25.000; 50.000; 100.000...

- Tỉ lệ số thường được ghi ở dưới khung Nam mỗi mảnh bản đồ, có 3 cách viết:

+ Tỉ lệ chữ: Tỉ lệ nói rõ 1 đơn vị độ dài centimét (cm) trên bản đồ ứng với đơn vị độ dài bằng mét trên thực địa. Ở thước tỉ lệ thẳng của mỗi mảnh bản đồ có ghi tỉ lệ chữ.

+ Tỉ lệ thước: Trên mỗi tờ bản đồ có 1 thước tỉ lệ thẳng. Thước tỉ lệ thẳng giúp đo đạc và tính toán thuận tiện, vì độ dài trên thước đã được tính ra cự li thực địa. Công thức:

Tỉ lệ bản đồ với thực địa được biểu thị bằng công thức sau: $\frac{d}{D} = \frac{1}{M}$

Trong đó: d là cự li đo trên bản đồ.

D là cự li tính theo thực địa.

M là mẫu số tỉ lệ.

Để chỉ tỉ lệ bản đồ có thể dùng 1 trong 3 cách viết trên. Khi biểu thị trên bản đồ thường dùng cách viết thứ nhất.

6.1.2.2. Phép chiếu bản đồ.

- Khái niệm: Khi thành lập bản đồ phải biểu diễn về mặt Elipxoit (hay mặt cầu) lên mặt phẳng sao cho sự biến dạng sai số trên bản đồ ở mức độ nhỏ nhất, khi biểu diễn phải đạt được những điều kiện để những đường tọa độ trong mối quan hệ tọa độ mặt Elipxoit (hay mặt cầu) dựa theo 1 qui luật toán học nhất định, muốn thế phải sử dụng phép chiếu bản đồ. Vậy phép chiếu bản đồ là phép chiếu hình kinh tuyến, vĩ tuyến từ mặt Elipxoit lên mặt phẳng giấy bằng phương pháp toán học.

- Các phương pháp chiếu bản đồ:

+ *Phương pháp chiếu Gauss:*

Cơ sở nội dung của phép chiếu Gauss: Là phép chiếu đồ lòng trụ ngang giữ góc, hình trụ tiếp xúc với quả địa cầu theo 1 đường kinh tuyến nào đó, trục hình trụ nằm trong mặt phẳng xích đạo và vuông góc với trục trái đất.

Toàn bộ mặt Elipxoit (Trái Đất) được chia thành 60 múi, mỗi múi có giá trị 60 kinh tuyến và được đánh số thứ tự từ múi số 1 đến 60 từ Tây sang Đông bắt đầu từ kinh tuyến gốc.

Đường kinh tuyến tiếp xúc với hình trụ là kinh tuyến giữa (kinh tuyến trung ương). Mỗi múi được chiếu riêng 1 lần, cứ như vậy tịnh tiến trong hình trụ tịnh tiến từ múi số 1 đến 60. Việt Nam theo cách tính trên nằm ở khoảng 102° kinh đông đến 110° kinh đông thuộc 2 múi chiếu hình thứ 48 và 49. Sau khi chiếu các múi liên tiếp lên hình trụ, bỏ dọc hình trụ, trải ra mặt phẳng có được hình chiếu của trái đất trên mặt phẳng, toàn bộ trái đất có 60 múi chiếu.

+ *Phương pháp chiếu UTM:*

Hiện nay ngoài hệ thống bản đồ Gauss, trong quân đội và 1 số cơ quan nhà nước còn sử dụng rộng rãi loại bản đồ UTM tái bản do Cục Bản đồ Bộ Tổng Tham mưu phát hành. UTM là chữ viết tắt của phép chiếu Universal Transversal Mercator's.

Phép chiếu UTM về nguyên tắc căn bản, cơ sở nội dung giống như phép chiếu Gauss, là phép chiếu đồ giữ góc lồng trụ ngang và cùng dạng công thức với lưới chiếu đồ giữ góc Gauss.

$$X_{UTM} = 0,9996 X_G ; Y_{UTM} = 0,9996 Y_G$$

+ *So sánh phép chiếu UTM với phép chiếu hình Gauss:*

Như lưới chiếu Gauss, phần sai số tỉ lệ chiều dài và sai số diện tích (P) lưới chiếu UTM nhỏ hơn; Lưới chiếu UTM khác với lưới chiếu Gauss: Trong lưới chiếu UTM hình trụ ngang không tiếp xúc như lưới chiếu Gauss mà cắt Elipxoit ở 2 cắt tuyến, cách đều kinh tuyến giữa 180km về phía Đông và Tây.

Mặt chiếu hình không tiếp xúc với kinh tuyến trục mà tiếp xúc với kinh tuyến hai bên cách đều kinh tuyến trục 180km.

Phép chiếu hình UTM Elipxoit được qui chiếu thành 60 múi nhưng đánh số múi tọa độ từ múi số 1 - 60 kể từ kinh tuyến 180° về hướng Đông.

Hệ tọa độ vuông góc áp dụng cho múi chiếu hình, chỉ áp dụng từ 80° vĩ Nam đến 80° vĩ Bắc. Giao điểm của hai trục này là điểm gốc của hệ trục tọa độ với $X = 0$; $Y = 500\text{km}$ đối với Bắc bán cầu; $X = 10.000\text{km}$, $Y = 500\text{km}$ đối với Nam Bán cầu.

6.1.3. Phân loại, đặc điểm, công dụng bản đồ địa hình

6.1.3.1. Phân loại, đặc điểm công dụng

- Bản đồ cấp chiến thuật:

+ Bản đồ cấp chiến thuật là bản đồ địa hình có tỉ lệ 1: 25.000; 1: 50.000 dùng cho tác chiến ở vùng đồng bằng và trung du; 1: 100.000 đối với vùng núi; là bản đồ địa hình có tỉ lệ lớn dùng cho cấp chỉ huy tham mưu từ đại đội đến cấp sư đoàn.

+ Đặc điểm, công dụng: Bản đồ có tỉ lệ 1: 25.000, mặt đất được thể hiện chi tiết cụ thể, tỉ mỉ, chính xác, dùng để nghiên cứu những vấn đề tác chiến trong tiến công và phòng ngự như: Các tuyến phòng thủ của ta và địch, những khu vực nhảy dù, đổ bộ, hệ thống đường xá, cầu

cổng, các chướng ngại vật trên đường hành quân, tình hình các điểm dân cư, chuẩn bị phần tử bắn cho pháo binh, thiết kế các công trình quân sự.

+ Bản đồ địa hình tỉ lệ 1: 50.000 - 1:100.000 mức độ chi tiết, cụ thể, tỉ mỉ kém hơn so với bản đồ tỉ lệ 1: 25.000. Tuy nhiên, được xác định là bản đồ chiến thuật cơ bản của quân đội ta, dùng để nghiên cứu địa hình ở phạm vi rộng lớn hơn, đánh giá, phân tích ý nghĩa chiến thuật của yếu tố địa hình, tác dụng của chúng để lập kế hoạch tác chiến, chỉ huy chiến đấu trong tất cả các hình thức chiến thuật.

- Bản đồ cấp chiến dịch:

+ Bản đồ cấp chiến dịch là bản đồ địa hình có tỉ lệ từ 1: 100.000 - 1: 250.000

(1:100.000 đối với địa hình đồng bằng, trung du; 1: 250.000 đối với địa hình rừng núi)

Là loại bản đồ có tỉ lệ trung bình chủ yếu dùng cho chỉ huy cấp chiến dịch (chỉ huy và cơ quan tham mưu cấp quân đoàn, quân khu).

+ Đặc điểm, công dụng: Trên bản đồ địa hình, địa vật thể hiện có chọn lọc, tính tỉ mỉ kém nhưng tính khái quát hoá rất cao, để tiện việc nghiên cứu thực địa khái quát, tổng thể, giúp cho việc lập kế hoạch tác chiến và chỉ huy tác chiến ở cấp chiến dịch.

- Bản đồ cấp chiến lược:

+ Bản đồ cấp chiến lược có tỉ lệ 1: 500.000 - 1: 1.000.000 là loại bản đồ dùng cho Bộ Tổng Tư lệnh và các cơ quan cấp chiến lược.

+ Đặc điểm, công dụng: Bản đồ biểu diễn một khu vực địa hình rộng lớn, ở mức khái quát hoá cao. Dùng để chuẩn bị và triển khai các chiến dịch và chỉ huy các hoạt động quân sự phối hợp trên một hướng hay một khu vực chiến lược hoặc củng cố, xây dựng kế hoạch chiến lược quốc phòng an ninh của đất nước.

6.1.3.2. Đặc điểm khung bản đồ và ghi chú xung quanh.

- Khung bản đồ:

Khung để trang trí bản đồ là những đường giới hạn diện tích của mỗi mảnh bản đồ. Khung bản đồ có những đường:

+ Đường trong cùng là giới hạn trực tiếp của khu vực có nội dung bản đồ vẽ nét mảnh.

+ Đường hai nét kẻ song song, trên đó có chia thành các đoạn nhỏ theo kinh độ, vĩ độ lẫn tới phút.

+ Ngoài cùng là khung trang trí vẽ nét đen đậm.

+ Nếu gọi tên gồm khung Bắc, Nam, Đông, Tây. - Ghi chú xung quanh:

+ Phần ghi chú xung quanh nhằm giải thích, thuyết minh cho người sử dụng bản đồ. Vì vậy, sử dụng bản đồ cần nắm vững ý nghĩa và nội dung cách ghi đó.

+ Nguyên tắc ghi chú xung quanh của bản đồ Gauss và UTM cơ bản giống nhau, chỉ khác cách sắp xếp vị trí, cách ghi, cách trình bày.

+ Trong nội dung bài giảng này chỉ nêu lên những nguyên tắc chung về cách ghi chú xung quanh của bản đồ địa hình Gauss.

+ *Khung Bắc:*

Ghi tên bản đồ: Tên bản đồ thường là địa danh vùng dân cư hành chính cấp cao nhất trong mảnh bản đồ đó hoặc ghi địa điểm quan trọng nổi tiếng trong vùng dân cư.

Dưới tên bản đồ ghi số hiệu của mảnh bản đồ, xác định vị trí địa lí của mảnh bản đồ nằm ở khu vực nào trên trái đất (theo cách chia mảnh, đánh số, ghi số hiệu).

Bên trái ngoài khung bản đồ ghi tên, vị trí địa dư: Là tên chỉ 1 khu vực địa dư tổng quát một nước, một tỉnh, một huyện... bao gồm một phần đất đai của khu vực đó. Đường ranh giới hành chính vẽ nháp: Chỉ cho ta biết hiện ranh giới hành chính chưa được vẽ chính thức theo phân chia hành chính các khu vực.

Thước điều chỉnh góc lệch bản đồ: Xác định góc lệch từ so với Bắc ô vuông của mỗi mảnh bản đồ theo vị trí địa lí khu vực đó.

Độ mật: Xác định độ mật bản đồ, ghi ở góc Đông Bắc bên ngoài khung bản đồ. +

Khung Nam:

Tỉ lệ số, tỉ lệ thước, tỉ lệ chữ. Phía dưới tỉ lệ chữ: Ghi chú khoảng cao đều đường bình độ cơ bản. Tuỳ theo tỉ lệ mà ghi chú này thay đổi.

Phía dưới dòng tiếp theo xác định thể Elipxoit chiếu hình và gốc tọa độ, độ cao thiết lập bản đồ và ghi chú giải thích phần ghi của bản đồ UTM trên bản đồ Gauss. Phần ghi chú góc lệch từ gồm sơ đồ góc lệch và bảng giá trị tính góc để xác định góc lệch từng năm bản đồ đó.

Thước đo độ dốc, phía dưới thước đo độ dốc có phần hướng dẫn sử dụng.

Sơ đồ phân chia địa giới hành chính của từng khu vực phần đất trên bản đồ. Lược đồ bản chấp: Là một hình vẽ thu nhỏ phạm vi các mảnh bản đồ có nối tiếp với nhau, phần này giúp người sử dụng nhanh chóng tìm ra các mảnh bản đồ cần chấp nối với mảnh đang dùng.

Phần chú dẫn giải thích kí hiệu bản đồ, nội dung này giúp ta nắm được các kí hiệu tra cứu khi đọc bản đồ.

Xung quanh bản đồ phía trong (phần giới hạn nội dung bản đồ với nét khung đen đậm đều có các ghi chú).

Bốn góc khung bản đồ ghi giới hạn kinh tuyến, vĩ tuyến. Căn cứ vào các số tính được độ kinh sai, vĩ sai của mảnh bản đồ đó.

Trên các đường khung bản đồ lưới ô vuông cắt qua khung tạo thành mốc của lưới ô vuông. Trên các mốc có ghi trị số các đường ô vuông được tính bằng kilômét. Ghi chú đường xuất: Mạng lưới giao thông trên bản đồ như đường sắt, đường ô tô đến đầu mút bốn xung quanh mép khung đều được ghi chú địa danh dân cư hoặc một địa điểm cách đó với độ dài là bao nhiêu giúp cho việc tiện xác định trên bản đồ.

6.1.4. Cách chia mảnh, ghi số hiệu bản đồ

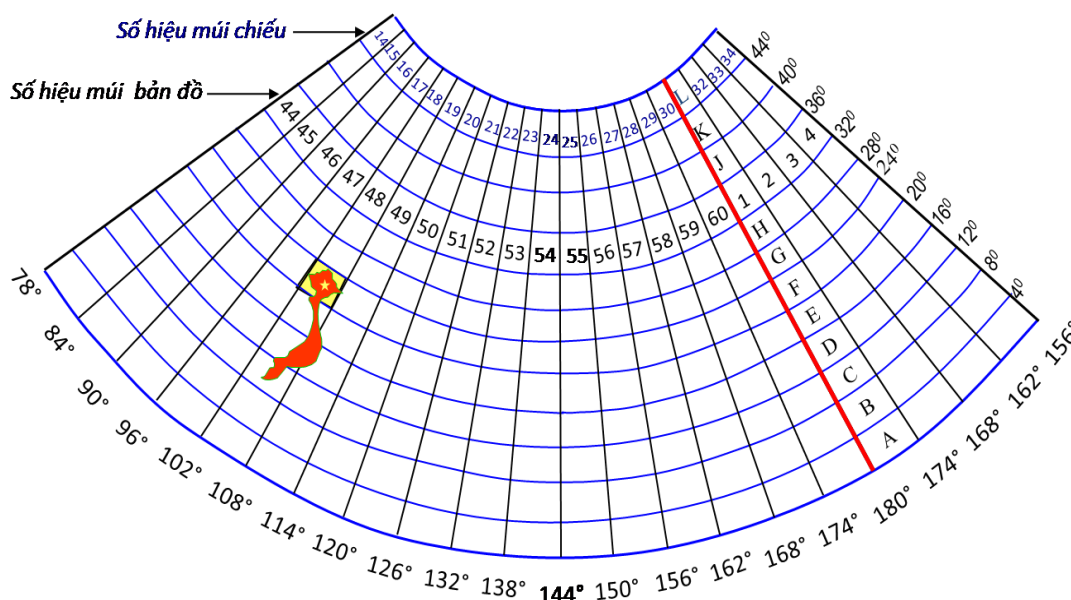
6.1.4.1. Theo phương pháp chiếu Gauss:

- Bản đồ tỉ lệ 1: 1.000.000.

+ Chia mặt trái đất thành 60 dải chiếu đồ, đánh số từ 1 đến 60. Dải số 1 từ 180° đến 174° Tây và tiến dần về phía Đông đến dải số 60. Việt Nam nằm ở dải 48, 49.

+ Chia dải chiếu đồ theo vĩ độ từng khoảng 4° kể từ xích đạo trở lên Bắc cực và xuống Nam cực, đánh thứ tự A, B, C... tính từ xích đạo. Việt Nam thuộc 4 khoảng C, D, E, F.

+ Mỗi hình thang cong (6° kinh tuyến, 4° vĩ tuyến) là khuôn khổ mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 1.000.000. Khi ghi số hiệu cho mảnh bản đồ, ghi tên dải trước, ghi số múi chiếu sau (Hình 6.1). Ví dụ: F - 48.



Hình 6.1. Chia mảnh bản đồ tỷ lệ 1: 1.000.000

- Bản đồ tỉ lệ 1: 100.000.

Chia mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 1.000.000 thành 144 ô nhỏ, có khuôn khổ 0°30' kinh tuyến, 0°20' vĩ tuyến, số hiệu đánh từ 1 đến 144 (từ trái qua phải, từ trên xuống dưới) ghi vào sau số hiệu mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 1.000.000 (Hình 6.2). Ví dụ: F - 48 - 115. F - 48

1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2
3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	4

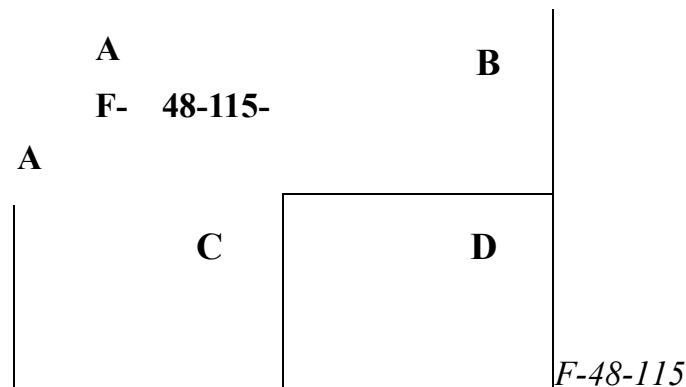
5	6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6
7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8
9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0
1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2
3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	4
5	6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6
7	8	9	00	01	02	03	04	05	06	07	08
09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32
33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44

Hình 6.2. Chia mảnh bản đồ tỷ lệ 1: 100.000

- Bản đồ tỉ lệ 1: 50.000.

Chia khuôn khổ mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 100.000 thành 4 ô nhỏ, có khuôn khổ 0°15' kinh tuyến, 0°10' vĩ tuyến, đánh số A, B, C, D (từ trái qua phải, từ trên xuống dưới) ghi sau số hiệu mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 100.000 (Hình 6.3). Ví dụ: F - 48 - 115 - A.



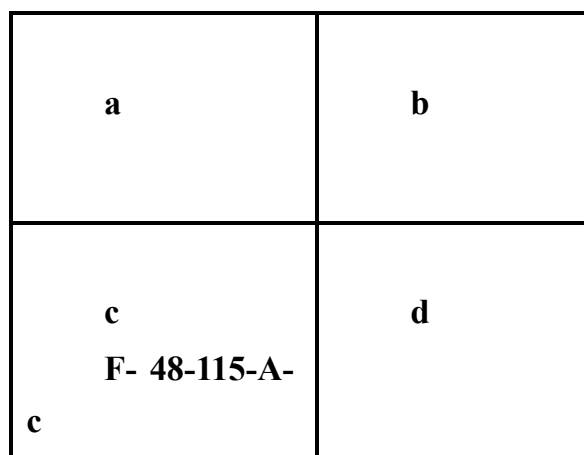


Hình 6.3. Chia mảnh bản đồ tỷ lệ 1: 50.000

- Bản đồ tỷ lệ 1: 25.000.

Chia khuôn khổ mảnh bản đồ tỷ lệ 1: 50.000 thành 4 ô nhỏ, có khuôn khổ $0^{\circ}7'30''$ kinh tuyến, $0^{\circ}5'$ vĩ tuyến, là khuôn khổ mảnh bản đồ tỷ lệ 1: 25.000, đánh số a, b, c, d (từ trái qua phải, từ trên xuống dưới) ghi sau số hiệu mảnh bản đồ tỷ lệ 1:

50.000 (Hình 6.3). Ví dụ: F - 48 - 115 - A - c. F-48-115-A



Hình 6.4. Chia mảnh bản đồ tỷ lệ 1: 25.000

6.1.4.2. Cách chia mảnh ghi số hiệu bản đồ UTM

- Bản đồ tỷ lệ 1: 1.000.000.

+ Cách chia giống như bản đồ Gauss nhưng lưới chiếu Lamberl.

+ Khuôn khổ: Dọc = 4° vĩ tuyến; ngang = 6° kinh tuyến.

+ Số hiệu: Cũng kết hợp số dải và múi (dải chiếu) ở phía trước có chữ N hoặc S chỉ hướng Bắc, Nam.

- Bản đồ tỷ lệ 1: 100.000.

+ Khu vực Đông Dương và một số vùng lân cận tạo độ khởi điểm của lưới tam giác cấp I. Tính từ điểm ở phía Tây sông Trăm Ban Ấn Độ.

+ Lấy giao điểm của 4° Nam và 75° Đông làm góc chia đều lên phía Bắc và sang phía Đông mỗi khoảng là $0^{\circ}30'$ có khuôn khổ mảnh bản đồ $0^{\circ}30' \times 0^{\circ}30'$ vẽ theo tỉ lệ 1: 100.000.

+ Số hiệu được ghi bằng 2 cặp chữ số Ả Rập, cặp số đứng trước chỉ giá trị kinh tuyến, cặp số đứng sau chỉ giá trị vĩ tuyến, cặp một khởi điểm từ 00 ghi từ trái qua phải, cặp 2 khởi điểm từ 01 ghi từ dưới lên trên.

- Bản đồ tỉ lệ 1: 50.000.

+ Chia mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 100.000 thành 4 phần bằng nhau. Đánh số La Mã: I, II, III, IV theo chiều kim đồng hồ.

+ Khuôn khổ: Dọc $0^{\circ}15'$ vĩ tuyến, ngang $0^{\circ}15'$ kinh tuyến.

+ Số hiệu ghi chữ số La Mã sau số hiệu bản đồ tỉ lệ 1: 100.000.

6.1.5. Nội dung bản đồ

6.1.5.1. Kí hiệu dáng đất

- Đường bình độ (Hình 6.5).

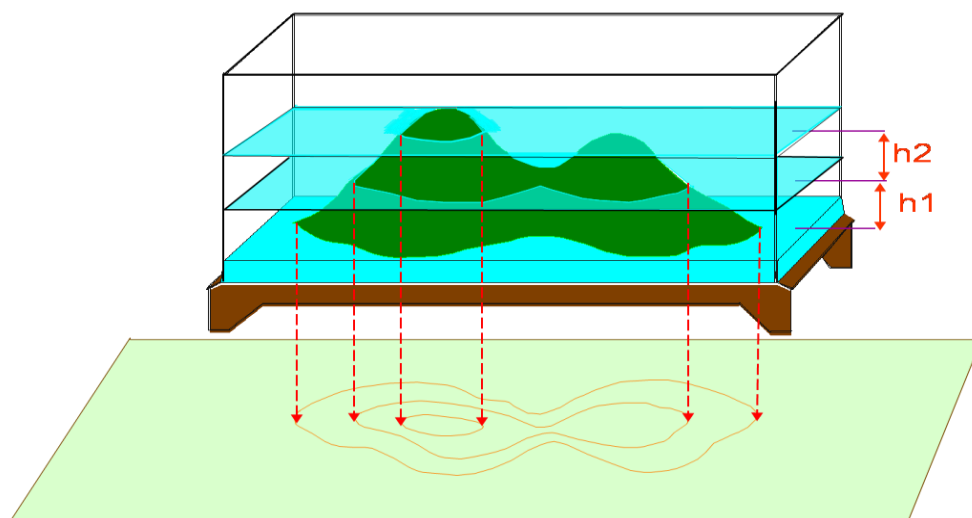
+ Đường bình độ là đường cong khép kín, nối liền các điểm có cùng độ cao trên mặt đất được chiếu lên mặt phẳng bản đồ.

+ Đường bình độ con là đường cơ bản vẽ nét mảnh màu nâu.

+ Đường bình độ cái, cứ 4 đến 5 đường bình độ con thì người ta vẽ 1 đường bình độ cái vẽ nét đậm hơn và có ghi chú độ cao.

+ Đường bình độ $\frac{1}{2}$ khoảng cao đều, để bổ sung nơi mà đường bình độ con, bình độ cái không biểu thị rõ được như nơi dốc thoải (vẽ nét đứt dài).

+ Đường bình độ phụ để diễn tả những nơi mà các đường bình độ trên không thể biểu thị hết (vẽ nét đứt ngắn, mảnh hơn).



Hình 6.5. Nguyên lý biểu thị dáng đất bằng đường bình độ

- Khoảng cao đều:

Khoảng cao đều của đường bình độ được xác định bằng cự li thẳng đứng giữa hai mặt cắt của hai đường bình độ kề nhau (tùy theo tỉ lệ bản đồ mà quy định khoảng cao đều khác nhau).

Bảng quy định khoảng cao đều

Tỉ lệ bản đồ	Bình độ con	Bình độ cái	Bình độ cao $\frac{1}{2}$ khoảng cao đều	Bình độ phụ
1: 10.000	2m	10m	1m	Tùy ý có ghi chú
1: 25.000	5m	25m	2,5m	“
1: 50.000	10m	50m	5m	“
1: 100.000	20m	100m	10m	“

6.1.5.2. Kí hiệu địa vật

- Kí hiệu vẽ theo tỉ lệ:

+ Là kí hiệu biểu thị đúng tương quan tỉ lệ của địa vật trên thực địa với bản đồ, vẫn giữ được hình dáng và phương hướng thực địa của địa vật.

+ Loại kí hiệu này thường biểu thị những địa vật có diện tích lớn; sau khi thu nhỏ theo tỉ lệ của bản đồ vẫn còn phân biệt được hình dáng và có thể đo, tính được diện tích của chúng theo bản đồ.

+ Kí hiệu vẽ theo $\frac{1}{2}$ tỉ lệ là kí hiệu biểu thị đúng tương quan tỉ lệ về chiều dài của địa vật và giữ được phương hướng thực của nó ở thực địa, nhưng về chiều ngang không vẽ theo tỉ lệ.

+ Loại kí hiệu này để thể hiện địa vật có hình dài như: Đường, nương, máng, sông ngòi, suối nhỏ, khu phố hẹp...

- Kí hiệu không theo tỉ lệ (vẽ tượng trưng, tượng hình):

+ Là kí hiệu thể hiện những địa vật có kích thước nhỏ bé, không thể rút theo tỉ lệ của bản đồ được. Loại kí hiệu này vẽ tượng trưng, tượng hình.

+ Hướng của kí hiệu có 2 loại:

Loại vẽ theo hướng bắc bản đồ bao gồm: Cây độc lập, đình chùa, nhà thờ, hang động, lò nung, bảng chỉ đường...

Loại vẽ theo hướng thực của nó ở thực địa bao gồm: Cầu, cống, nhà cửa.

- Bên cạnh những kí hiệu vẽ theo tỉ lệ, không theo tỉ lệ người ta còn dùng chữ và số để giải thích làm rõ phạm vi quy mô, tính chất của địa vật đó gọi là kí hiệu giải thích.

+ Các loại kí hiệu:

Kí hiệu vùng dân cư;

Kí hiệu một số vật thể độc lập;

Kí hiệu địa giới;

Kí hiệu dáng đất;

Kí hiệu thủy văn;
Kí hiệu đường xá

Kí hiệu rừng cây và thực vật;

+ Xác định vị trí chính xác kí hiệu:

Kí hiệu có hình học hoàn chỉnh như hình tròn, vuông, tam giác đều... tâm kí hiệu là tâm của hình vẽ. Những kí hiệu có đường đáy như ống khói, đình, chùa, bia tưởng niệm... là những điểm chính giữa đường đáy. Những kí hiệu không có đường đáy như hang động, lò gạch... là điểm chính giữa đường đáy tưởng tượng. Những kí hiệu có đáy vuông góc với bảng chỉ đường, cây độc lập... là tại đỉnh góc vuông. Cầu cống đập... là chính giữa kí hiệu. Đường 1 nét, 2 nét vị trí chính xác ở giữa đường.

Ngoài ra một số địa vật được quy định riêng như xóm nhỏ là chính giữa hình đen đậm, hàng cây là chính giữa hình tròn kí hiệu.

+ Màu sắc:

Màu sắc trên bản đồ thường có liên quan đến địa vật. Trên thế giới nhiều nước đều quy định dùng màu sắc như sau:

Màu nâu: Dùng để vẽ và ghi chú trên đường bình độ, biểu thị các khu vực dân cư khó cháy, tô màu nền đường...

Màu xanh lá cây (màu ve): Dùng để biểu thị sông, suối, ao, hồ, biển, đầm lầy, ruộng nước.

Màu đen: dùng để vẽ tất cả các kí hiệu còn lại và ghi chú, trang trí bản đồ.

Màu xanh lam: dùng để vẽ các kí hiệu về thủy văn...

Ngoài 4 màu cơ bản trên người ta còn dùng các màu phụ nhằm làm rõ thêm tính chất cũng như thông tin của từng loại kí hiệu.

6.1.6. Chắp ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ

6.1.6.1. Chắp ghép bản đồ - Căn cứ chọn mảnh chắp:

+ Dựa vào bảng chắp, số hiệu ghi ở chính giữa 4 khung và hệ thống quy tắc chia mảnh, ghi số hiệu.

+ Nếu phải chắp nhiều mảnh trong một khu vực ta dựa vào bảng chắp từng vùng, khoanh phạm vi khu vực rồi tìm số hiệu mảnh.

- Nguyên tắc chắp:

+ Bản đồ phải cùng tỉ lệ, cùng phép chiếu hình, cùng khu vực địa hình, tốt nhất cùng năm và cùng xưởng sản xuất.

+ Khi chắp theo quy tắc mảnh trên đè mảnh dưới, mảnh trái đè mảnh phải.

+ Các kí hiệu và lưới ô vuông nơi tiếp biên giữa các mảnh bản đồ phải tiếp hợp nhau chính xác.

- Cắt khung bản đồ:

Về nguyên tắc cắt khung phải căn cứ số mảnh chấp, nguyên tắc chấp ghép điểm cắt, cách tiến hành như sau:

- + Vẽ một sơ đồ giản đơn để làm cơ sở cắt.
- + Các mảnh hàng ngang cắt khung đông.
- + Các mảnh hàng dọc cắt khung nam.
- + Tất cả các mảnh ngoài cùng không cắt khung.
- + Phải cắt theo đường trong cùng sát với nội dung bản đồ.

6.1.6.2. Dán, gấp bản đồ

- Dán bản đồ:

Khi dán bản đồ:

- + Thực hiện chiều nào ít mảnh dán trước, nhiều mảnh dán sau.
- + Đặt cho 2 mảnh bản đồ có nội dung úp vào nhau, mép của tờ bản đồ trùng lên đường sát phần nội dung của mảnh phải dán, sau đó quét hồ lên phần chưa cắt của tờ bản đồ phía dưới hoặc tờ bên phải.

+ Lật ngược tờ bản đồ lại cho mép của tờ trên trùng khít đường sát với nội dung bản đồ, điều chỉnh không để sai lệch ở những điểm tiếp giáp.

- + Dùng con lăn, lăn cho nơi dán thật phẳng để khô rồi sử dụng.

- Gấp bản đồ:

Khi gấp phải thuận tiện trong sử dụng, kích thước phù hợp với túi đựng hoặc bàn; không gấp theo nếp hồ dán, không gấp đôi, không gấp tùy tiện.

- + Gấp dùng trong hành quân:

Trải bản đồ, xác định đường hành quân.

Gập cho đường hành quân ra ngoài, các phần còn lại gập vào trong khoảng gập vừa bằng hay túi đựng.

Gập rích rắc nhiều lần, điểm xuất phát để ra ngoài.

- Gấp để trên bàn:

- + Trải bản đồ, xác định khu vực cần tác nghiệp hoặc xem trước.
- + Đo chiều dài, chiều rộng của mặt bàn, ước tính trên bản đồ để khi xong, kích thước bản gập hẹp hơn mặt bàn một ít.

+ Gấp cho khu vực cần tác nghiệp lên trên, khu vực còn lại gập rích rắc nhiều lần, phần thừa hai đầu bàn gập xuống dưới. Khi cần xem hay cần tác nghiệp một khu vực khác, mở đoạn thừa hai đầu cho phần đã tác nghiệp xuống dưới.

6.1.6.3. Giữ gìn bảo quản bản đồ

- Phải giữ nghiêm quy định bảo mật. Đặc biệt đối với bản đồ công tác của người chỉ huy.

- Không để thất lạc, mất mát hoặc làm nhàu nát; Nếu sử dụng lâu dài dùng túi polietilen bọc bản đồ.

- Không để bản đồ ở những nơi ẩm ướt hoặc quá nóng.

- Không dùng dao để cạo hoặc xấp nước để tẩy xóa làm rách nát bản đồ. Khi gấp không miết mạnh làm cho bản đồ bị rách theo nếp gấp.

- Không viết vẽ tùy tiện lên bản đồ.

6.2. Sử dụng bản đồ

6.2.1. Đo cự li, diện tích trên bản đồ

6.2.1.1. Đo cự li đoạn thẳng

Khi đo cự li đoạn thẳng trên bản đồ dùng một số phương tiện như: Thước milimet, băng giấy, compa...

- Đo bằng thước milimet: Đặt cho cạnh thước nối qua hai điểm, số đo trên thước được bao nhiêu centimet, nhân với tỉ lệ bản đồ được kết quả đo.

- Đo bằng băng giấy: Băng giấy phải được chuẩn bị có độ dài khoảng 20cm trở lên rộng khoảng 5cm, mép băng giấy phải thẳng. Đặt cạnh băng giấy nối qua hai điểm trên bản đồ và đánh dấu lại, đem băng giấy uớm vào thước tỉ lệ thẳng, đọc được kết quả cần đo.

- Đo bằng compa: Mở khẩu độ compa vừa khẩu độ định đo trên hai điểm đo, giữ nguyên khẩu độ compa đem uớm vào thước tỉ lệ thẳng được kết quả cần đo.

6.2.1.2. Đo cự li đoạn gấp khúc, đoạn cong

- *Đo bằng băng giấy*: Chuẩn bị băng giấy như đã nêu trên. Khi đo đánh dấu một đầu băng giấy trùng vào đầu đoạn đo, mép băng giấy luôn bám sát một mép đường trên bản đồ. Kết hợp hai tay và đầu bút chì bám vào mép giấy, xoay mép băng giấy trùng lên mép đường, cứ như vậy cho đến điểm cuối cùng.

Chú ý: Khi xoay mép băng giấy phải lấy đầu bút chì làm trụ không để mép băng giấy trượt khỏi đường đo.

- *Đo bằng sợi dây mềm*: Dùng sợi dây nhỏ có độ co giãn thấp vuốt thẳng, đánh dấu đầu dây rồi đặt đầu dây vào điểm đo, lăn cho dây theo mép đường cho đến điểm cuối cùng được khoảng cách cần đo.

Chú ý: Đo nhiều lần lấy kết quả đo trung bình.

- *Đo bằng compa*:

+ Đo những đoạn thẳng gấp khúc: Đo lần lượt từng đoạn, rồi cộng lại.

+ Đo những đoạn cong: Chia các đoạn cong thành các đoạn thẳng ngắn đều nhau; đo một đoạn thẳng ngắn được bao nhiêu nhân với tổng số đoạn được chia.

- *Đo bằng thước đo kiểu đồng hồ*:

+ Công tác chuẩn bị:

Kiểm tra bộ phận chuyển động của đồng hồ: Đặt ngón trỏ tay phải vào bánh xe, đẩy đi đẩy lại xem bộ phận kim chuyển động có tốt không, đưa kim về vạch chỉ tiêu đo.

Kiểm tra độ chính xác: Lấy cạnh của một ô vuông trên bản đồ để kiểm tra, đẩy bánh xe lăn hết một cạnh ô vuông, nếu kim dịch chuyển đúng một khoảng là độ chính xác tốt.

+ Cách đo: Tay phải hoặc trái cầm thước mặt số quay vào phía mình, đặt bánh xe vuông góc với điểm định đo, từ từ đẩy bánh xe lăn theo đường cho đến điểm cuối cùng nhấc thước ra khỏi vị trí đo. Nhìn vào thước kim dịch chuyển được bao nhiêu đó là khoảng cách cần đo.

Chú ý: Động tác đo phải hết sức thận trọng, tỉ mỉ, chính xác. Khi đẩy trượt bánh xe ra khỏi đường đo thì phải kéo lùi bánh xe về vị trí tại điểm trượt, sau đó đo tiếp.

6.1.1.3. Đo diện tích theo bản đồ

Khi thực hiện nhiệm vụ huấn luyện hay chiến đấu, đôi khi phải xác định diện tích một khu vực địa hình như: Phạm vi của đơn vị trú quân, phạm vi nhiệm xạ, phạm vi khu vực khai thác.

- Đo diện tích ô vuông:

+ Đo diện tích ô vuông đủ:

Trên bản đồ địa hình đều có hệ thống ô vuông, mỗi ô vuông trên bản đồ đều được xác định trên một diện tích nhất định phụ thuộc vào tỉ lệ đó.

Công thức $S = a^2$

Trong đó: S là diện tích của một ô vuông. a là cạnh của một ô vuông.

Bảng tính diện tích ô vuông cho các loại tỉ lệ bản đồ

Tỉ lệ bản đồ	Cạnh ô vuông (cm)	Diện tích tương ứng thực địa (km ²)
1: 25.000	4	1
1: 50.000	2	1
1: 100.000	2	4
1: 200.000	5	100

+ Đo diện tích ô vuông thiếu:

Chia cạnh ô vuông có diện tích đo thành 10 phần bằng nhau, kẻ các đường giao nhau vuông góc có 100 ô nhỏ; Đếm tổng số ô con hoàn chỉnh; các ô không hoàn chỉnh đếm tổng số rồi chia đôi. Lấy tổng số ô nhỏ nhân với diện tích 1 ô nhỏ được kết quả đo.

- Đo diện tích một khu vực:

Diện tích của một khu vực cần tính là tổng diện tích của ô vuông đủ với phần diện tích của ô vuông thiếu.

Công thức $A = ns + p \frac{1}{s}$

Trong đó: A là diện tích 1 khu vực cần tìm;

n là số ô vuông đủ; s là diện tích 1 ô vuông đủ; $\frac{1}{s}$ là diện tích các ô vuông nhỏ tự kẻ; p là số ô vuông nhỏ tự kẻ.

Cách tính: khi tính diện tích của 1 khu vực trước hết ta phải xem khu vực đó chiếm mấy ô vuông đủ (n), những ô vuông thiếu xác định diện tích như trên. Đếm tổng số ô vuông nhỏ của phần diện tích ô vuông thiếu rồi nhân với diện tích của 1 ô, đem cộng với diện tích ô vuông đủ có diện tích gần đúng của cả khu vực.

Hiện nay với công nghệ bản đồ số, muốn đo diện tích 1 khu vực trên bản đồ chỉ cần dùng con trỏ chạy theo đường biên của nó tạo thành vòng khép kín, dựa vào tọa độ tập hợp của các điểm trên đường biên phần mềm máy tính sẽ nhanh chóng giải bài toán và cho ngay diện tích.

6.2.2. Xác định tọa độ chỉ thị mục tiêu

6.2.2.1. Tọa độ sơ lược

- Trường hợp sử dụng: Trong ô vuông tọa độ chỉ có một đối tượng mục tiêu M hoặc nhiều mục tiêu có tính chất khác nhau.

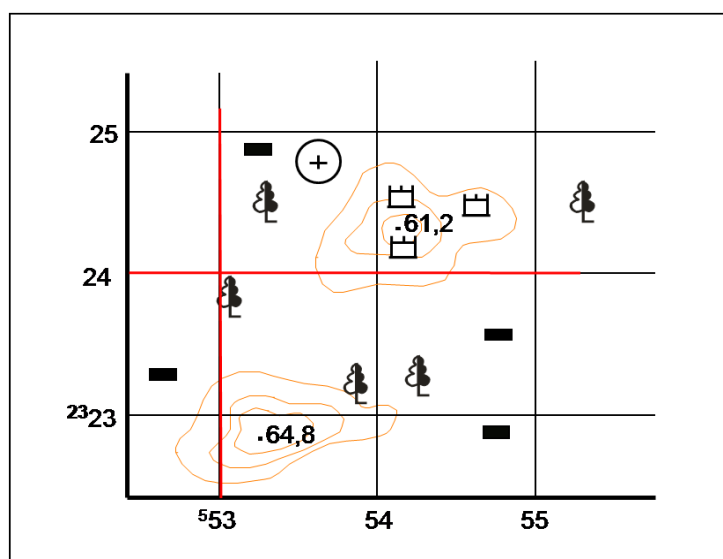
- Xác định tọa độ, chỉ thị mục tiêu:

+ Xác định tọa độ: Xác định mục tiêu bằng tọa độ sơ lược phải tìm 2 số cuối cùng của đường hoành độ (ghi ở khung đông tây) và 2 số cuối của đường tung độ (ghi ở khung bắc nam) bản đồ. Tìm giao điểm của đường hoành độ nối đường tung độ trong ô vuông tọa độ có chứa M cần tìm. M nằm ở phía trên của đường kẻ ngang và bên phải của đường kẻ dọc.

+ Chỉ thị mục tiêu: Viết tên mục tiêu, tọa độ X, Y viết liền không dấu chấm, phẩy, gạch ngang; đọc tên mục tiêu, tọa độ (X), (Y), đọc rõ ràng từng số.

Ví dụ: Cây độc lập (2453)

Cách đọc: Đọc thứ tự mục tiêu đến giá trị X, giá trị Y, đọc rõ từng số. Ví dụ: “Cây độc lập, hai, bốn, năm, ba.”



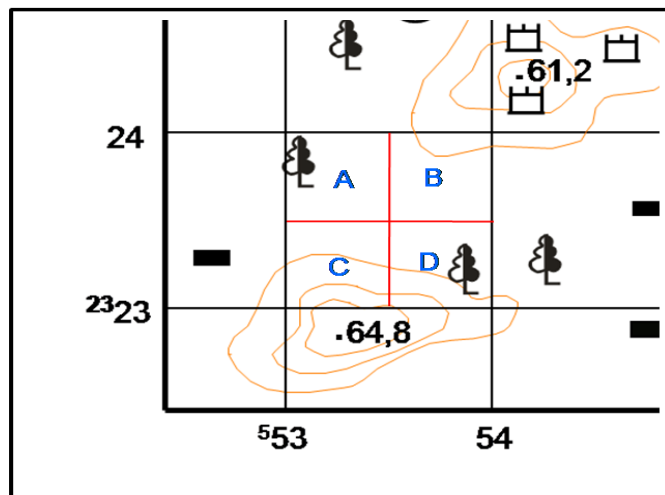
Hình 6.6. Tọa độ sơ lược

6.2.2.2. Tọa độ ô 4, ô 9:

Trường hợp sử dụng: Trong ô vuông tọa độ có nhiều mục tiêu tính chất giống nhau, dùng tọa độ sơ lược sẽ nhầm lẫn.

- Cách xác định tọa độ:

+ *Tọa độ ô 4*: Chia ô vuông tọa độ sơ lược thành 4 phần bằng nhau, đánh dấu bằng chữ cái in hoa A, B, C, D từ trái qua phải từ trên xuống dưới.



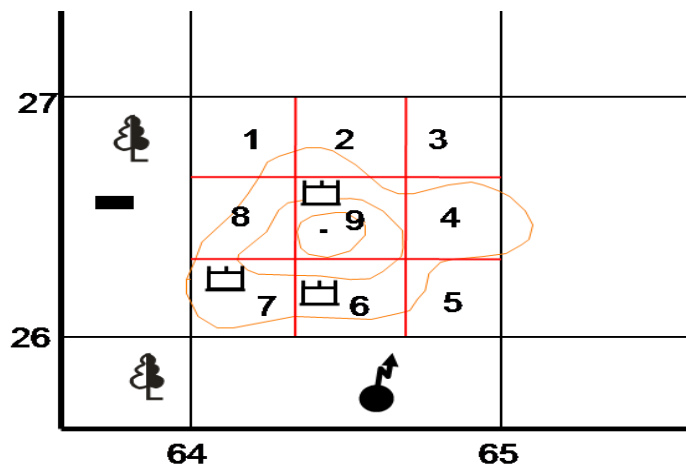
Hình 6.7. Tọa độ ô 4

+ Chỉ thị mục tiêu: Viết tên mục tiêu kết hợp tọa độ sơ lược của điểm đó và kí hiệu của từng ô.

Ví dụ: Cây độc lập (2353A)

Cách đọc, thứ tự mục tiêu đến tọa độ sơ lược X, Y, và ký hiệu riêng ô vuông chứa mục tiêu, đọc rõ từng số, chữ. Ví dụ: “Cây độc lập, hai, ba, năm, ba, A”.

+ *Tọa độ ô 9*: Chia ô vuông tọa độ sơ lược thành 9 phần bằng nhau, đánh dấu các ô bằng chữ a rập từ 1 - 9 theo quy tắc, số 1 góc Tây Bắc thuận theo chiều kim đồng hồ số 9 ở ô giữa.



Hình 6.8. Tọa độ ô 9

+ Chỉ thị mục tiêu: Viết tên mục tiêu kết hợp tọa độ sơ lược của điểm đó và kí hiệu của từng ô, tương tự tọa độ ô 4 khác ký hiệu riêng.

Ví dụ: Lô cốt (26649), cách đọc: “Lô cốt, hai, sáu, sáu, bốn, chín”

6.2.2.3. Tọa độ chính xác:

+ Tọa độ chính xác (TĐCX) là xác định tọa độ của một điểm nằm trong một ô vuông tọa độ, tìm ra độ chênh về mét so với hệ trục gốc hoặc tọa độ sơ lược (TĐSL) của điểm đó. Độ chênh lệch về X gọi là Δx , độ chênh về Y gọi là Δy .

- Cách đo tọa độ chính xác đến mét của một điểm:

+ Đo tọa độ chính xác một điểm trên bản đồ, lấy tọa độ sơ lược (X, Y) cộng thêm phần dư li vuông góc từ vị trí điểm đo đến đường kẻ hoành độ phía dưới (Δx) từ vị trí điểm đo đến đường tung độ bên trái Δy lấy đơn vị tính bằng mét, công thức tính tọa độ chính xác:

$$\text{TĐCX: M} \quad X = \text{TĐSL} + \Delta x$$

$$Y = \text{TĐSL} + \Delta y$$

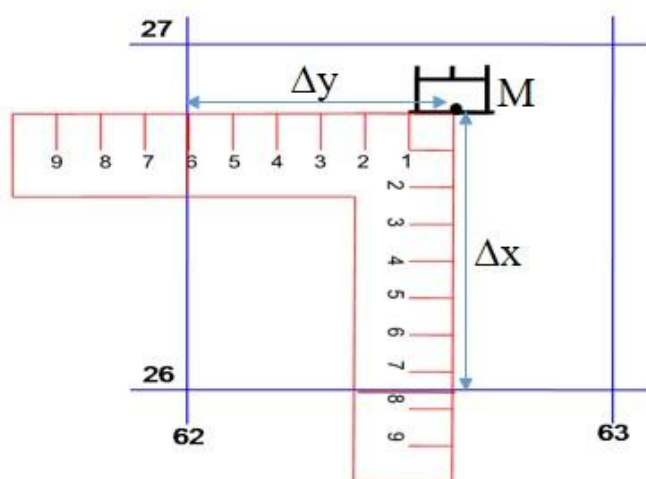
Vận dụng công thức đo TĐCX một điểm nào đó, trình tự được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Xác định tọa độ góc Tây Nam của ô vuông tọa độ có chứa điểm M. *Bước 2:* Từ điểm M kẻ đường vuông góc về phía Nam và phía Tây tới hoành độ và tung độ của ô vuông.

Bước 3: Đo khoảng cách từ điểm M đến chân đường vuông góc với hoành độ và tung độ của ô vuông.

Bước 4: Nhân khoảng cách đó với mẫu số tỉ lệ bản đồ.

Bước 5: Cộng khoảng cách Δx vào giá trị sơ lược X và Δy vào giá trị sơ lược Y của góc tây nam ô vuông nói trên.



Hình 6.9. Tọa độ chính xác

+ Chỉ thị mục tiêu:

Cách viết: Viết thứ tự tên hoặc ký hiệu mục tiêu đến giá trị X, giá trị Y, các số viết đều nhau và để trong ngoặc đơn không có chấm, phẩy, không gạch nối. Ví dụ: Lô cốt, có giá trị $X = 26750$, $Y = 62600$

Viết: Lô cốt (2675062600)

Cách đọc: Đọc tên mục tiêu, giá trị X, giá trị Y đọc rõ từng số một. Ví dụ: “Lô cốt, hai, sáu, bảy, năm, không, sáu, hai, sáu, không, không”.

- Một số điểm chú ý khi đo tọa độ chính xác:

- + Khi đo bằng thước hoặc bằng giấy thì cạnh thước, cạnh băng giấy phải song song với đường kẻ dọc, ngang lưới ô vuông.

- + Khi đo tọa độ ở những ô vuông thiếu nếu thiếu ở khung bắc, đông thì đo bình thường như các ô đủ.

- + Thiếu ở khung tây và nam với từng giá trị đo ngược lại cách đo cơ bản, sau đó lấy độ dài của 1 cạnh ô vuông trừ đi kết quả vừa đo ta được giá trị Δx , Δy của mục tiêu.

- + Đo ở bản đồ tỉ lệ 1:100.000 giá trị Δx , $\Delta y > 1000m$ phải cộng thêm 1km vào tọa độ sơ lược và phần lẻ.

- + Tọa độ chính xác gồm 10 số ghi giá trị Δx , Δy nhỏ hơn 100m phải thêm số 0 vào ngay sau tọa độ sơ lược.

6.2.3. Sử dụng bản đồ ngoài thực địa

6.2.3.1. Định hướng bản đồ

- Định hướng bản đồ làm cho hướng Bắc bản đồ trùng với hướng Bắc của thực địa.

Định hướng bản đồ có 3 phương pháp cơ bản sau:

- *Định hướng bằng địa bàn:* Trải bản đồ lên vị trí bằng phẳng, đặt cạnh địa bàn trùng lên đường PP' hoặc trục dọc lưới ô vuông hay khung Đông, Tây bản đồ sao cho số 0 quay lên phía Bắc bản đồ.

- + Từ từ xoay bản đồ khi đầu bắc kim nam châm chỉ vào chuẩn số 0 dừng lại.

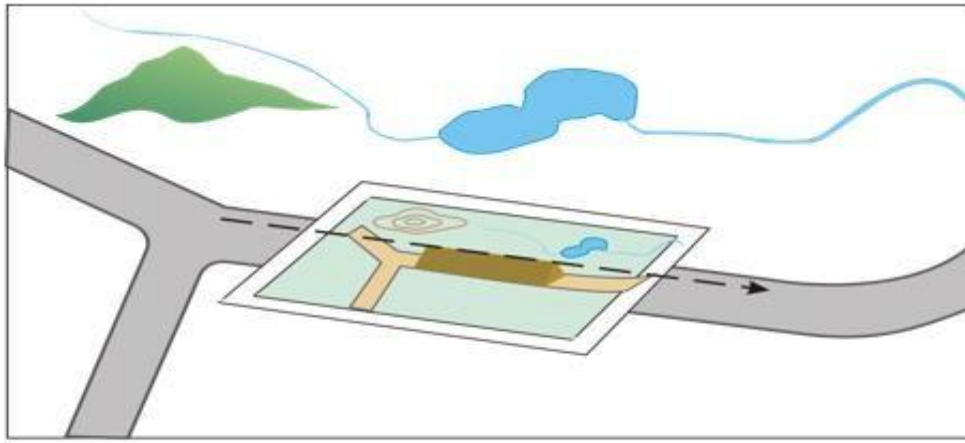
Như vậy bản đồ đã được định hướng.

- *Định hướng bản đồ bằng địa vật dài thẳng:*

- + Khi đang đứng trên 1 địa vật dài thẳng như con đường, bờ sông, nương máng, đường dây điện, đường ống nước, ống dầu... Địa vật có kí hiệu trên bản đồ. Lợi dụng địa vật để định hướng bản đồ cách làm như sau: Trải bản đồ lên vị trí bằng phẳng.

- + Đặt cho cạnh thước trùng lên kí hiệu địa vật dài thẳng trên bản đồ.

- + Xoay bản đồ cho hướng của thước trùng hoặc song song với hướng của địa vật tương ứng ngoài thực địa, như vậy bản đồ đã được định hướng (Hình 6.10).



Hình 6.10. Định hướng bản đồ dựa vào địa vật dài thẳng

Chú ý: Sau khi định hướng phải đối chiếu so sánh với 2 phía đầu địa vật dài. Nếu các kí hiệu trên bản đồ thống nhất với thực địa, nghĩa là bản đồ đã định hướng đúng và nếu chưa thống nhất là định hướng sai; phải xoay bản đồ ngược lại 180^0 bản đồ được định hướng.

Khi đứng ngoài địa vật dài thẳng phải xoay bản đồ cho hướng song song với hướng địa vật dài thẳng.

- *Định hướng bằng đường phương hướng giữa hai địa vật:*

Khi đang đứng trên một địa vật ở ngoài thực địa, địa vật có vẽ kí hiệu trên bản đồ, như vậy đã biết được điểm đứng. Quan sát ở thực địa chọn một địa vật thứ 2 có vẽ kí hiệu trên bản đồ. Đặt thước lên bản đồ sao cho hai kí hiệu trên bản đồ nằm một cạnh của thước, xoay bản đồ cho hướng của thước hướng tới địa vật thứ 2 ngoài thực địa.

Như vậy bản đồ đã được định hướng.

6.3.3.2. Xác định điểm đứng trên bản đồ

- Sau khi định hướng bản đồ phải xác định điểm đứng trên bản đồ, phải xác định vị trí đang đứng ở thực địa nằm ở vị trí nào trên bản đồ. Xác định điểm đứng trên bản đồ có 2 phương pháp cơ bản sau:

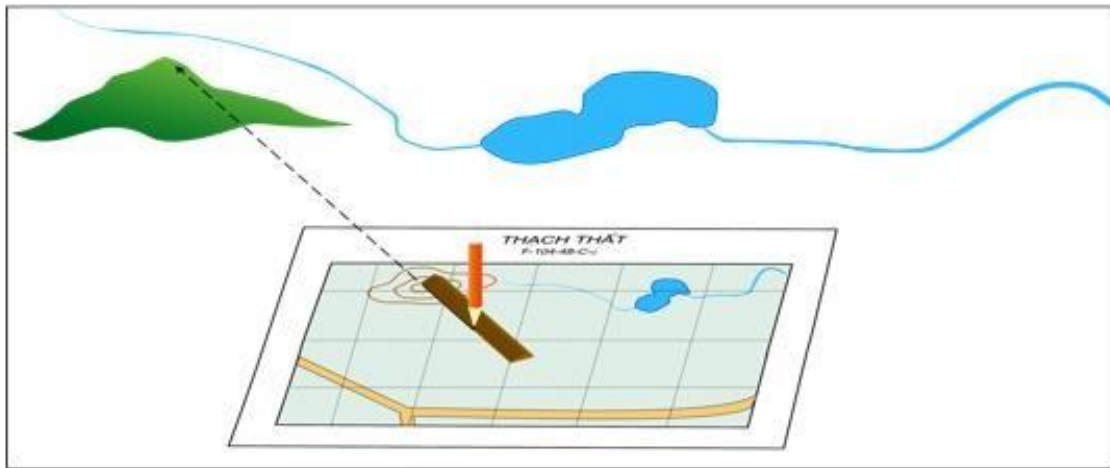
- *Phương pháp ước lượng cự li:*

+ Thứ tự động tác:

Quan sát thực địa chọn một đối tượng gần và rõ có vẽ kí hiệu trên bản đồ. Đặt cạnh thước qua vị trí chính xác của kí hiệu, xoay thước ngắm tới đối tượng ngoài thực địa, kẻ đường chỉ mờ theo cạnh thước về phía sau.

Dùng phương tiện đo hoặc ước lượng cự li từ vị trí đứng đến đối tượng ngoài thực địa.

Đổi cự li ngoài thực địa ứng với tỉ lệ trên bản đồ, lấy đoạn cự li theo tỉ lệ đo từ vị trí kí hiệu theo đường kẻ chỉ về phía sau, chấm trên đường kẻ để định điểm đứng.



Hình 6.11. Xác định điểm đứng bằng phương pháp ước lượng cự ly

+ Những điểm chú ý:

Quá trình thao tác không làm xô dịch bản đồ ảnh hưởng đến quá trình định hướng. Cần kết hợp chặt chẽ giữa phương pháp cơ bản và phương pháp phân tích địa hình để xác định điểm đứng một cách chính xác.

Vận dụng phương pháp ước lượng cự ly, khi vận động đi bộ trên đường hoặc bằng phương tiện cơ giới. Để xác định điểm đứng hành quân bằng căn cứ vào điểm xuất phát, đường vận động, thời gian, tốc độ vận động, dựa vào đồng hồ báo kilômét trên xe. Căn cứ vào cự li đã đi đối theo tỉ lệ bản đồ điểm xuất phát theo đường vận động sẽ tìm ra điểm đứng.

- *Phương pháp giao hội:*

+ Trường hợp 1: Khi đang vận động men theo đường hoặc một địa vật dài thẳng bất kì (có vẽ kí hiệu trên bản đồ).

Thứ tự tiến hành:

Quan sát trên thực địa tìm một đối tượng có vẽ kí hiệu trên bản đồ.

Đặt cạnh thước trùng vào điểm chính xác của kí hiệu; xoay thước ngắ tới địa vật ngoài thực địa. Kẻ đường chì mờ về phía sau. Giao điểm của đường chì vừa kẻ với kí hiệu của địa vật dài thẳng trên bản đồ là vị trí điểm đứng.

+ Trường hợp 2: Không đứng trên 1 địa vật dài.

Thứ tự tiến hành:

Quan sát ở thực địa chọn 2 đối tượng bản đồ có vẽ kí hiệu.

Lần lượt đặt thước vào vị trí chính xác của từng kí hiệu rồi xoay thước ngắ ra đối tượng ngoài thực địa.

Lần lượt kẻ đường chì mờ theo mép thước từng hướng về phía sau. Giao điểm của hai đường hướng kẻ là vị trí điểm đứng được xác định trên bản đồ.

Chú ý: Góc giao hội của hai đường hướng không được nhỏ hơn 30° hoặc lớn hơn 150° .

Để đạt độ chính xác cao, dùng đường hướng thứ ba kiểm tra. Nếu ba đường hướng cắt nhau tại một điểm là vị trí đứng đã được xác định chính xác. Nếu ba đường hướng tạo thành tam giác có cạnh nhỏ hơn 2mm thì điểm đứng lấy ở tâm của tam giác.

Nếu cạnh của tam giác lớn hơn 2mm phải xác định lại.

6.2.4. Đối chiếu bản đồ với thực địa

6.2.4.1. Phương pháp ước lượng cự li

- Trường hợp vận dụng: Phương pháp ước lượng cự li được tiến hành khi cần bổ sung các đối tượng xác định vị trí mục tiêu ở gần, ước lượng cự li chính xác.

- Thứ tự tiến hành:

+ Định hướng bản đồ, xác định điểm đứng lên bản đồ.

+ Đặt cạnh thước vào vị trí điểm đứng, xoay thước lần lượt ngắm đến từng đối tượng cần xác định. Kẻ các đường hướng theo cạnh thước về phía trước.

+ Dùng thước đo hoặc ước lượng cự li từ vị trí đứng đến đối tượng. Lấy đoạn cự li theo tỉ lệ bản đồ, đo từ vị trí điểm đứng lên phía trước theo các đường phương hướng đã kẻ để định vị trí đối tượng hoặc mục tiêu cần bổ sung. Nếu bổ sung địa vật dùng kí hiệu để vẽ vào bản đồ. Nếu xác định vị trí phải xác định vị trí và tọa độ.

6.2.4.2. Phương pháp giao hội

- Trường hợp vận dụng: Phương pháp giao hội thường được tiến hành khi cần bổ sung các đối tượng, xác định vị trí mục tiêu ở xa, ước lượng cự li khó chính xác.

- Thứ tự tiến hành:

+ Tại điểm đứng 1: Định hướng bản đồ; xác định điểm đứng lên bản đồ. Quan sát xác định đối tượng cần bổ sung hoặc mục tiêu cần xác định lên bản đồ.

Đặt cạnh thước tại điểm đứng, ngắm thước tới địa vật ngoài thực địa rồi kẻ đường phương hướng từ điểm đứng lên trên phía trước. Sau đó di chuyển đến điểm đứng thứ 2.

+ Điểm đứng thứ 2: Có thể chọn một điểm ngoài thực địa có vẽ kí hiệu trên bản đồ. Nếu không chọn được điểm ngoài thực địa thì tại điểm đứng 1 ngắm tới vị trí cần đến rồi kẻ một đường hướng tới đó căn cứ vào cự li chấm điểm đứng 2 lên bản đồ.

+ Tại điểm đứng 2: Tiến hành các bước tương tự như ở điểm đứng 1. Điểm giao nhau của 2 đường kẻ từ 2 điểm đứng là vị trí của đối tượng cần bổ sung hoặc mục tiêu cần xác định.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Nêu khái niệm, ý nghĩa, phân loại, đặc điểm, công dụng, cơ sở toán học bản đồ địa hình quân sự? Cách chấp, ghép, dán gấp bản đồ.

Câu 2. Phương pháp đo diện tích, cự li và xác định, chỉ thị mục tiêu trên bản đồ.

Câu 4. Cách xác định tọa độ chỉ thị mục tiêu, xác định điểm đứng trên bản đồ và đối chiếu bản đồ với thực địa.

Bài 7

PHÒNG TRÁNH ĐỊCH TIỀN CÔNG HỎA LỰC BẰNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO

7.1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh

7.1.1. Khái niệm

- Vũ khí công nghệ cao là vũ khí được nghiên cứu, thiết kế, chế tạo dựa trên những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, có sự nhảy vọt về chất lượng và tính năng kỹ thuật, chiến thuật.

- Khái niệm trên được thể hiện một số nội dung chính sau:

+ Vũ khí công nghệ cao được nghiên cứu, thiết kế chế tạo dựa trên những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại.

+ Có sự nhảy vọt về chất lượng và tính năng kỹ thuật, chiến thuật.

7.1.2. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao

- Vũ khí công nghệ cao có một số đặc điểm nổi bật đó là:

+ Hiệu suất của vũ khí, phương tiện tăng gấp nhiều lần so với vũ khí, phương tiện thông thường; hàm lượng tri thức, kỹ năng tự động hóa cao; tính cạnh tranh cao, được nâng cấp liên tục.

+ Vũ khí công nghệ cao hay còn gọi là vũ khí “thông minh”, vũ khí “tinh khôn” bao gồm nhiều chủng loại khác nhau như: Vũ khí hủy diệt lớn (hạt nhân, hóa học, sinh học...), vũ khí được chế tạo dựa trên những nguyên lý kỹ thuật mới (vũ khí chùm tia, vũ khí laze, vũ khí chùm hạt, pháo điện từ...).

+ Thế kỷ XXI vũ khí “thông minh” dựa trên cơ sở tri thức sẽ trở nên phổ biến.

Diễn hình là đạn pháo, đạn cối điều khiển bằng laze, ra đa bằng hồng ngoại.

+ Bom, mìn, “thông minh” kết hợp với các thiết bị trinh thám để tiêu diệt mục tiêu.

+ Tên lửa “thông minh” có thể tự phân tích, phán đoán và ra quyết định tấn công tiêu diệt.

+ Súng “thông minh” do máy tính điều khiển có thể tự động nhận biết chủ nhân, có nhiều khả năng tác chiến khác nhau, vừa có thể bắn đạn thông thường hoặc phóng lựu đạn.

+ Xe tăng “thông minh” có thể vượt qua các chướng ngại vật, nhận biết đặc trưng khác nhau của mục tiêu, mức độ uy hiếp của mục tiêu và điều khiển vũ khí tiến công mục tiêu, nhờ đó có hỏa lực và sức đột kích rất mạnh,...

Tóm lại, vũ khí công nghệ cao có những đặc điểm nổi bật sau: Khả năng tự động hóa cao; tầm bắn (phóng) xa; độ chính xác cao, uy lực sát thương lớn.

7.1.3. Thủ đoạn bắn phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh

- Tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao là phương thức tiến hành của chiến tranh kiểu mới đồng thời là biện pháp tác chiến của địch. Thực tế trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, chủ nghĩa đế quốc đã khai thác các thành tựu khoa học và công nghệ mới nhất để chế tạo các kiểu vũ khí hiện đại hòng giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh như: công nghệ hồng ngoại, công nghệ nhìn đêm, công nghệ gây nhiễu. Nhiều loại vũ khí “thông minh” ra đời và được sử dụng lần đầu tiên trong chiến tranh Việt Nam...Tuy nhiên, cuộc chiến tranh Việt Nam đã chứng kiến sự thất bại thảm hại của địch trong việc sử dụng các loại vũ khí hiện đại nhất lúc đó trước trí thông minh, sự sáng tạo và lòng dũng cảm vô song của con người Việt Nam.

- Chiến tranh tương lai (nếu xảy ra) đối với đất nước ta, địch sẽ sử dụng phương thức tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao là chủ yếu. Nhằm mục đích giành quyền làm chủ trên không, làm chủ chiến trường, phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, đánh quỵ khả năng chống trả của đối phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng tiến công trên bộ, trên biển, đổ bộ đường không và các hoạt động bạo loạn lật đổ của lực lượng phản động nội địa trong nước, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho nhân dân. Qua đó gây sức ép về chính trị để đạt mục tiêu chính trị hoặc buộc chúng ta phải chấp nhận điều kiện chính trị do địch đặt ra.

- Nếu chiến tranh xảy ra trên đất nước ta, có thể xuất phát từ nhiều hướng: trên bộ, trên không, từ biển vào, có thể diễn ra cùng một lúc ở chính diện và trong chiều sâu, trên phạm vi toàn quốc với một nhịp độ cao, cường độ lớn ngay từ đầu và trong suốt quá trình chiến tranh. Tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao của chủ nghĩa đế quốc vào Việt Nam (nếu xảy ra) có thể là một giai đoạn trước khi đưa quân đổ bộ đường biển hoặc đưa quân tiến công trên bộ, với quy mô và cường độ ác liệt từ nhiều hướng, vào nhiều mục tiêu cùng một lúc. Đánh phá ác liệt từng đợt lớn, dồn dập, kết hợp với đánh nhỏ lẻ liên tục ngày đêm, có thể kéo dài vài giờ hoặc nhiều giờ, có thể đánh phá trong một vài ngày hoặc nhiều ngày...

Nghiên cứu, khảo sát một số cuộc chiến tranh cục bộ gần đây, địch sử dụng vũ khí công nghệ cao ngày càng nhiều (vùng Vịnh lần thứ nhất vũ khí công nghệ cao 10%, chiến dịch “Con Cáo sa mạc” 50%, Nam Tư 90%).

- Trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh, ngày 17/1/1991 Mỹ phóng 45 quả tên lửa hành trình Tomahawk có 7 quả bị hỏng, 1 quả bị lực lượng phòng không bắn rơi còn 37 quả trúng mục tiêu, tỷ lệ 67%. Trong chiến dịch “Con Cáo sa mạc” từ ngày 16 đến ngày 19/12/1998 Mỹ sử dụng 650 lần/chiếc máy bay phóng 415 quả tên lửa hành trình trong đó có 325 quả tên lửa Tomahawk phóng từ tàu biển, 90 quả AGM - 86 phóng từ máy bay, dự kiến khả năng 100/147 mục tiêu của Iraq bị phá hủy. Tuy nhiên tên lửa hành trình của Mỹ và liên quân chỉ đánh trúng khoảng 20%, vì Iraq có kinh nghiệm phòng tránh.

- Chiến tranh Irắc lần hai (2003) chỉ sau 27 ngày đêm tiến công, Mỹ, Anh đã thực hiện 34.000 phi vụ, phóng hơn 1.000 quả tên lửa hành trình các loại, trong đó có hơn 800 quả tên lửa Tomahawk, hơn 14.000 bom đạn có điều khiển chính xác. Từ những khảo sát thực tế trên, rút ra một số điểm mạnh và yếu của vũ khí công nghệ cao như sau:

- Điểm mạnh:

- + Độ chính xác cao, uy lực sát thương lớn, tầm hoạt động xa.
- + Có thể hoạt động trong những vùng nhiễu, thời tiết phức tạp, ngày, đêm, đạt hiệu quả cao hơn hàng chục đến hàng trăm lần so với vũ khí thông thường.
- + Một số loại vũ khí công nghệ cao được gọi là vũ khí “thông minh” có khả năng nhận biết địa hình và đặc điểm mục tiêu, tự động tìm diệt...

- Điểm yếu:

- + Thời gian trinh sát, xử lý số liệu để lập trình phương án đánh phá phức tạp, nếu mục tiêu “thay đổi” dễ mất thời cơ đánh phá.
- + Dựa hoàn toàn vào các phương tiện kỹ thuật, dễ bị đối phương đánh lừa.
- + Một số loại tên lửa hành trình có tầm bay thấp, tốc độ bay chậm, hướng bay theo quy luật... dễ bị bắn hạ bằng vũ khí thông thường.
- + Tác chiến công nghệ cao không thể kéo dài vì quá tốn kém. Dễ bị đối phương tập kích vào các vị trí triển khai của vũ khí công nghệ cao.
- + Dễ bị tác động bởi địa hình, thời tiết, khí hậu dẫn đến hiệu quả thực tế khác với lý thuyết. Do đó, nên hiểu đúng về vũ khí công nghệ cao, không quá đề cao, tuyệt đối hóa vũ khí công nghệ cao dẫn đến tâm lý hoang mang khi đối mặt. Ngược lại, cũng không nên coi thường dẫn đến chủ quan mất cảnh giác.

7.2. Một số biện pháp phòng tránh vũ khí công nghệ cao của địch

7.2.1. Biện pháp thụ động

7.2.1.1. Phòng tránh trinh sát của địch

Hệ thống trinh sát, phát hiện và giám sát mục tiêu là một trong những hệ thống bảo đảm quan trọng nhất của vũ khí công nghệ cao. Muốn làm tốt công tác phòng tránh trinh sát của địch trước tiên cần xác định rõ ý thức phòng tránh trinh sát, sau đó mới áp dụng các biện pháp, phương pháp đối phó cho phù hợp, cụ thể:

- Làm hạn chế đặc trưng của mục tiêu:

Hệ thống trinh sát hiện đại khi thực hành trinh sát đều thông qua việc tìm kiếm các đặc trưng vật lý do mục tiêu bộc lộ để phát hiện. Vì vậy, sử dụng các thủ đoạn chiến thuật, kỹ thuật giảm thiểu đặc trưng vật lý của mục tiêu, xóa bỏ sự khác biệt giữa mục tiêu với môi trường xung quanh là sự vận dụng và phát triển của kỹ thuật ngụy trang truyền thống. Sử dụng các biện pháp kỹ thuật giảm bớt các đặc trưng ánh sáng, âm thanh, điện từ, bức xạ hồng ngoại... của mục tiêu là có thể giấu kín được mục tiêu.

- *Che giấu mục tiêu:*

Lợi dụng môi trường tự nhiên như địa hình, địa vật, rừng cây, bụi cỏ... để che giấu mục tiêu, có thể làm suy giảm thậm chí ngăn chặn được trinh sát của địch. Trinh sát bằng quang học, hồng ngoại và laze là 3 kỹ thuật trinh sát chủ yếu của vệ tinh và máy bay trinh sát, các mục tiêu được che đây, ở hang động, gầm cầu là những nơi che giấu có hiệu quả, đồng thời lợi dụng đêm tối, sương mù, màn mưa, để che giấu âm thanh, ánh sáng, điện từ, nhiệt; kiểm soát chặt chẽ việc mở máy hoặc phát xạ sóng điện từ của radar và thiết bị thông tin liên lạc.

- *Ngụy trang mục tiêu:*

Ngày nay khi mà kỹ thuật trinh sát không ngừng phát triển thì việc sử dụng một cách khoa học các khí tài ngụy trang như màn khói, lưới ngụy trang, nghi binh, nghi trang... là một biện pháp tránh trinh sát hữu hiệu và kinh tế. Ngụy trang hiện đại là trên cơ sở ngụy trang truyền thống sử dụng kỹ thuật thay đổi hình dạng... Thông qua việc làm thay đổi tần phổ quang học hoặc phản xạ điện từ và đặc tính bức xạ nhiệt của mục tiêu khiến chúng gần như hòa nhập vào môi trường xung quanh.

Tổ chức tốt việc nghi binh đánh lừa địch:

Nghi binh là hành động tạo hiện tượng giả để đánh lừa đối phương. Nếu tổ chức tạo ra các hành động tác chiến giả một cách có kế hoạch, có mục đích để phân tán, làm suy yếu khả năng trinh sát của địch, có thể làm cho địch nhận định sai, dẫn đến sai lầm từ đó ta có thể kiểm chế, điều động được địch.

Theo phạm vi không gian, có thể chia nghi binh thành các loại sau:

Nghi binh chính diện, nghi binh bên sườn, nghi binh trung tâm, nghi binh trên bộ, nghi binh trên không, nghi binh trên biển...

Theo mục đích có thể chia nghi binh để thể hiện sức mạnh, nghi binh để tỏ ra yếu kém, nghi binh để hiện thế, nghi binh tiến công, nghi binh rút lui.

Kỹ thuật quân sự hiện đại đã tạo ra nhiều thủ đoạn nghi binh mới, ngoài nghi binh về binh lực, còn có nghi binh về hỏa lực, nghi binh điện tử và các nghi binh kỹ thuật khác. Ví dụ: Nghi binh vô tuyến điện bằng các phương pháp xây dựng mạng lưới vô tuyến điện giả, tổ chức các đối tượng liên lạc giả, thực hiện các cuộc thông tin liên lạc vô tuyến điện giả, phát các cuộc điện báo, điện thoại với nội dung giả... ngoài ra tổ chức tốt các cuộc bày giả. Nhằm đúng vào đặc điểm và nhược điểm của hệ thống trinh sát địch, kết hợp với điều kiện tự nhiên như địa hình, địa vật, đặt các loại mục tiêu giả để làm thay đổi cục bộ của môi trường, chiến trường, từ đó đánh lừa, mê hoặc đối phương. Ví dụ: Cần phải có mục tiêu giả, mục tiêu thật; khi cần di chuyển các mục tiêu cần phải tiến hành di chuyển cùng một lúc cả cái thực và cái giả và quy mô cái thực và cái giả cũng phải ngang nhau.

7.2.1.2. Dụ địch đánh những mục tiêu có giá trị thấp làm chúng tiêu hao lớn

+ Lợi dụng đặc điểm của vũ khí công nghệ cao là giá thành cao, lượng sử dụng có hạn, chúng ta có thể sử dụng mục tiêu giá trị thấp để làm phân tán lực lượng địch và gây tiêu hao

lớn cho chúng. Ví dụ giá một chiếc máy bay tàng hình F-117A lên tới vài chục triệu đô la Mỹ; giá một quả tên lửa hành trình cũng lên tới hàng triệu đô la Mỹ... + Nếu ta sử dụng vũ khí trang bị cũ hoặc mục tiêu giả để dụ địch tiến công sẽ gây tiêu hao lớn cho chúng, làm giảm bớt lượng vũ khí công nghệ cao của địch, đồng thời làm giảm bớt lòng tin khiến chúng không dám mạo hiểm tiếp tục sử dụng vũ khí công nghệ cao trên quy mô lớn.

+ Trong cuộc chiến tranh Côxôvô, địa hình, địa vật phức tạp của Nam Tư kết hợp với thời tiết mùa xuân ẩm ướt, âm u, rừng cây rậm rạp đã khiến cho hệ thống vũ khí công nghệ cao của NATO bộc lộ một số nhược điểm như khả năng nhận biết mục tiêu, khả năng định vị, dẫn đến đánh nhầm, đánh không chính xác, đánh vào mục tiêu giả ngày càng tăng, khiến chúng bị tiêu hao ngày càng lớn.

7.2.1.3. Tổ chức, bố trí lực lượng phân tán, có khả năng tác chiến độc lập

Tổ chức, bố trí lực lượng phân tán là thu nhỏ quy mô các lực lượng lớn, bố trí theo nhu cầu, mỗi đơn vị thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ phòng thủ, tiến công, cơ động, chi viện...

Bố trí phân tán lực lượng không theo quy tắc, xây dựng khu vực tác chiến du kích xen kẽ nhỏ lẻ, đa năng, nhưng sẵn sàng tập trung khi cần thiết. Bố trí như vậy sẽ giảm thiểu tổn thất khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.

Khả năng chiến đấu độc lập và tập trung cao sẽ giảm bớt sự chi viện của lực lượng dự bị, như vậy sẽ tránh được tổn thất cho lực lượng dự bị.

Bố trí phân tán sẽ tăng thêm khó khăn cho đối phương trong việc trinh sát phát hiện mục tiêu, phán đoán tình hình và xác định phạm vi đánh, làm giảm hiệu quả tác chiến của địch.

7.2.1.4. Kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng, đô thị với xây dựng hầm ngầm để tăng khả năng phòng thủ

Trong quá trình xây dựng đất nước những năm gần đây, hầu hết các địa phương trong cả nước đã có sự phát triển vượt bậc về kinh tế, đời sống xã hội có nhiều thay đổi, các thành phố ngày càng mở rộng, cơ sở hạ tầng phát triển, các khu trung tâm kinh tế - công nghiệp phát triển, nhiều khu đô thị mới ra đời với tốc độ nhanh, mật độ dân cư ngày càng cao. Cùng với sự phát triển chung đó chúng ta cần quan tâm đúng mức đến phát triển cơ sở hạ tầng như điện, đường, kho trạm... Đồng thời chúng ta cũng không nên xây dựng các thành phố quá đông dân cư, các khu công nghiệp tập trung mà xây dựng nhiều thành phố vệ tinh và tập trung phát triển mạng giao thông.

Xây dựng đường cao tốc phải kết hợp tạo ra những đoạn đường máy bay có thể cất, hạ cánh. Xây dựng cầu phải kết hợp cả việc sử dụng các bến phà, bến vượt, trong tương lai chúng ta sẽ xây dựng đường xe điện ngầm ở các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... Xây dựng các nhà cao tầng phải tính đến số lượng tầng cao để giảm bớt tổn thất trong chiến tranh; các công trình lớn của quốc gia như: nhà quốc hội, nhà trung tâm hội nghị quốc gia, văn phòng của các bộ, ngành... phải có tầng hầm, thời bình làm kho, nhà để xe, thời chiến

làm hầm ẩn nấp. Xây dựng các nhà máy thủy điện phải tính đến phòng chống máy bay phá đập gây lũ lụt.

7.2.2. Biện pháp chủ động

7.2.2.1. Gây nhiễu các trang bị trinh sát của địch, làm giảm hiệu quả trinh sát

Gây nhiễu là một biện pháp cơ bản trong đối kháng trinh sát, nhằm làm giảm hoặc suy yếu hiệu quả các thiết bị trinh sát của địch, khiến chúng không thể phát huy tác dụng. Một số biện pháp gây nhiễu có thể vận dụng:

- Tích cực phá hoại hệ thống trinh sát của địch:

Có thể sử dụng đòn tiến công của tên lửa đất đối không, đòn tập kích của binh lực mặt đất hoặc tiến hành gây nhiễu điện tử, hạn chế và phá hoại trinh sát kỹ thuật của địch. Tổ chức bắn rơi máy bay trinh sát điện tử của địch sẽ hạn chế rất nhiều việc sử dụng vũ khí điều khiển chính xác của chúng.

- Sử dụng tổng hợp nhiều thủ đoạn thực hiện gây nhiễu chế áp lại địch:

Nhưng phải chuẩn bị chu đáo, nhất là thời cơ và đối tượng gây nhiễu, bởi vì khi gây nhiễu cũng chính là lúc ta bị bộc lộ, địch sẽ trinh sát định vị lại ta, ta cần bố trí các đài gây nhiễu ở nơi hiểm yếu và di chuyển liên tục. Lập các mạng, các trung tâm thông tin giả hoạt động đồng thời với thông tin thật để thu hút hoạt động trinh sát và chế áp điện tử của địch, che giấu công tác thực của ta.

- Hạn chế năng lượng bức xạ từ về hướng ăng ten thu trinh sát của địch:

Bằng cách sử dụng công suất phát hợp lý, chọn vị trí đặt ăng ten sao cho có địa hình che chắn về phía địch trinh sát, phân bố mật độ liên lạc hợp lý, không tạo dấu hiệu bất thường, thay đổi thường xuyên quy ước liên lạc, mã hóa các nội dung điện, chọn tần số gần tần số làm việc của địch; tăng công suất máy phát, sử dụng ăng ten có hệ số khuếch đại cao, rút ngắn cự li thông tin.

- Dùng hỏa lực hoặc xung lực đánh vào những chỗ hiểm yếu, nhằm phá hủy các đài phát, tiêu diệt nguồn gây nhiễu của địch.

7.2.2.2. Nắm chắc thời cơ, chủ động đánh địch từ xa, phá thế tiến công của địch

- Cần phải trinh sát nắm địch chặt chẽ, chính xác và có quyết tâm sử dụng lực lượng hợp lý, nhất là phát huy khả năng của lực lượng vũ trang địa phương, lực lượng Đặc công, Pháo binh chuyên trách tiến công địch.

- Sử dụng tổng hợp các loại vũ khí có trong biên chế của lực lượng phòng không 3 thứ quân, kết hợp sử dụng vũ khí thô sơ, vũ khí tương đối hiện đại để đánh địch, rèn luyện ý chí chiến đấu quyết đánh và quyết thắng vũ khí công nghệ cao của địch.

- Huấn luyện nâng cao trình độ cho các lực lượng phòng không ba thứ quân. Làm cho mỗi người lính, mỗi người dân biết sử dụng thành thạo các vũ khí có trong tay để bắn rơi máy bay

và tên lửa địch trong tầm bắn hiệu quả khi nó bay qua khu vực đóng quân của đơn vị mình, địa phương mình.

- Thực hiện tốt các giải pháp nêu trên, dù kẻ địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao từ hướng nào, khu vực nào, sử dụng vũ khí công nghệ cao đến mức nào chúng ta cũng đánh trả có hiệu quả làm vô hiệu hóa vũ khí công nghệ cao của địch, đập tan ý định xâm lược của kẻ thù.

7.2.2.3. Lợi dụng đặc điểm đồng bộ của hệ thống vũ khí công nghệ cao, đánh vào mắt xích then chốt

- Tập trung lực lượng đánh vào những hệ thống có tác dụng bảo đảm và điều hành, gây ra sự hỗn loạn và làm mất khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao hoặc sự phối hợp nhịp nhàng giữa hệ thống vũ khí công nghệ cao với các hệ thống vũ khí thông thường khác.

- Mặt khác, vũ khí công nghệ cao có thể đồng thời cả trên bộ, trên biển và trên không, do vậy phải tổ chức đánh địch từ xa. Sử dụng các thủ đoạn tập kích, đặc biệt có thể sử dụng đặc công, pháo binh chuyên trách, dân quân tự vệ tập kích, phá hoại vùng địch hậu, tập kích tung thâm... phá hủy các hệ thống phóng, hệ thống bảo đảm hoặc các căn cứ trọng yếu của chúng, khiến chúng bị tê liệt khi tác chiến.

- Có thể lợi dụng thời tiết khắc nghiệt như mưa, sương mù, bão, gió... để tập kích vào các hệ thống vũ khí công nghệ cao.

7.2.2.4. Cơ động phòng tránh nhanh, đánh trả kịp thời chính xác

- Khi cơ động phòng tránh phải thực hiện tốt các yêu cầu bí mật, cơ động nhanh, đến đúng địa điểm, thời gian và sẵn sàng chiến đấu cao.

- Để thực hiện được mục đích đó, công tác chuẩn bị phải chu đáo, có kế hoạch cơ động, di chuyển chặt chẽ. Khi cơ động phải tận dụng địa hình, rừng cây, khe suối... hạn chế khả năng trinh sát phát hiện bằng các phương tiện trinh sát hiện đại của địch.

Xác định nhiều đường cơ động, có đường chính, đường dự bị, đường nghi binh và tổ chức nguy trang.

- Phòng tránh đánh trả địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao là vận dụng tổng hợp các giải pháp, biện pháp, các hoạt động một cách có tổ chức, của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong chuẩn bị và thực hành phòng tránh, đánh trả bảo đảm an toàn cho nhân dân và các thành phần lực lượng, giữ vững sản xuất, đời sống, sinh hoạt, an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội.

- Phòng tránh đánh trả địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao là hai mặt của một vấn đề, có quan hệ, tác động lẫn nhau một cách biện chứng, đan xen nhau. Phòng tránh tốt là điều kiện để đánh trả có hiệu quả. Đánh trả có hiệu quả tạo điều kiện để phòng tránh an toàn và chúng ta cần hiểu rằng trong phòng tránh có đánh trả, trong đánh trả có phòng tránh. Như vậy phòng tránh tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch là một biện pháp có ý nghĩa chiến lược để bảo toàn lực lượng, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản, là một yếu tố quan trọng để giành thắng lợi.

- Những kinh nghiệm tổ chức phòng tránh trong chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của địch trước đây và các cuộc chiến tranh gần đây của Mỹ và đồng minh vào Irắc, Nam Tư... là những kinh nghiệm rất bổ ích, chúng ta có cơ sở để tin tưởng rằng chúng ta sẽ tổ chức tốt công tác phòng tránh tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch trong tình hình mới.

- Đối với đánh trả tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch, nhằm tiêu diệt, phá thế tiến công của địch, bảo vệ chủ quyền, bảo vệ các mục tiêu quan trọng của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ sản xuất,... Đánh trả có hiệu quả là vấn đề cốt lõi nhất của phòng tránh, đánh trả, là biện pháp tích cực nhất, chủ động nhất để bảo vệ chủ quyền đất nước, bảo vệ mục tiêu, bảo toàn lực lượng chiến đấu.

- Với điều kiện và khả năng của ta, việc tổ chức đánh trả phải có trọng điểm, đúng đối tượng, đúng thời cơ. Đánh trả địch bằng mọi lực lượng, mọi loại vũ khí, trang bị, thực hiện đánh rộng khắp, từ xa đến gần, ở các độ cao, các hướng khác nhau. Ta đánh địch bằng sức mạnh tổng hợp, ta đánh địch bằng thế, thời, lực, mưu,...

- Về phương pháp chúng ta phải kết hợp chặt chẽ giữa đánh địch với cơ động, nguy trang, nghi binh, phòng tránh bảo tồn lực lượng. Về lực lượng, chúng ta có lực lượng phòng không ba thứ quân và không quân, lực lượng pháo binh, tên lửa, lực lượng đặc công... và hỏa lực súng bộ binh tham gia.

- Với những thành phần như vậy, có thể đánh các mục tiêu trên không, các mục tiêu mặt đất, mặt nước nơi xuất phát các đòn tiến công hỏa lực của địch, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Trong đó, tổ chức xây dựng thế trận phòng tránh đánh trả tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch đáp ứng yêu cầu hiểm, chắc, có chiều sâu, cơ động linh hoạt, rộng khắp, kết hợp với thế trận khu vực phòng thủ địa phương. Phải xác định các khu vực, mục tiêu bảo vệ trọng điểm, đối tượng đánh trả, khu vực đánh trả, hướng đánh trả chủ yếu cho các lực lượng tham gia đánh trả.

- Trong thực hành đánh trả địch, phải vận dụng một cách linh hoạt các hình thức tác chiến, chiến thuật, phương pháp hoạt động chiến đấu khác nhau cho từng lực lượng, như lực lượng phòng không ba thứ quân có thể vừa chốt bảo vệ mục tiêu, vừa cơ động phục kích đón lõng, kết hợp vừa phòng tránh vừa đánh trả. Đối với lực lượng không quân, pháo binh, tên lửa, hải quân có thể vận dụng linh hoạt các phương pháp tác chiến của quân, binh chủng có hiệu quả nhất, phù hợp với điều kiện tình hình địch, ta như đánh chặn, đánh đòn tập kích, đánh hiệp đồng.

- Ngoài những vấn đề trên, chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống phòng thủ dân sự, đây là nhiệm vụ chiến lược rất quan trọng của nền quốc phòng toàn dân, là hệ thống các biện pháp phòng thủ quốc gia. Từng địa phương và cả nước, được tiến hành trong thời bình và thời chiến, nhằm bảo vệ nhân dân, bảo vệ nền kinh tế, duy trì sản xuất và đời sống nhân dân trong đó bảo vệ nhân dân là nội dung quan trọng nhất. Nếu việc tổ chức phòng thủ dân sự không tốt, không có giải pháp để phòng chống vũ khí công nghệ cao, không những chỉ tổn thất về người

mà còn dẫn đến hoang mang, dao động, giảm sút ý chí quyết tâm kháng chiến của mỗi người dân, từng địa phương và cả nước.

- Ngày nay, nếu cuộc chiến tranh xảy ra sẽ là cuộc chiến tranh sử dụng vũ khí công nghệ cao, diễn ra trên không gian nhiều chiều, tiền tuyến và hậu phương không phân định rõ ràng như trước đây. Do vậy, ở thành phố, thị xã, thị trấn nơi tập trung đông dân cư và các cơ sở kinh tế lớn chủ yếu là sơ tán, còn các trọng điểm khác có thể phân tán, sơ tán gần. Các cơ sở sản xuất lớn của Trung ương có thể phải sơ tán xa hơn, chủ yếu dựa vào các hang động ở rừng núi để sản xuất phục vụ chiến tranh. - Hệ thống công trình phòng thủ dân sự gồm hệ thống hầm hố ẩn nấp cho cá nhân, cho các hộ gia đình, các công trình bảo đảm sản xuất, bảo đảm sinh hoạt, bảo đảm lương thực, thực phẩm của tập thể, hộ gia đình triển khai ở các cơ quan, nhà ga, bến cảng, kho nhiên liệu, xăng dầu được tiến hành ngay từ thời bình thông qua kế hoạch kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế ở từng địa phương và trong phạm vi cả nước.

*** Kết luận:**

Phương thức phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao là một vấn đề lớn của cả đất nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Để phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao trong chiến tranh tương lai có hiệu quả, đòi hỏi phải có sự tham gia của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị trên tất cả các lĩnh vực từ nhận thức đến hành động. Luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng phòng chống địch tiến công hỏa lực có hiệu quả trong mọi tình huống. Mọi công tác chuẩn bị của các cấp, các ngành và của người dân phải được chuẩn bị ngay từ thời bình, chống chủ quan, coi nhẹ, luôn luôn theo dõi chặt chẽ, đánh giá đúng, chính xác âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao và những phát triển mới về vũ khí trang bị, phương pháp tác chiến trong chiến tranh tương lai của địch. Công tác chuẩn bị phải chu đáo từ thể trận phòng tránh, đánh trả, đến công tác huấn luyện, diễn tập cách phòng chống tiến công hỏa lực của địch bằng vũ khí công nghệ cao.

Với kinh nghiệm và truyền thống, với sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, trong điều kiện mới chúng ta tin tưởng ta có đầy đủ khả năng để đối phó với tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trong phòng tránh vũ khí công nghệ cao bằng biện pháp thụ động tại sao phải tổ chức bố trí lực lượng phân tán.
2. Anh (chị) hiểu thế nào về mối quan hệ giữa cơ động phòng tránh với đánh trả tiến công bằng vũ khí công nghệ cao.

Bài 8

BA MÔN QUÂN SỰ PHỐI HỢP

8.1. Điều lệ chung

8.1.1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu

8.1.1.1. Đặc điểm

- Thi đấu ba môn thể thao quân sự phối hợp (thể thao quốc phòng) được tiến hành theo các bài tập nằm trong chương trình giáo dục quốc phòng, mục đích của thi đấu ba môn thể thao quân sự phối hợp là giáo dục cho học sinh, sinh viên có ý chí quyết tâm giành thắng lợi, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo khả năng thực hiện các bài tập đa dạng, sức chịu đựng cường độ thể lực và sự căng thẳng về tâm lý trong quá trình thi đấu thể thao.

- Thi đấu ba môn quân sự phối hợp là một trong những hình thức để xác định chất lượng huấn luyện thể lực và tình hình hoạt động thể thao của nhà trường. Để thi đấu đạt kết quả tốt, học sinh, sinh viên phải luyện tập và hoàn thành những yêu cầu về chỉ tiêu rèn luyện quy định cho các lứa tuổi và đối tượng.

- Thi đấu ba môn quân sự phối hợp có thể tiến hành thi cá nhân, đồng đội, trong thi đấu cá nhân phải xác định kết quả thành tích, vị trí cho tất cả những người dự thi. Trong thi đấu đồng đội lấy kết quả của các cá nhân tổng hợp thành kết quả đồng đội rồi dựa vào đó xếp hạng cho từng đội. Thi cá nhân, đồng đội là đồng thời xác định kết quả của cá nhân và của đồng đội rồi xếp hạng cho cá nhân và đồng đội.

8.1.1.2. Điều kiện thi đấu

- Thi đấu ba môn quân sự phối hợp, đấu thủ tham gia cuộc thi phải bảo đảm đủ các điều kiện.

- Hiểu, nắm vững quy tắc và đã được luyện tập thường xuyên.

- Có chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe của bác sỹ.

8.1.2. Trách nhiệm và quyền hạn của người dự thi

8.1.2.1. Trách nhiệm của người dự thi

- Người dự thi phải hiểu điều lệ, quy tắc cuộc thi và nghiêm túc thực hiện điều lệ quy tắc thi đấu.

- Có mặt đúng thời gian tại cuộc thi cùng trang bị, trang phục đã quy định, thẻ hoặc giấy chứng nhận thi đấu và tuân thủ đúng quy chế thi đấu.

- Thực hiện đúng hướng dẫn của trọng tài.

- Tuân thủ nghiêm quy tắc quản lý, sử dụng súng và đạn.

8.1.2.2. Quyền hạn của người dự thi

- Được bắn thử để kiểm tra súng, luyện tập và thực hiện các bài tập ở những địa điểm đã quy định của hội đồng trọng tài.

- Chỉ khi thật cần thiết mới được phép báo cáo trực tiếp với trọng tài những vấn đề có liên quan đến việc tiến hành cuộc thi, trong các trường hợp khác nếu có yêu cầu gì đối với trọng tài thì dùng lời nói hoặc làm văn bản báo cáo với đoàn trưởng (đội trưởng) chuyển lên hội đồng trọng tài.

8.1.3. Trách nhiệm, quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng)

Mỗi đoàn (đội) dự thi nhất thiết phải có cán bộ có phẩm chất, tư cách vững vàng và hiểu biết sâu sắc về chuyên môn làm đoàn trưởng. Đoàn trưởng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về kỷ luật của các đấu thủ khi ở địa điểm thi đấu cũng như tại nơi ở và bảo đảm cho mỗi đấu thủ hoặc đội vào thi đấu kịp thời. Khi vắng đoàn trưởng thì đội trưởng thay thế. Khi đội trưởng vắng phải chỉ định một trong các đấu thủ thay mặt để chỉ huy đội.

Đoàn trưởng (đội trưởng) có nhiệm vụ nộp cho Hội đồng trọng tài danh sách thi đấu thủ dự bị và những tài liệu cần thiết cho điều lệ, quy tắc cuộc thi quy định.

8.1.3.1. Trách nhiệm của đoàn trưởng (đội trưởng)

Đoàn trưởng (đội trưởng) phải nắm chắc:

- Hiểu và thực hiện điều lệ, quy tắc và quy chế của cuộc thi.
- Bảo đảm kịp thời đưa đoàn (đội) đến địa điểm thi đấu với trang phục, súng đạn cần thiết đã quy định, chịu trách nhiệm trước nhà trường về việc bảo đảm an toàn mọi mặt của đoàn (đội) mình.
- Thường xuyên có mặt ở địa điểm thi đấu và chỉ được tạm vắng khi tổng trọng tài hoặc phó tổng trọng tài cho phép.
- Thông báo cho các đấu thủ của đoàn (đội) mình các quyết định của Hội đồng trọng tài những thay đổi về thời gian, chương trình thi đấu của cuộc thi...
- Báo cáo với Hội đồng trọng tài về những thay đổi trong đăng ký và những đấu thủ do tình trạng sức khỏe không thể tiếp tục thi đấu được.
- Tham dự cuộc họp của Hội đồng trọng tài với quyền hạn tư vấn và tham dự bốc thăm.

8.1.3.2. Quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng)

- Chuyển đến Hội đồng trọng tài những khiếu nại của đoàn (đội).
- Đề nghị Hội đồng trọng tài kiểm tra và giải thích kết quả thi đấu sau khi đã thông báo sơ bộ về thành tích.
- Đoàn trưởng (đội trưởng) không được phép can thiệp vào công việc của trọng tài và cũng không được tự ý quyết định thay đổi đấu thủ hoặc rút đấu thủ khỏi cuộc thi nếu không được Hội đồng trọng tài cho phép. Trong quá trình thi đấu cũng không được phép giúp đỡ vận động viên.

8.1.3.3. Thủ tục khiếu nại

- Tất cả những khiếu nại đều phải đưa đến Hội đồng trọng tài, có thể đưa trước khi bắt đầu cuộc thi, trong quá trình cuộc thi và sau khi kết thúc cuộc thi, nhưng không chậm quá một giờ sau khi kết thúc môn thi đó.

- Đoàn trưởng (đội trưởng) có thể đưa khiếu nại bằng văn bản có chỉ dẫn các mục, các điểm của quy tắc hoặc điều lệ cuộc thi mà người khiếu nại bị cho là vi phạm.

- Tổng trọng tài phải xem xét các khiếu nại trong thời gian ngắn nhất. Nếu khiếu nại đó cần phải kiểm tra thì quyết định cần được thực hiện trong vòng 24h từ lúc nhận được đơn khiếu nại và kết luận trước khi xác định thành tích cuối cùng của cuộc thi.

- Quyết định của Tổng trọng tài về khiếu nại là quyết định cuối cùng và không xét lại nữa.

8.1.3.4. Xác định thành tích và xếp hạng

- Khi vô địch cá nhân và đồng đội được xác định theo điều lệ cuộc thi.

- Khi xếp hạng cá nhân, vận động viên nào có thành tích (tổng số điểm) cao hơn được xếp trên. Trường hợp thành tích bằng nhau của một số vận động viên thì vận động viên nào có kết quả cao hơn trong các môn thi sẽ được xếp trên.

- Khi xếp hạng đồng đội, cộng tổng số điểm của các vận động viên trong từng đội và xếp hạng cao thấp cho các đội căn cứ vào tổng số điểm của từng đội. Trường hợp thành tích bằng nhau của một số đội thì đội nào có vận động viên xếp thứ hạng cao (nhất, nhì, ba...) sẽ được xếp vị trí cao hơn.

8.2. Quy tắc thi đấu

8.2.1. Quy tắc chung

Điều 1: Mỗi VĐV phải thi đấu ba nội dung trong 2 ngày theo trình tự sau đây:

Ngày thứ nhất: Sáng thi bắn súng quân dụng, chiều ném lựu đạn.

Sáng ngày thứ hai: Chạy vũ trang 3000m (nam); 1500m (nữ).

Điều 2: Trang phục và trang bị thi đấu.

- Mặc quần áo lao động hoặc thể thao, đi giày hoặc chân đất.

- Súng quân dụng (tiểu liên AK; CKC).

- Đeo số thi đấu ở ngực và đeo kết quả bốc thăm ở lưng, không được thay đổi số áo trong suốt cuộc thi.

8.2.2. Quy tắc thi đấu các môn

8.2.2.1. Bắn súng quân dụng

Điều 3: Điều kiện bắn.

- Dùng súng trường CKC (hoặc tiểu liên AK), lực cò không nhẹ dưới 2kg.

- Mục tiêu cố định, bia số 4 có vòng.

- Cự li bắn: 100m.

- Tư thế bắn: nằm bắn có bệ tì.
- Số đạn bắn: 3 viên.
- Phương pháp bắn: phát một.

Điều 4: Thứ tự bắn.

Theo trình tự bốc thăm, vận động viên phải có mặt ở vị trí điểm danh trước giờ thi đấu 30 phút để làm công tác chuẩn bị, điểm danh, kiểm tra súng, đạn và trang bị.

Điều 5: Quy tắc bắn.

- Khi vào tuyến bắn, sau khi khám súng và có lệnh “Nằm chuẩn bị bắn” của trọng tài trưởng, vận động viên mới được làm công tác chuẩn bị. Khi chuẩn bị xong vận động viên phải báo cáo “số... chuẩn bị xong” và chỉ được bắn sau khi có lệnh của trọng tài.
- Vận động viên được phép dùng vải bạt, chiếu, nilon để nằm bắn.
- Khi có lệnh bắn, mọi trường hợp cướp cò, nổ súng coi như đã bắn. Đạn thia lia không tính thành tích.
- Đạn chạm vạch được tính điểm vòng trong, đạn không nổ được bù thêm.
- Trong khi thi đấu, súng bị hỏng hóc, phải báo cáo với trọng tài nếu được phép mới được ra ngoài sửa hoặc đổi súng.

Điều 6: Vi phạm quy tắc bắn.

- Nổ súng trước khi có lệnh bắn của trọng tài sẽ bị tước quyền thi đấu môn bắn súng.
- Nổ súng sau khi có lệnh thôi bắn (dừng bắn) của trọng tài sẽ bị cảnh cáo, viên đạn đó không được tính thành tích và bị trừ thêm 2 điểm trên bia.
- Trong thi đấu nếu bắn nhầm bia mà trọng tài xác định được thì viên đạn đó vẫn được tính điểm cho người bắn nhầm nhưng bị trừ 2 điểm trên bia.
- Nếu trên bia có hai điểm chạm, không phân biệt rõ điểm chạm của từng người bắn thì cả hai đều có quyền nhận viên đạn có điểm chạm cao nhất hoặc cả hai đều bắn lại. Thành tích bắn lại được xử trí như sau:
 - + Dù đạt được bao nhiêu nhưng so với nhau, nếu ai có điểm bắn cao hơn sẽ lấy điểm cao của bia đang xét, điểm thấp dành cho người có điểm bắn thấp hơn.
 - + Nếu điểm bắn lại cả hai đều cùng bằng nhau, ai có điểm chạm gần trung tâm hơn sẽ được lấy điểm cao của bia đang xét. Ngoài ra phải trừ đi hai điểm trên bia đối với người bắn nhầm.
 - + Mọi hành động gian lận như đổi súng (dùng súng chưa được kiểm tra), đổi người dự thi không có trong danh sách báo cáo, hoặc vi phạm các điểm a; d của **Điều 5**, hoặc vi phạm nguyên tắc an toàn thì dù là vô tình hay cố ý, tùy theo lỗi nặng, nhẹ mà trọng tài nhắc nhở, cảnh cáo hoặc tước quyền thi đấu môn bắn súng.

Nếu bắn súng thể thao: cự li 50m, bia số 7B, năm bắn có bệ tỷ, bắn 3 viên tính điểm (như bắn súng quân dụng).

8.2.2.2. Ném lựu đạn xa, trúng hướng

Điều 7: Điều kiện ném.

- Lựu đạn gang, hình trụ, cán gỗ dài 12cm, trọng lượng 600gam (nam) và 500 - 520gam (nữ).
- Bãi ném: Ném trong đường hành lang rộng 10m, đường chạy rộng 4m, dài từ 15 - 20m.
- Tư thế ném: Cầm súng (không dương lê), có thể đứng ném hoặc chạy lấy đà.
- Số quả ném: Ném thử 1 quả, ném tính điểm 3 quả.
- Thời gian ném: 5 phút (kể cả ném thử).

Điều 8: Thứ tự ném.

- Theo kết quả bốc thăm, phân chia bãi ném và đợt ném, vận động viên khởi động ở ngoài, đến lượt ném mới vào vị trí chuẩn bị.

Điều 9: Quy tắc ném.

- Vận động viên chỉ được ném sau khi có lệnh của trọng tài, có thể ném thử hoặc không. Muốn ném thử hoặc ném tính điểm, vận động viên phải báo cáo “Số... xin ném thử” hoặc “Số... chú ý”, “1 quả ném thử” hoặc “3 quả ném tính điểm” bắt đầu, vận động viên mới được ném. Mỗi quả ném đều có hiệu lệnh bằng còi của trọng tài.

- Khi ném, một tay cầm súng (không dương lê) có thể đứng ném hoặc chạy lấy đà. Khi đang chạy đà, nếu cảm thấy chưa tốt, vận động viên có quyền chạy lại với điều kiện không được để một bộ phận nào của thân thể chạm hoặc vượt ra ngoài vạch giới hạn, kể cả lựu đạn tuột tay rơi ra ngoài vạch giới hạn.

- Lựu đạn phải rơi trong phạm vi hành lang rộng 10m, rơi trúng vạch vẫn được tính thành tích.

- Ném xong cả 3 quả tính điểm rồi mới đo thành tích của cả 3 lần ném và lấy thành tích của lần ném xa nhất. Mỗi lần lựu đạn rơi trong hành lang, trọng tài đều cầm cờ đánh dấu điểm rơi, thành tích lấy chẵn tới cm.

Điều 10: Vi phạm quy tắc ném.

- Khi được lệnh ném của trọng tài, nếu do sơ ý lựu đạn rơi bên ngoài vạch giới hạn thì coi như đã ném quả đó.

- Lựu đạn rơi ngoài phạm vi hành lang không được tính thành tích.
- Tự động ném trước khi có lệnh của trọng tài sẽ bị tước quyền thi đấu môn ném lựu đạn.
- Mọi hành động trong gian lận, như đổi người, đổi trang bị hoặc vi phạm các điểm a, b, d của **Điều 9** thì tùy theo lỗi nặng nhẹ mà trọng tài nhắc nhở, cảnh cáo hoặc tước quyền thi đấu.

8.2.2.3. Chạy vũ trang

Điều 11: Điều kiện chạy.

- Đường chạy tự nhiên.
- Cự ly chạy: 3000m (nam); 1500m (nữ).

Điều 12: Thứ tự chạy.

- Vận động viên phải có mặt ở vị trí tập kết trước giờ thi đấu của mình 20 phút để điểm danh, kiểm tra trang bị và khởi động.

- Trọng tài điểm danh, sắp xếp vị trí cho các vận động viên theo thứ tự bốc thăm.

Điều 13: Quy tắc chạy.

- Xuất phát: Mỗi đợt xuất phát không quá 20 người. Khi có lệnh “vào chỗ” của trọng tài, các vận động viên về vị trí của mình và chuẩn bị chờ lệnh. Tay và chân không được chạm vào vạch xuất phát.

- Khi có lệnh chạy (bằng súng phát lệnh hoặc phát còi...) vận động viên mới bắt đầu chạy.

- Khi chạy trên đường, vận động viên không được gây trở ngại cho các đấu thủ khác. Khi muốn vượt phải vượt về phía bên phải. Nếu đối thủ chạy trước không chạy vào sát mép trong đường chạy vận động viên chạy sau được phép vượt lên bên trái đối thủ đó. Dù vượt bên nào cũng không được gây trở ngại, như xô đẩy, chen lấn đối thủ chạy trước. Vận động viên chạy trước cũng không được cản trở, chèn ép đối thủ chạy sau khi đối thủ này muốn vượt lên trước.

- Khi về đích, vận động viên dùng một bộ phận thân người chạm vào mặt phẳng cắt ngang vạch đích hoặc dây đích (trừ đầu, cổ, tay và chân) và khi toàn bộ cơ thể đã vượt qua mặt phẳng đó mới coi là chạy hết cự ly.

Điều 14: Vi phạm quy tắc chạy.

Vi phạm các điểm sau đây sẽ bị xóa bỏ thành tích:

- Chạy không hết đường quy định.
- Nhờ người mang vũ khí, trang bị hoặc dìu đỡ trước khi về đích.
- Về đích thiếu súng.
- Chen lấn thô bạo, cố tình cản trở làm ảnh hưởng tới thành tích hoặc gây thương tích cho đối thủ.

Về đích thiếu trang bị sẽ bị phạt bằng cách cộng thêm vào thành tích chạy thời gian như sau:

- Thiếu số áo, cộng 10 giây.
- Thiếu thắt lưng, cộng 10 giây.
- Vi phạm điểm a của **Điều 12**, điểm a, b, c, d của **Điều 13** hoặc có hành động gian lận thì tùy theo lỗi nặng nhẹ mà trọng tài nhắc nhở, cảnh cáo hoặc tước quyền thi đấu môn chạy vũ trang.

8.2.3. Cách tính thành tích

8.2.3.1. Tính điểm và xếp hạng cá nhân

Điều 15: Tính điểm bắn súng quân dụng.

Căn cứ vào kết quả điểm chạm, cộng điểm của 3 viên bắn tính điểm. Đối chiếu với bảng điểm để quy ra điểm (xem bảng tính điểm), vận động viên có số điểm cao hơn xếp trên. Nếu bằng nhau, sẽ so sánh ai có vòng 10; 9; 8.. nhiều hơn xếp trên. Nếu vẫn bằng nhau thì xếp bằng nhau.

Điều 16: Tính điểm ném lựu đạn.

Căn cứ vào thành tích ném xa nhất, đối chiếu với bảng điểm để quy ra điểm (xem bảng tính điểm) vận động viên nào có số điểm cao hơn xếp trên. Nếu bằng nhau, xét trực tiếp các quả ném đó, nếu vẫn bằng nhau thì xét đến quả thứ hai, thứ 3.

Điều 17: Tính điểm chạy vũ trang.

Căn cứ vào thời gian chạy (sau khi đã xử lý các trường hợp phạm quy) để quy ra điểm (xem bảng tính điểm), vận động viên nào có số điểm cao hơn thì xếp trên. Nếu bằng nhau, sẽ xét vận động viên nào có thời gian chạy ít hơn xếp trên, nếu vẫn bằng nhau, xếp bằng nhau.

Điều 18: Tính điểm cá nhân toàn năng.

Căn cứ điểm của ba môn, vận động viên nào có tổng số điểm nhiều hơn xếp trên. Nếu điểm bằng nhau, sẽ lần lượt so sánh thứ tự (các môn chạy vũ trang, bắn súng, ném lựu đạn) vận động viên nào có thứ hạng cao xếp trên. Nếu bằng nhau, xếp bằng nhau.

8.2.3.2. Tính điểm và xếp hạng đồng đội

Điều 19: Tính điểm đồng đội từng môn.

- Cộng điểm từng môn của các vận động viên trong đội. Đội nào có tổng số điểm nhiều hơn xếp trên. Nếu bằng nhau, xét đội nào có số vận động viên xếp thứ hạng toàn năng cao hơn xếp trên.

Điều 20: Tính điểm đồng đội toàn năng.

Cộng điểm toàn năng của các vận động viên trong đội, đội nào có tổng số điểm nhiều hơn xếp trên. Nếu bằng nhau, xét đội nào có số vận động viên xếp theo thứ hạng toàn năng cao hơn xếp trên.

8.2.3.3. Tính điểm và xếp hạng toàn đoàn

Điều 21: Xếp hạng toàn đoàn.

- Cộng điểm của đồng đội nam và đồng đội nữ, đoàn nào có tổng số điểm nhiều hơn thì xếp trên. Nếu bằng nhau, đoàn nào có đội nữ xếp hạng cao hơn xếp trên.
- Bảng tính điểm từng môn, một số mẫu biểu và văn bản.
- Tính điểm từng môn (theo phụ lục 1,2,3).

Phụ lục 1: Bắn súng quân dụng (áp dụng cho cả nam và nữ).

Điểm trên bia	Điểm xếp hạng	Điểm trên bia	Điểm xếp hạng	Điểm trên bia	Điểm xếp hạng	Điểm trên bia	Điểm xếp hạng	Điểm trên bia	Điểm xếp hạng
30	1000	24	500	18	220	12	110	6	50
29	900	23	450	17	190	11	100	5	40
28	800	22	400	16	170	10	90	4	30
27	710	21	350	15	150	9	80	3	20
26	630	20	300	14	130	8	70	2	10
25	560	19	250	13	120	7	60	1	0

Phụ lục 2: Ném lựu đạn

Nam: 60m được tính 1000 điểm.

Xa hơn 60m, cứ 4cm được tính 1 điểm.

Kém hơn 60m, cứ 5m trừ đi 1 điểm.

Nữ: 40m được tính 1000 điểm.

Xa hơn 40m, cứ 4cm được 1 điểm.

Kém hơn 40m, cứ 5m trừ đi 1 điểm.

(Theo nguyên tắc tính điểm tròn: Từ 3cm trở lên được tính tròn 1 điểm, dưới 3cm thì không điểm).

Phụ lục 3: Chạy vũ trang (Nam 3000m; nữ 1500m)

Nam: 10 phút được tính 1000 điểm

Nhanh hơn 10 phút thì 1 giây được 5 điểm.

Chậm hơn 10 phút thì 1 giây trừ đi 3 điểm.

Nữ: 5 phút 30 giây được tính 1000 điểm

Nhanh hơn 5 phút 30 giây thì 1 giây được 5 điểm.

Chậm hơn 5 phút 30 giây thì 1 giây trừ đi 3 điểm.

Phiếu đăng ký thi đấu ba môn quân sự phối hợp

Đơn vị:.....Số thăm:.....

TT	Họ và tên	Số áo	Nội dung					
			Bắn súng		Ném lựu đạn		Chạy vũ trang	
			Đợt	Bệ	Đợt	Bãi	Đợt	Ô (hàng)
1	Nguyễn Văn A	120	1	3	5	1	4	6

....., Ngày tháng năm 2021

Đoàn trưởng (đội trưởng)

(Ký tên)

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nêu điều kiện và quy tắc thi đấu của từng môn.
2. Nêu nội dung luyện tập thi đấu cụ thể của từng môn.
3. Thực hiện động tác bắn súng tiêu liên AK; súng trường CKC.
4. Thực hiện động tác kỹ thuật ném lựu đạn xa, đúng hướng.
5. Thực hiện động tác kỹ thuật chạy bền.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cục Quân Huấn, BTTM (2009), *Sách dạy sử dụng lựu đạn*, Nxb QĐND
- [2]. Cục Quân Huấn, BTTM (2014) *Giáo trình kiểm tra kỹ thuật chiến đấu bộ binh*, Nxb QĐND
- [3]. Cục Quân Huấn, BTTM (2013) *Giáo án huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh - Tập 4*, Nxb QĐND
- [4]. Cục Quân Huấn, BTTM (2012), *Giáo án huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh Tập I*, Nxb QĐND
- [5]. Cục Quân Huấn, BTTM (2003), *Sách dạy sử dụng súng tiểu liên AK*, Nxb QĐND
- [6]. Cục Quân Huấn, BTTM (2014), *Giáo trình kiểm tra kỹ thuật chiến đấu bộ binh*, Nxb QĐND
- [7]. Bộ Tổng Tham mưu QĐNDVN (1999), *Từng người và tổ bộ binh trong chiến đấu*, nxb QĐND
- [8]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Giáo trình vũ khí bộ binh và kỹ thuật sử dụng, dùng cho đào tạo giảng viên, giáo viên giáo dục quốc phòng - an ninh*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
- [9]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Giáo trình Chiến Thuật bộ binh dùng cho đào tạo giáo viên giáo dục quốc và An Ninh*, Giáo Dục Việt Nam Hà Nội.
- [10]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
-